

Nguyệt san



BỘ MỚI

CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP

■ TIN TỨC PHẬT SỰ

■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO



Nhất thiết pháp như huyền
Viên lý u tâm thức
Thi bất đắc hữu vô
Nhi hưng đại bi tâm
(Kính Lăng Già)

13

THÁNG 12.2012



Nguyệt san

CHÁNH PHÁP

SỐ 13
THÁNG 12.2012

HOẰNG PHÁP — TIN TỨC PHẬT SỰ — VĂN HỌC PHẬT GIÁO

Địa chỉ tòa soạn: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704. U.S.A. — Tel.: (714) 571-0473 | Email: info@chanhphap.us

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Trị sự: **ĐD. Thích Đồng Trực**
Thư ký: **ĐD. Thích Chúc Thiên**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ biên: **Vĩnh Hào**
Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Vĩnh Hào**
Hình bìa: **Phượng Hồng**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai hữu duyên trong cả thế giới của trời và người. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu truyền qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.us

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THIỀN HÀNH, CHUÔNG TÌNH THỨC / THU ĐẾN / HÀNH THIỀN (thơ Thắng Hoan, ĐNT Tin Nghĩa, Trí Bảo), trang 7
- ♦ HÌNH ẢNH KHÓA TU HỌC TẠI TÒ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI (Quảng Nguyên), trang 8
- ♦ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN 2 (HT. Thích Tịnh Từ), trang 10
- ♦ LÁ THƯ VƯỜN TUỆ (Thích nữ Trí Hải), trang 13
- ♦ HẠT BỤI THEO VÈ, CHIẾC NHẠN BAY RỜI (Huyền Không), trang 14
- ♦ KÍNH VIẾNG ĐẠI TÝ THÍCH NỮ TRÍ HẢI (thơ Tuệ Sỹ) trang 15
- ♦ HÌNH ẢNH HỘI THẢO TRONG NGÀY VỀ NGUỒN VỊ TẠI ÚC, (Hải Triều Âm), trang 16
- ♦ BUDDHAGHOSA VÀ LEV TOLSTOY... (Thích Phước An), trang 18
- ♦ NI SƯ TRÍ HẢI: CÂY BÚT TÀI HOA (Ninh Giang Thu Cúc), trang 21
- ♦ CON NGƯỜI MẠNH NHẤT (Thích nữ Trí Hải), trang 23
- ♦ HÌNH ẢNH LỄ KHAI MẠC NGÀY VỀ NGUỒN VỊ TẠI ÚC (Hải Triều Âm), tr. 24
- ♦ ÁNH SÁNG TUỆ GIÁC (Thích Chúc Đại), trang 26
- ♦ CHÙM THƠ MẠC PHƯƠNG TỪ, tr. 27
- ♦ THÔNG BÁO HỘI LUẬN: PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI MỸ (Hội Phật Học Đuốc Tuệ), trang 28
- ♦ PHÁP MÔN LẠY PHẬT (Tâm Lương Đào Mạnh Xuân), trang 29
- ♦ CUỐI NĂM, TUỔI CHA / ĐI VÀ VỀ VỚI HUẾ, HOA LỘC VƯỜN CHÙA TỪ HIẾU (thơ Diệu Linh, Tâm Thường Định), tr. 31
- ♦ LỄ CẦU SIÊU CỐ THỊ SĨ NGUYỄN CHÍ THIỆN (Bình Sa), trang 33
- ♦ MƠ LÒNG LẮNG NGHE (Thích Đức Trí), trang 34
- ♦ VỀ CHÙA TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI ẮN GIÓ TỎ LIỀU QUẢN (Huỳnh Kim Quang), trang 36
- ♦ THUYỀN SEN QUA CHÓN BỤI HỒNG (Chân Hiền Tâm), trang 38

- ♦ LÁ THƯ GỬI HAI NGƯỜI BẠN (Hoang Phong), trang 40
- ♦ THIỀN SỰ VÀ NHẠC SĨ... (thơ TK. Thiện Hữu), trang 41
- ♦ THÔNG BÁO VỀ KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 3 (TK. Thích Nguyên Siêu), trang 42
- ♦ MÙA THU... RỜI (Biên thị Thanh Liễm), trang 47
- ♦ HỒI HAY ĐÁP ĐÚNG – song ngữ, chương 2 (Thích Nguyên Tạng dịch), trang 48
- ♦ BƯỚC CHÂN ĐẠI SĨ (Huệ Trân), tr. 51
- ♦ MÊ NGỘ (thơ Kiều Mộng Hà), trang 53
- ♦ NHÂN GIAN TỊNH ĐỘ (Tâm Minh Vương Thúy Nga), trang 53
- ♦ HẠT CÁT TỰ TÌNH (thơ Kha Nguyệt), trang 53
- ♦ NẤU CHAY: CHẢ GIÒ (Diệu An), tr. 57
- ♦ BÀN VỀ ĐÔI MẮT (Bs. Đỗ Châu Oanh), trang 59
- ♦ VẬN MẠNG CÓ THỂ THAY ĐỔI - truyện song ngữ (HT. Thích Trí Chơn dịch), trang 63
- ♦ PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM – 5. BUDDHIST STORY / CHUYỆN PHẬT GIÁO (Tâm Minh Ngô Tằng Giao dịch), trang 64
- ♦ CHỈ TÂM PHÁT NGUYỆN, CẢM ỨNG MƯỜI PHƯƠNG... (Tịnh Minh soạn dịch), trang 66
- ♦ NHỚ PHẬT KHI ĐANG LÀM VIỆC (thơ Đồng Thiện), trang 68
- ♦ THỦ HOANG (Vĩnh Hào), trang 69
- ♦ ÔNG GIÀ NOEL (Chiêu Hoàng), tr. 72
- ♦ THƯ MỜI THAM DỰ HÀNH HƯƠNG BẮC CALI (TV Chân Không) trang 74
- ♦ TÂM THƯ KHẢN THIẾT CỦA CHÙA THIỀN TRÚC, SAN JOSE, trang 75
- ♦ CHÙA THƯƠNG (thơ Giới Định), tr. 76
- ♦ TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ (HT. Thích Nguyên Trí), trang 88



Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

Báo Chánh Pháp Bộ Mới - số 13 (tháng 12.2012) do Chùa Pháp Vũ (Florida) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro (California) ấn tặng. Kính nguyện quý tự và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.

Thư Tòa Soạn

Sương thu buổi sớm hazy còn giăng mờ bên ngoài khung cửa sổ. Những ánh đèn đường như dịu lại sau một đêm dài tỏa sáng. Các dây đèn giăng mắc trước nhà hàng xóm vẫn còn kiên trì chớp loé trong một trời mù sương. Ông già Noël hình nộm vẫn cười hi hi trước sân nhà ai. Chỉ mới sau tuần lễ Tạ Ôn là thiên hạ đã trang trí đón chào mùa lễ Giáng Sinh và Tân niên. Không khí những ngày cuối năm thật rộn ràng, vui vẻ. Nhưng giờ này thì mọi người đang còn chìm sâu trong giấc đông miên.

Lặng lẽ ngắm nhìn khu vườn nhỏ mờ đục trong sương mai, lòng đầy một niềm vui nhẹ nhàng, thư thả. Nghĩ về những bạn hiền đã đến và đã đi, những người bạn hiền đang có, đang gần gũi. Những người bạn, cũng là những bậc thầy, thật hiền và dễ thương...

Tinh thần viễn ly, buông xả, có thể nói là chất liệu nền tảng mà tuyệt vời nhất của hành giả trên đường học đạo, cũng như của văn nhân nghệ sĩ Phật giáo trong cảm hứng sáng tạo nghệ thuật. Nhưng viễn ly, buông xả không chỉ dừng nơi lý thuyết mà phải là thái độ và hành xử thường trực của một con người hướng vọng giải thoát.

Không thể nói suông về vô ngã khi tự thân đầy vọng chấp và ý thức phân biệt nhân-ngã, bi-thủ.

Không thể nói suông về giải thoát khi càng lúc tâm thức và hành động chỉ biết tự trôi mình vào trong ổ kén của những sở hữu, sở kiến, sở đắc.

Có viễn ly, buông xả mới có vô ngã, giải thoát.

Hành động thiết thực nhất của tinh thần viễn ly, buông xả, chính là bố thí, là sự cho đi, là sự hiến tặng, với niềm thương yêu, trân trọng, vì lợi ích an vui cho kẻ khác.

Đông phương có hình ảnh hòa thượng Bồ Đại (được truyền tụng là hóa thân của Phật Di Lặc); tây phương có ông già Noël (Santa Claus). Họ là hiện thân của sự bố thí, hiến tặng, của sự ban vui cứu khổ. Cho đi những gì mình có, hiến tặng những gì kẻ khác cần. Đó là bước đầu của tâm bồ-đề. Không khởi đi bằng bước chân đầu tiên này thì đừng nên bàn nói gì về vô ngã, giải thoát.

Cho nên, hình ảnh con người tuyệt vời, được xưng tụng là hiền giả, thánh giả, đại trượng phu, xuất trần thượng sĩ... trong ngôn ngữ văn học Phật giáo, là con người vượt ra khỏi mọi danh vọng, quyền lợi, sở hữu (vật chất hay tinh thần) của thế gian. Sự cao cả vĩ đại của họ nằm ở chỗ buông xả, từ bỏ, không phải nơi sự tom góp, tích lũy. Trong khi kẻ khác thì mẫn với những thành công về cơ ngơi, tài sản to lớn, đồ sộ, thì một hành giả viễn ly lặng lẽ đi vào chỗ tận cùng của cô liêu, hoang vắng – nơi ấy không còn những bung xung rộn ràng của các sở hữu vật chất, đồng thời vượt khỏi mọi vọng tưởng đảo điên của tâm thức.

"Nhất bát thiên gia phạn / Cô thân vạn lý du / Kỳ vi sinh tử sự / Giáo hóa độ xuân thu"

Một bình bát, khát thực muôn nhà; đơn thân rảo bước muôn dặm xa.

Chỉ có sinh-tử là việc lớn; tận tụy hóa độ khắp hà-sa.

Bằng tâm thức và hành động viễn ly, buông xả, con người cao vời siêu tuyệt ấy không nhất thiết phải là một trường giả giàu có, mà đôi khi là một kẻ sĩ không nhà; không nhất thiết phải là một trường lão hòa thượng, mà có khi chỉ là một tiểu đồng sa-di; không nhất thiết phải là một vị tăng, mà thường khi cũng là những vị ni; không nhất thiết phải là kẻ xuất gia, mà đôi khi còn có những cư sĩ thế tục. Có thể gọi họ là những thiện tri thức, hay một cách gần gũi hơn: bạn hiền.

"Gần gũi những người bạn hiền giống như đi trong sương mù. Tuy sương không ướt áo liền, nhưng dần dần cũng thấm đượm." (Cảnh Sách Văn)

Bạn hiền ấy là ai, ở đâu? – Là những ai có thể có mặt khi mình cần đến; là những ai giúp khi mình gặp khó khăn; là những ai hướng dẫn khi mình bị bế tắc; là những ai cho khi mình thiếu hụt; là những ai nâng đỡ khi mình vấp ngã. Từ vật chất đến tinh thần, những người bạn hiền ấy luôn trao tặng chúng ta mà không đòi hỏi một điều kiện nào, dù là sự biết ơn. Nhưng chúng ta phải trân trọng. Bởi vì, khi nói bố thí hiến tặng là bước đầu của tâm bồ-đề thì sự trân trọng biết ơn những người bố thí cũng chính là nhận thức sơ khởi về tâm bồ-đề ấy.

Xin cảm ơn tất cả những bạn hiền lớn-nhỏ, già-trẻ, nam-nữ... đã đến và đã đi, đang đến hoặc sẽ đến trong cuộc đời chúng ta.



TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

HOA KỲ: Phục dựng các tượng Phật của hang động bằng công nghệ 3-D

Trong cuộc triển lãm mới tại trường Đại học New York mang tên Tiếng vọng của Quá khứ: Những Chùa Hang của Thiên Đường Sơn (tỉnh Hà Bắc, Trung quốc), ngoài hàng chục tác phẩm điêu khắc mượn từ các viện bảo tàng trong và ngoài nước và từ các cơ quan khác được trưng bày, khách tham quan còn được xem phần phục dựng 3-D kỹ thuật số nội thất của một trong bảy hang động của Thiên Đường Sơn, nơi phần lớn các bảo vật đã bị xâm phạm.

Người xem đứng giữa 3 màn hình, trên đó những hình quét được số hóa chiếu các hang động có chùa chiền, sắp theo từng lớp với những tác phẩm tượng điêu khắc. Hiệu quả này cho người xem cơ hội trải nghiệm được cái không gian đã từng hiện hữu cách đây hàng trăm năm.

Triển lãm kéo dài cho đến ngày 6-1-2013.

(Tipitaka Network – November 3, 2012)



Nhờ kỹ thuật số làm nổi bật, các phần của những chùa hang 1.500 năm tuổi của Thiên Đường Sơn có thể được nhìn thấy tại triển lãm của Đại học New York. Photos: Kelly Chung

CAM BỐT: Những khối đá khổng lồ để xây Angkor Wat đã được vận chuyển như thế nào?

Cuộc nghiên cứu mới được thực hiện bởi Etsuo Uchida và

Uchita Shimoda của trường Đại học Waseda (Shinguku, Tokyo, Nhật Bản) cho biết sự bí ẩn về cách những khối đá khổng lồ tại đền Angkor Wat nổi tiếng của Cam Bốt – vốn là một đền thờ của Ấn Độ giáo, sau đó chuyển thành ngôi đền Phật giáo – đã được chuyển đến địa điểm này như thế nào: Những khối đá mà các nhà khảo cổ học từng biết là của phần chân một ngọn núi gần đó đã được vận chuyển qua một mạng lưới gồm hàng trăm kênh đào.

Trước đó, giới khảo cổ và nghiên cứu tin rằng chúng được chuyển đến đó bằng phà qua một kênh đào và một con sông.

Tài liệu phát hiện mới này giúp giải thích rằng bằng cách nào mà khu phức hợp Angkor Wat lại được xây trong một giai đoạn thời gian ngắn như vậy.

(Shambhala Sun – November 4, 2012)



Angkor Wat - Photo: Keith Parker

NEPAL: Chư tăng các nước viếng Lâm Tì Ni

Kathmandu, Nepal – Ngày 2-11-2012, một đoàn tăng sĩ đã đến Nepal nhân dịp Năm Viếng Lâm Tì Ni 2012.

Đoàn đã viếng Swayambhunath vào sáng ngày 3-11 và tham quan Bảo tháp Charumati 2.300 năm tuổi và Baudhdhanath. Chư tăng viếng Lâm Tì Ni vào buổi chiều cùng ngày theo lịch trình.

Đoàn gồm 88 tăng sĩ từ Singapore, Mã Lai, Indonesia, Thái Lan, Tích Lan và Đài Loan, đến theo lời mời của Giáo hội Phật giáo Charumati Nepal, Charumati Buddha Bihar (Ấn Độ) và Hội tăng sĩ Trẻ Thế giới, Tăng hội

Nepal.

Người sáng lập kiêm chủ tịch Giáo hội Phật giáo Charumati Nepal là sư Tapassi Dhamma nói rằng những chuyến viếng thăm của tín đồ Phật giáo từ các nước khác nhau sẽ giúp truyền bá những lời dạy của Đức Phật và tầm quan trọng của hòa bình tại vũ đài quốc tế.

(The Himalayan – November 3, 2012)

ẤN ĐỘ: Tượng Đức Phật cao 70 feet sẽ được tôn trí trên đỉnh đồi Deuli

Một tượng Phật khổng lồ cao khoảng 70 feet sẽ được tôn trí trên đỉnh đồi Deuli, một di tích Phật giáo quan trọng tại huyện Jajpur ở bang Odisha.

Quyết định này đã được thông qua tại một cuộc họp cấp cao do Bộ trưởng Du lịch bang là ông Maheswar Mohanty chủ trì, diễn ra vào ngày 2-11-2012 tại thành phố Bhubaneswar.

Các nguồn tin chính thức cho biết đồi Deuli sẽ được phát triển thành một trung tâm du lịch và một tháp canh sẽ được xây dựng tại đây.

Chính quyền bang Odisha đã chi 22,5 triệu rupee cho Bộ Du lịch Odisha để khởi động ngay công việc. Đồng thời Bí thư Bộ Du lịch Ashok Kuman Tripathy đã chỉ đạo ban kiến trúc của ngành sớm khởi động việc cung cấp các cơ sở điện nước tại vùng đồi Deuli.

(New Kerala.com – November 4, 2012)

VƯƠNG QUỐC ANH: Phật tử sẽ xây chùa trong thành phố Cambridge

Ngày 4-11-2012, khoảng 400 người gồm chư tăng và Phật tử đến từ Thái Lan, Tích Lan, Việt Nam, Miến Điện, Tây Tạng và Vương quốc Anh đã tập trung tại Trường Netherhall

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

để đánh dấu sự thành lập hội Phật Từ tâm Cambridge.

Buổi lễ có sự tham dự của Phó thị trưởng, Cố vấn Paul Saunders .

Trở thành tổ chức từ thiện vào ngày 24-9 năm nay, hội Phật Từ tâm Cambridge đang hướng đến việc xây dựng một ngôi chùa trong thành phố để bảo trợ, mở các lớp thiền định và giảng dạy cho Phật tử, hội viên của cộng đồng và các trường đại học địa phương.

Luang Poh Sudiro, tăng sĩ chỉ đạo dự án, nói: "Cambridge có sự hợp tác lâu dài với Phật giáo từ thập niên 1930. Chúng tôi hy vọng rằng một ngôi chùa sẽ là một chương mới trong câu chuyện này, tạo thành một nơi để mọi người có thể đến và tìm hiểu về Phật giáo".

Sáng kiến thành lập một ngôi chùa ở Cambridge là ý tưởng của Phật tử Thái và Anh, nhưng bây giờ cuộc vận động này đã được các hội viên Tích Lan, Miến Điện, Việt Nam và Trung Hoa cùng tham gia.

(tipitaka.net – November 7, 2012)



Chư tăng trong phần lễ dâng y nhằm ngày kỷ niệm thành lập hội Phật Từ tâm Cambridge - Photo: Andrew Dickens

BANGLADESH: Một tượng Phật bị cướp khác được tìm thấy

Vào ngày 8-11-2012, cảnh sát đã thu hồi một tượng Phật bằng đồng tại phường Ramu của Chợ Cox, 40 ngày sau khi tượng bị cướp trong một cuộc tấn công vào cộng đồng Phật giáo.

Tượng này cao 6 inch, nặng khoảng 1 kg, là tượng thứ 6 được thu hồi sau khi bị cướp trong cuộc tấn công vào ngày 29-9 năm nay.

Đến nay cảnh sát đã bắt 2 người ở Ukhia có liên quan đến việc trộm cướp các tượng.

Vào đêm 29-9, một đám người đã phá hủy 18 tự viện Phật giáo và hơn 50 ngôi nhà ở Ramu. Vụ bạo lực rõ ràng do đã bị kích động bởi việc một bức ảnh phỉ báng kinh Cô-ran của đạo Hồi đăng trên Facebook .

Có khoảng 300 tượng Phật bị cướp đi từ các chùa và tu viện khác nhau trong cuộc bạo loạn này.

(The Daily Star – November 8, 2012)



Tượng Phật bằng đồng thu hồi được tại Ramu vào ngày 8-11-2012 - Photo: Banglar Chokh

ẤN ĐỘ: Cảnh sát đang chuẩn bị cơ sở dữ liệu về các tu viện ngoại quốc tại Bodh Gaya (Bồ đề Đạo tràng)

Để tổ chức tốt hơn về sự an toàn và an ninh, cảnh sát bang Bihar đang chuẩn bị cơ sở dữ liệu về các tu viện nước ngoài và nhà khách của họ tại Bodh Gaya.

Một quan chức ở Gaya nói rằng con số các tu viện ngoại quốc và nhà khách của họ đang tăng lên, và điều này khiến việc theo dõi trở nên khó khăn. "Điều này dẫn đến một vấn đề đối với chính quyền địa phương do thiếu thông tin về địa điểm, tên của vị tăng sĩ chịu trách nhiệm, về an ninh và dòng khách du lịch", quan chức này nói.

"Một số tu viện nước ngoài đã được thiết lập bên ngoài Bodh Gaya, chủ yếu là ở trong các làng chung quanh do giá đất rẻ", ông nói thêm.

Hội đồng Phật giáo Quốc tế của Ấn Độ, giáo hội Bodh Gaya, cho biết có 34 tự viện nước ngoài và các tổ chức khác ở Bodh Gaya.

Tháng trước, an ninh tại đền

Mahabodhi ở Bodh Gaya được giao cho lực lượng đặc nhiệm của cảnh sát bang Bihar do các mối đe dọa về một cuộc tấn công khủng bố có thể xảy ra.

(IANS – November 9, 2012)



Đền Mahabodhi ở Bodh Gaya - Photos: Getty Images & Google



HOA KỲ: Mazie Hirono, Phật tử đầu tiên được bầu làm thượng nghị sĩ Hoa Kỳ

Hoa Kỳ đã bầu bà Mazie Hirono thuộc đảng Dân chủ làm một thượng nghị sĩ cho bang Hawaii. Bà là Phật tử đầu tiên, và cũng là phụ nữ Mỹ gốc Á đầu tiên, trở thành thượng nghị sĩ nước này.

Hirono là đại biểu của quận 2 Hawaii tại Quốc hội kể từ năm 2007. Bà là một trong 2 Phật tử đầu tiên được bầu vào Hạ viện.

Sinh tại Nhật Bản, Hirono cùng gia đình nhập cư đến Hawaii

TRỞ VỀ TRANG MỤC LỤC

khi bà còn bé. Bà đã phục vụ 14 năm trong cơ quan lập pháp Hawaii và 8 năm với vai trò phó thống đốc bang.

Được nuôi dưỡng theo truyền thống Phật giáo Tịnh độ Chân tông, bà tin vào các giới luật của Phật giáo cũng như các tôn giáo khác về lòng khoan dung, sự liêm chính và tính trung thực.

(Shambhala Sun – November 9, 2012)



Thượng nghị sĩ Mazie Hironaka - Photo: Shambhala Sun

NHẬT BẢN: Đức Đạt lai Lạt ma kêu gọi bắt bạo động

Trong chuyến thăm Nhật Bản, Đức Đạt lai Lạt ma đã kêu gọi bắt bạo động khi ngài đến viếng đảo Okinawa, chiến trường đẫm máu với 200.000 người chết vào thời Đệ nhị Thế chiến.

Đức Đạt lai Lạt ma nói rằng trong thế kỷ 21 hòa bình sẽ đạt được thông qua đối thoại, và ngài nhấn mạnh rằng lòng khoan dung và sự tôn trọng đối với các quan điểm khác nhau là điều quan trọng. Ngài đã có những nhận định như thế trong một bài phát biểu tại thành phố Naha.

Trước bài phát biểu này, Đức Đạt lai Lạt ma đã đến viếng một bia tưởng niệm trong thành phố Itoman - là địa điểm của giai đoạn cuối của trận Okinawa - và ngài đã cầu nguyện mặc niệm tại đây.

(ANI – November 12, 2012)



Đức Đạt lai Lạt ma tại Nhật Bản - Photo: Google

HOA KỲ: Hội Từ Tế gây quỹ giúp nạn nhân bão Sandy

Portland, WA – Hội Phật giáo Từ Tế, một trong những tổ chức từ thiện lớn nhất tại Đài Loan, đã phát động việc gây quỹ trên khắp Hoa Kỳ vào cuối tuần (ngày 10 và 11-11-2012) để giúp nạn nhân của Siêu bão Sandy, vốn tàn phá nhiều vùng của Bờ Đông Hoa kỳ.

Huang Han-Kui, giám đốc trụ sở Từ Tế ở Hoa Kỳ, đã kêu gọi sự cứu trợ qua điện thoại, Internet hoặc trực tiếp đến các trạm của hội ở các siêu thị trên khắp đất nước.

Tại Portland ở bờ tây bắc Hoa Kỳ, các tình nguyện viên đã dựng những áp phích và những thùng lặt quặng tại các siêu thị và nhà hàng trong các khu vực có nhiều cư dân Trung Hoa, thu hút đông đảo người qua lại và người đi mua sắm.

Tổ chức từ thiện Phật giáo này cũng đã thành lập các trung tâm cứu trợ từ thiện tại New York và New Jersey, 2 trong những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất, để phối hợp với các nỗ lực cứu trợ như phân phối chăn mền, thực phẩm và nhu yếu phẩm.

(Mahabhodi IP – November 14, 2012)



Áp phích và thùng lặt quặng của hội Từ Tế tại Portland để cứu trợ nạn nhân bão Sandy Photo: CNA

MIỀN ĐIỆN: Người dân địa phương trả lại các cổ vật Phật giáo

Vào ngày 15-11-2012, hàng trăm tượng Phật 1.000 năm tuổi đã được các công nhân trả lại, sau khi một di tích chùa cổ ở xã Prome (thuộc khu Pegu Bago) bị trộm cướp do phát hiện cổ vật dưới lòng đất.

Người dân địa phương đã nộp những vật tạo tác có niên đại từ thời Sri Ksetra của Vương quốc Pyu này cho các cơ quan chức

năng, sau khi họ bắt đầu lo lắng về việc có thể bị bắt vì tội ăn cắp cổ vật.

Các cổ vật có giá trị này đã bị giấu đi và sau đó được chuyển khỏi địa điểm bằng xe hơi. Tuy nhiên, khi tin tức lan rộng đến các phương tiện truyền thông, những người chịu trách nhiệm cuối cùng đã giao nộp các bảo vật cho các cơ quan chức năng.

(Mahabhodi IP – November 17, 2012)



Một số tượng Phật 1.000 năm tuổi khai quật được tại xã Prome - Photo: Warazein Moekyo

ẤN ĐỘ - TÍCH LAN: Triển lãm về Phật giáo Tích Lan tại Mumbai

Tổng Lãnh sự quán Tích Lan tại Mumbai đã tổ chức một cuộc triển lãm ảnh theo chủ đề "Phật giáo ở Tích Lan" từ ngày 8 đến 11-11-2012.

Triển lãm bao gồm 60 bức ảnh đầy màu sắc của tác giả Chadrakant Ghatge, một nhà nhiếp ảnh được quốc tế công nhận. Số ảnh triển lãm này do ông chụp trong chuyến viếng thăm gần đây đến các chùa chiền và địa điểm văn hóa của Tích Lan.

Cuộc triển lãm phản ánh một phần tiêu biểu của Phật giáo tại Tích Lan, văn hóa Tích Lan và nếp sống của người dân được giác ngộ bởi Phật giáo của đất nước này.

Tổng Lãnh sự quán Tích Lan sẽ triển lãm những ảnh nói trên tại một số Trường Quốc tế ở Mumbai trong những tháng tới để tăng cường sự liên kết văn hóa độc đáo giữa Tích Lan và Ấn Độ.

(Sundayobserver.lk – November 18, 2012)

ÚC: Hội nghị Quốc tế về Phật giáo và Úc sẽ được tổ chức tại Perth

Từ ngày 23 đến 25-1-2013, Hội nghị Quốc tế về Phật giáo và Úc sẽ được tổ chức tại Perth, Tây Úc.

Chủ đề xuyên suốt của hội



Hình ảnh Hội nghị Quốc tế về Phật giáo và Úc năm 2012 - Photo: buddhismandaustralia.com

nghe sẽ là "Lịch sử, sự hiện hữu đương thời và các phương hướng tương lai cho Phật giáo trong khu vực Úc - Á". Hội nghị được hướng tới tất cả mọi người - tăng sĩ, học giả, học viên, viện sĩ và các thành viên của cộng chúng.

Sẽ có 4 nhóm hội thảo về lịch sử, triết học, tài liệu nghiên cứu (kinh điển, thiền định Kim cương thừa, bình luận, bản dịch) và về các chủ đề mở liên quan đến Phật giáo như "Phật giáo trong xã hội đương đại", "Phật giáo và Vật lý học Thiên thể", "Nghệ thuật Phật giáo", "Phật giáo tại châu Âu", v.v

(Shambhala Sun - November 16, 2012)

THÁI LAN: Tổng thống Obama viếng Chùa pho và hội kiến Quốc vương và Thủ tướng Thái Lan

Trong chuyến công du nước ngoài đầu tiên sau bầu cử, Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama đã viếng một ngôi chùa Phật giáo nổi tiếng thế giới và hội kiến Quốc vương Bhumibol Adulyadej và Thủ tướng Yingluck Shinawatra.

Ngày 18-11-2012, ông Obama đã đến Bangkok, điểm

dừng đầu tiên của chuyến công du nước ngoài chính thức đầu tiên của ông kể từ khi ông được tái đắc cử vào đầu tháng này.

Từ phi trường Don Muang ở ngoại ô phía bắc Bangkok, tổng thống Obama được một đoàn xe an ninh tối đa hộ tống đến Chùa Pho ở trung tâm thủ đô Thái Lan.

Đi cùng ông có Ngoại trưởng Hillary Clinton và Đại sứ Mỹ Kristie Kenney.

Tổng thống chiêm bái những bức bích họa hàng trăm năm tuổi và tượng Phật nằm khổng lồ tại chùa này.

Một giờ sau, tổng thống hội kiến Quốc vương Bhumibol. Cuộc gặp gỡ còn có sự tham dự của Thủ tướng Thái Lan và Đại sứ Mỹ.

Sau đó tổng thống Obama có các cuộc đàm phán song phương với Thủ tướng Shinawatra cùng các thành viên trong nội các của bà.

(AP & IANS - November 18, 2012)

HOA KỲ: Phòng trưng bày tác phẩm nghệ thuật Hàn quốc tại Bảo tàng Mỹ thuật Boston

Từ ngày 16-11-2012, Bảo tàng Mỹ thuật Boston mở một phòng trưng bày mới với các tác phẩm nghệ thuật Hàn quốc được tuyển chọn, cùng với một cuộc triển lãm có liên quan gồm các tranh Phật giáo Hàn quốc quý hiếm.

Phòng trưng bày nghệ thuật Hàn quốc bao gồm những vật có từ thời Đồ Đồng cho đến ngày nay, trong đó có những đồ trang men ngọc bích và những mảnh của đồ sơn mài và tác phẩm bằng kim loại thuộc thế kỷ thứ 11 đến 13.

Bên cạnh phòng trưng bày, bảo tàng triển lãm 10 bức tranh hiếm của Phật giáo Hàn quốc cùng với một tác phẩm đương đại bổ sung. Sau nhiều năm không triển lãm, nay các tranh này sẽ được trưng bày cho đến ngày 23-6-2013. Trong số đó có nhiều tranh do các nhà sư tập ở Boston tặng cho bảo tàng.

(Tipitaka Network - Nov. 21, 2012)



Tổng thống Hoa Kỳ Obama viếng chùa Pho ở Bangkok - Photo: AP

Thiền hành

Lối về trong không lộ
Bước lần trên am mây
Ta đi bằng tỉnh thức
Cho hoa nở hương đầy.

Chuông tỉnh thức

Ta có từ vô thi
Ta là của muôn phương
Ra đi bao giờ nhỉ
Lạc mãi giữa đường trần.

Qua rồi bao thế hệ
Đổi thay mấy lớp hình
Từ cơn trùng nhỏ bé
Chuyển sang kiếp nhân sinh.

Mang thân người nghệ sĩ
Đầy tim ủ men thơ
Nhạc thiêng về trong gió
Hòa cảm ta say mơ.

Bôn ba đời ảo mộng
Thân gầy mang thời gian
Đại khờ đưa bắt bóng
Thất thểu ngã ba đường.

Có thôn chuông chùa đổ
Tiếng chuông quyện hồn thơ
Ngân lên lời giác ngộ
Ta quay về quê xưa.

THĂNG HOAN

thơ

Thu đến

Thu đã đến rồi ai biết không?
Lá vàng rơi rụng cả đôi phong,
Gió đưa lành lạnh qua khe cửa,
Nắng đợi lung linh ở cánh song.
Trước ngõ dầy từng đùa theo gió,
Quanh vườn khóm cúc nở đầy bông.
Thu sau thu trước đều thu cả,
Mấy độ xa quê tan nát lòng.

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Trọng thu Nhâm thìn - Oct. 10, 2012

Hành Thiện

Hạnh Bồ Tát đạo khó hành
Nếu tâm bất tịnh không sanh lòng từ
Vô minh chẳng thấy chơn như
Nên chưa phân được thật-hư vô thường

Rồi gây tội lỗi lầm đường
Ngày đêm phiền não miên trường khổ đau
Khi thân bệnh mới khẩn cầu
Thập phương chư Phật mau mau giải nạn

Mạnh lành hạnh phúc bình an
Lãng quên Chánh Pháp đạo vàng bạn thân
Đam mê ngũ dục lục trần
Tham lam sân hận xa dần thiện tâm

Muốn hành hạnh nguyện Quán Âm
Về nương Tam Bảo thành tâm phát nguyện
Từ nay tu tập tịnh chuyên
Phát lồ sám hối tham thiền tụng kinh

Diệt vô minh tuệ giác sinh
Vun bồi cội phúc gia đình vui tươi
Phát tâm làm thiện giúp người
Từ bi bố thí cứu đời độ sanh.

TRÍ BẢO



**KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP MÙA THU 2012 TẠI TỔ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI
& LỄ CẦU NGUYỆN NẠN NHÂN BÃO SANDY (TỪ NGÀY 02 ĐẾN 04.11.2012)**



Chư Tăng Câu hội về tham dự Khóa Tu Học Mùa Thu Nhâm Thìn - 2012 tại TỔ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI



**LỄ GIỖ TỔ LIỄU QUÁN TẠI TỔ ĐÌNH TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI, DALLAS, TEXAS
NGÀY 04.11.2012**



TU HỌC—HÀNH TRÌ

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ II

do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ Tổ Chức
tại Miền Bắc California

Pháp thoại của *HT. Thích Tịnh Từ*



Thưa đại chúng,

1. Phẩm chất và năng lượng đẹp của Tăng Bảo

Phẩm chất và năng lượng lớn nhất của Phật Giáo, của Tăng Bảo là sự phát tâm tu tập Chánh- Pháp của Chư Tôn, Tăng Ni và giáo đoàn, của mọi giới Phật tử và tuổi trẻ, trong các tổ chức,

cộng đồng và quý Giáo Hội Phật Giáo ở trong ngoài nước và khắp năm châu.

Kể từ khi giáo đoàn Đức Thế Tôn thành hình cho đến nay, trải qua hơn 26 thế kỷ, giáo đoàn Tăng Ni dưới sự sáng lập và thống lý của Đức Thích Ca Như-Lai chưa hề dừng lại trên tiến trình văn minh khoa học và văn minh tâm linh nhân loại. Khoa học càng được mở mang, xương minh thì giá trị nền tâm linh Phật Giáo càng thêm sáng tỏ, sống động và bất cứ ai cũng có thể thấy bản chất sinh hoạt tươi mát, nhẹ nhàng, thấm thấu của đạo Phật có mặt tuôn chảy ngập tràn trong nếp sống của mọi nền văn hóa, tôn giáo và tâm linh của nhân loại.

Giáo pháp từ bi, trí tuệ của đạo Phật như không khí, như hơi thở, như ánh trời quang, như mặt đất vững chãi và như nguồn suối nhu nhuận, lưu chảy cùng khắp đó đây. Vì thế, bất cứ ở đâu, nơi nào có người học hiểu và thực hành thâm sâu lời Phật dạy thì ở đấy, tại ấy có hòa bình, có tự do, có an ninh và con người tại xứ sở ấy, tại thời đại ấy có đầy đủ hạnh phúc và niềm tin yêu đích thực.

Trong tinh thần học Phật, tu tập chánh pháp ấy, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đã liên tục tổ chức nhiều Mùa An Cư Kiết Hạ và tu tập hằng năm luân phiên tại các tu viện, Phật Học Viện và các trung tâm sinh hoạt của Giáo Hội, chưa bao giờ bỏ sót hay gián đoạn - Nhằm thúc liễm giới hạnh, đẩy mạnh phong trào tu thân và dưỡng tánh cho mọi giới Phật tử xuất gia, tại gia tinh tiến hơn và tươi mát hơn, những khóa tu học, ứng dụng pháp hạnh cho cả hai giới tăng ni, Phật tử trong Giáo Hội mỗi ngày mỗi được phát huy rộng lớn hơn. Đây cũng là Phật sự ưu tiên hàng đầu trong mọi sinh hoạt hoằng pháp của quý tôn đức và Giáo Hội.

Hình ảnh quý Tôn đức tôn chứng, giáo thọ sư, quý tăng trưởng quý tu viện, tự viện và Chư Tăng Ni học viện, quý nam nữ Phật tử cư sĩ tham dự khóa tu từ ngày 01 đến ngày 04 tháng 08 năm 2012 tại miền

Bắc California, đang lần lượt hàng ngũ chỉnh tề quang lâm hội trường làm lễ khai mạc Khóa Tu Chánh Niệm. Trong khóa tu, có 175 Chư Tăng Ni và 450 nam nữ tuổi trẻ học viên chính thức tham dự, đồng thời có trên hay trăm ngàn Phật tử xa gần, địa phương và trong Giáo Hội trực tiếp, gián tiếp khích lệ, bảo trợ và tán trợ những khóa tu của chư Tăng Ni, Phật tử do Giáo Hội khởi xướng, tổ chức và hướng dẫn khắp nơi tại Hoa Kỳ, Canada, Âu Châu và bắc Mỹ Châu.

Những nét chấm phá nổi bật tràn đầy sức sống qua các biến thiên Phật sử, không phải ở các hình thức đồ sộ và nguy nga chùa viện; cũng không phải ở những cuộc xuống đường đấu tranh đòi quyền sống, quyền tự do làm người mà chính là ở nơi môi trường tu tập, thực hành chánh pháp của mọi giới Tăng Ni và tín đồ cư sĩ Phật Giáo trên toàn cầu.

*"Những nét đẹp chấm phá nổi bật
Qua biến thiên Phật sử uy hùng
Xưa nay của những người Phật tử
Chính là giới đức của Tăng Ni
Là sự nghiêm trì lời Phật dạy
Của hàng đệ tử Đức Thế Tôn.
Linh hồn mạng mạch của Chánh Pháp
Chính là nếp sống được cùng tu
Của người con Phật qua thời đại
Và qua các thế hệ tiếp truyền..."*
(Kính Thừa Tự Pháp)

2. Lời khích lệ các bậc thầy lớn

Đức Đạt Lai Lạt Ma, vị hoạt Phật của quốc gia Tây Tạng, nhà lãnh đạo trí tuệ và từ bi của Phật Giáo Thế Giới, nhà tiêu biểu cho sự vững chãi, an định và tự do của nền hòa bình nhân loại đã từng dặn dò môn đệ của ngài:

"... Các đệ tử Đức Phật hãy thừa tự chánh pháp bằng cách sống đơn thuần, chánh niệm qua những khóa tu học thiền quán, an cư, an lạc với tăng thân và có các vị giáo thọ, đạo sư hướng dẫn cách sống thiếu dục, tri túc và tịch mặc. Dù ở chốn núi rừng, phố thị, trong tu viện, trong đạo viện hay trong cảnh ồn náo mà ta biết trở về với hơi thở, câu niệm hồng danh Phật, câu niệm chú Quán Thế Âm 'Án Ma Ni Pat Mê Hồng' có ý thức sáng suốt là trong tâm ta có định lực, làm chủ được cảm giác tĩnh lặng, không bị mọi thứ ngoại cảnh, bạo động và bạo hành chi phối. Đó là lúc chúng ta đang có tự do, hạnh phúc và đang làm mới toàn triệt thân, khẩu và ý. Chúng ta đang thừa tự chánh pháp của Đức Thế Tôn Như Lai..."

Cùng với lời giáo huấn của Đức Đạt Lai Lạt Ma và cùng với ý thức mình mãi, tích cực của chư tôn đức



tăng ni trong giáo đoàn Phật Giáo qua mọi thời gian, không gian trên khắp các quốc gia, các khóa tu và các lễ tự tứ an cư kiết giới của không chỉ giới đệ tử xuất sĩ, mà ngay cả các chúng đệ tử tại gia, cận sự nam, cận sự nữ cư sĩ Phật tử tại gia cũng nhất loạt trên khắp mọi miền, quốc thổ địa cầu đều nhất tâm tổ chức những mùa lễ hội tu học chánh niệm, thiền định và học vi diệu pháp trong tam tạng kinh điển Bắc, Nam truyền của Đức Thế Tôn.

*"Hình ảnh Tôn đức chiếc y vàng
Tăng ni mỗi bước đượm bình an
Lầu các danh lợi nào sánh kịp
Giới định hương bay ngược gió ngàn.
Việt Nam Phật Giáo Tăng, Ni trẻ
Nữ tú Nam thanh hộ tăng đoàn
Cùng chung chí hướng cùng tu tập
Giáo pháp Như Lai hạnh vẹn toàn."*

Mở lời diễn văn lễ khai mạc khóa tu, Thượng tọa Thích Bổn Đạt, chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hải Ngoại tại Canada nói:

"...Không có nỗi vui nào lớn hơn khi chúng ta được quy tụ với nhau dưới lá cờ năm sắc, năm ánh hào quang của Đức Phật, linh hồn của thông điệp hòa bình nhân loại và chúng sanh dưới vòm trời trái đất màu xanh tươi mát của lễ sinh tồn tương quan duyên khởi. Đức Phật dạy ta và người, vạn loại chúng sanh không khác. Vì vậy, chúng ta phải học Phật, tu Phật để thương và hiểu nhau hơn nữa. Có thương có hiểu sâu sắc với nhau ta mới có nếp sống hòa bình. Chúng ta tới với nhau trong những ngày tu học tuy rất ngắn, chỉ vồn vện có bốn ngày và bốn đêm. Song, chúng ta đã và sẽ luôn luôn có nhau bên nụ cười, bên hơi thở của nhịp sống tỉnh thức trên mọi nẻo đường hành đạo, tu đạo và phụng sự con người, phụng sự lý tưởng hòa bình, hạnh phúc và thương yêu. Giá trị tình yêu và lý trí của sự sống vạn loại là sự quân bình thân tâm và những tương quan sinh hoạt xã hội, mọi người chung quanh. Vài ba bài giáo lý pháp thoại chia sẻ của quý tôn đức giáo thọ, những thời tọa thiền, niệm kinh, trì chú và những giờ tương kiến hội luận, thành thới đi trong chánh niệm, ăn cơm chánh niệm, uống trà, tâm tình và chia sẻ mọi sinh hoạt tu tập, Phật sự v.v..., đó chỉ là cơ hội đẹp nhất để chúng ta được gần gũi bên nhau, bên năng lượng của Tăng đoàn. Chư Tổ dạy:

*"Đức chúng như biển mặn
Hương giới ngược chiều bay
Sống vui trong tỉnh lặng
Vạn pháp diệu chân thường."*

3. Hạnh phúc lập hạnh xuất sĩ

Hạnh xuất sĩ là chư tăng ni – những người bỏ lại sau lưng đời sống thế tục, bước theo dấu chân và nếp sống đơn giản, nhẹ nhàng, an lạc, giải thoát của Đức Thế Tôn. Hình ảnh chư tôn đức tăng, ni trong giáo đoàn của đức Phật trong bước chân thông dong, uy nghiêm với chiếc y vàng thanh thoát, trải qua những nẻo mòn trong các xã hội, thời đại, ta nhìn vào thật dễ thương và ai cũng mến kính, quý ngưỡng tôn dung thuần hòa ấy. Quan sát, cung nghiêm hình ảnh chư tăng ni trong những buổi đại lễ nếp khắc thực, thiền hành, tĩnh tọa và niệm kinh trầm lắng, thông dong của giáo đoàn chư tăng, khiến sự ồn náo của trần gian, của con người vốn có nhiều vọng động trở nên an bình, vắng lặng và trong tâm mỗi người tự nhiên hiện ra niềm an lạc, tự do và đức hiệu sinh, hòa bình.

*"Mỗi bước chân quen trải nụ hiền
Ba ngàn thế giới lặng bình yên
Tĩnh không bên hện tĩnh trong sáng
Mím nụ hoa cười rạng cung thiên.
Chấp bàn tay hiện đóa sen xinh
Đêm ánh trăng rằm rạng chơn linh
Nét đẹp tăng đoàn trong trần giới
Trái đất thơm hương nếp thái bình."*

Trong kinh "Hạnh Phúc Nếp Sáng Xuất Sĩ", đức Phật bảo với đại chúng xuất gia, tại gia, học trò của ngài:

"Nầy quý vị, tài sản của người đời là tiền tài, danh vọng, quyền binh, địa vị và danh dự. Trong khi đó, tài sản của các thánh hạnh sĩ, hành đạo trong tăng đoàn của Như Lai là ba y, một bát, một tâm rỗng lặng và niềm vui do năng lượng trì giới, định lực phát sinh. Trí tuệ, giác ngộ chính là tài bảo giải thoát của người xuất gia." Tôn giả A Nan thưa đức Phật, "Bạch Như Lai, bậc thánh trí, thầy của hai giới trời và người, hàng đệ tử chúng con làm sao để đạt được tài bảo, kho báu trí tuệ giác ngộ và giải thoát?" Đức Phật dạy"

*"Tài sản không làm ra được trí tuệ
Song có thể đem bố thí cúng dường
Đem tâm lành trải rộng hằng cứu tế
Những người nghèo khó, những ai ốm đau
Cúng dường thức ăn thuốc thang y phục
Các bậc đại đức giới hạnh tinh cần
Là cách làm cho hạnh phúc tăng trưởng
Tuệ trí cũng từ đó được phát sanh
Bởi tâm từ hóa định lực sáng
Duyên may gặp bậc Thánh trí khai tâm.
Giới đức trong sạch tuệ trí lớn dậy
Ba nghiệp gìn giữ không vương lỗi lầm
Định lực giác ngộ giải thoát thành tựu
Giải thoát tri kiến nhờ vậy phát sinh."*

Bằng vào những lời dạy vàng ngọc, tâm huyết của đức Phật, hàng ngũ Phật tử cư sĩ tại gia trong mọi hoàn cảnh và thời đại đều luôn luôn tận trung với Tam Bảo, với tăng đoàn và thánh chúng trong sự phát tâm cúng dường nhu cầu thức ăn, vật dụng đến mọi giới chư Tăng, Ni với tâm thành kính, kiên định và với niềm tín cần tăng đoàn sâu xa, không bến bờ.

Hàng ngũ chư tôn đức tăng ni đã trở thành biểu tượng tôn thờ phụng sự bất di dịch của cộng đồng cư sĩ Phật tử tại gia. Nhắm độ hóa đời sống tâm linh đến mọi giới tuổi trẻ, cư sĩ tại tục, tăng đoàn hằng luôn là chỗ tựa, là gương lành bảo hộ, hướng dẫn họ qua ba phương diện: ý giáo, khẩu giáo và thân giáo. Ý giáo là tâm tư hiền lành, minh triết trong sáng

bằng giới luật, oai nghi và tế hạnh, nghiêm túc, vững chãi. Khẩu giáo là lời nói nhu hòa, trung hòa, dễ mến, khai mở tâm trí thánh chúng bằng diệu pháp, chuyển hóa niềm đau và nỗi khổ thâm trọng. Thân giáo là nếp sống hiền lành, đạo đức cao thượng, luôn luôn là đối tượng biểu hiện của năng lực trí tuệ và tâm từ bi rộng lớn.

Thể hiện ba phương diện ý giáo, khẩu giáo và hành nghiệp trong sáng, vượt thoát, chư tôn đức tăng ni tăng đoàn của đức Như-Lai đã dẫn thân vào đời hành đạo, phụng sự con người, xã hội qua mọi sinh hoạt thiết thực. Chân bước trên mặt đất, hướng về muôn phương như dòng nước tuôn chảy làm mát mọi chân trời, cây xanh và hoa trái nở đầy cùng khắp thiên hà, đại địa. Chư Tăng Ni phân bổ trách nhiệm ra công dụng chùa, truyền pháp, tổ chức lễ hội chẩn thí, từ thiện, mở trường học dạy chữ, dạy đạo chuyển hóa lòng người.

Ngày nay, nơi đâu cũng có chùa viện, tăng xá, các trung tâm tu học, trường học và các cơ sở hoằng pháp. Đó là hình ảnh đạo Phật dẫn thân, đi vào mọi sinh hoạt, liên quan vai trò giáo dục, văn hóa, văn mỹ nghệ trong xã hội và thời đại văn minh khoa học tâm linh. Đúng như tinh thần đức Phật, chư tổ đã truyền thừa qua tam tạng thánh giáo đại thừa:

*"Đại thừa Bồ tát khai phương tiện
Truyền bá giáo pháp độ quần sanh
Tu viện, tăng xá tăng đào tạo
Thông điệp từ bi lộ chơn hình."*

4. Hoa trái những mùa tu học của chư Tăng Ni và Phật tử

Đức Phật dạy trong kinh "Thừa Tự Chánh Pháp Như Lai" thuộc trung bộ Trường A Hàm:

*"Thời đại nào Tăng đoàn giới đức thanh tịnh
Xã hội nào tăng đoàn kiết hạ an cư
Trú xứ nào tăng đoàn hội chúng hòa hợp
Thị tứ nào quần chúng thính Pháp văn kinh
Thôn xã nào có chùa viện được dựng lập
Trẻ con nào có được lớp học tham thiền
Dân chúng nào có Chư Tăng, Ni hướng dẫn
Đỉnh non đồng nội nào có chuông thức tỉnh ngân
Niềm đau nào có bàn tay thương xoa dịu
Bóng tối nào có được ánh đạo chiếu soi
Đó, là hoa trái tâm linh được rộ nở
Kết quả Phật pháp được truyền dạy chuyển luân
Thông điệp từ bi trí tuệ được mở rộng
Nhờ tăng đoàn nỗ lực hóa độ hoằng dương."*

Phật Giáo Việt Nam không những ở quốc nội, mà ngay trong các cộng đồng Phật tử Việt Nam tại Âu Châu, bắc Châu, Canada và bắc Mỹ Châu, nơi nào hễ năm cũng đều được quý giáo hội, chư tôn đức tăng ni phát động hỷ tín tổ chức những mùa an cư kiết hạ, những khóa tu Bát Quan Trai, những khóa tu thiền quán và chánh niệm thật rộng rãi cho mọi giới Phật tử cư sĩ tại gia và cho thanh thiếu niên, tuổi trẻ gốc người Việt sinh trưởng, lớn lên ở nước ngoài. Những mùa an cư, những khóa tu cho mọi giới Phật tử, lúc nào cũng có hình ảnh chư tôn đức tăng, ni và mọi giới thân hữu tham gia rất đông, ngập sáng niềm tin và hạnh phúc đến với tất cả. Hòa thượng Thích Tín Nghĩa quyền chủ tịch Giáo Hội Phật Giáo VN Thống Nhất Hoa Kỳ và viện chủ tổ đình Từ Đàm hải ngoại tâm tình với tăng ni, huynh đệ trong khóa tu kỳ hai do Giáo Hội tổ chức tại thung lũng hoa vàng San Jose bắc California:



"...Thưa quý ngài và quý đạo hữu, Giáo Hội tổ chức tu học năm ngày, mười ngày không biết có ai đắc quả gì không, chứ riêng chúng tôi và một số quý hòa thượng tôn túc thấy rất vui, rất ấm áp. Huynh đệ, đạo bạn gặp nhau, chung vui với nhau từng bữa cơm thanh đạm, từng ly trà nóng, từng lời nói thân thương, từng cảm nghĩ nhẹ nhàng, hòa hợp, tràn ngập niềm tin tưởng nơi hướng đi của tăng đoàn, của Tam Bảo và của Giáo Hội; chúng tôi cảm được, thấy được sự bình an và hạnh phúc đang có mặt thật sự trong từng giây phút hiện tại. Từng ấy thôi cũng đủ vốn để hồi hướng và chia sẻ trong công việc khó nhọc của Hòa thượng trưởng ban khóa tu, của quý tôn túc giáo thọ và của quý huynh đệ, đạo hữu trong quỹ tiểu ban cư trú, thực phẩm, tri khách, tri xa, các chúng ngoại hộ và các anh chị em nam nữ thanh niên nghệ sĩ, ca sĩ, các bạn truyền thông, báo giới cho khóa tu của chúng ta rồi..."

Thật ra, đó là những lời bày tỏ niềm vui và sự khen thưởng tán thán khéo léo, khiêm tốn của Hòa thượng Thích Tín Nghĩa, vị trưởng thượng, quyền chủ tịch Giáo Hội sau khi cố Hòa thượng chủ tịch Thích Trí Chơn viên tịch. Quán sát và nhìn cho sâu, ai cũng thấy hoa trái có được trong mỗi khóa tu lớn lắm đối với hàng ngũ Tăng, Ni và các giới học viên Phật tử cư sĩ tham dự khóa tu. Có một sư cô rất trẻ xuất thân từ Đạo Tràng Thôn Yên, vùng bắc California, sau khi tham dự khóa tu năm ngày do Giáo Hội tổ chức đã cảm tác thị kệ rằng:

*"Chư tôn đức mỗi người mỗi vẻ
Tướng uy nghiêm lồ lộ thiền quang
Nhà lời vàng dạy đàn con trẻ
Như mẹ hiền nuôi sữa con thơ
Từ Tăng, Ni đến hàng cư sĩ
Nam nữ cùng chiêm đức hạnh từ
Lời tử mẫn khai tâm sáng tỏ
Bỏ buồn bỏ giận bỏ kiêu sa
Sống vui từng niệm không cầu vọng
Tịnh độ Niết Bàn tại tâm yên
Lời dạy ngắn mà ẩn sâu tâm khảm
Như nan y gặp thuốc thầy hay
Bệnh căn đạo ấy, liền thuyền giảm
Rạng rỡ tâm tư Nụ Cười hiền
Con nguyện nay bỏ buồn không giận
Kính tôn sư, yêu mến đệ huynh
Con nguyện trau chuốt tâm lành sáng
Hạnh phúc chia đều vạn sinh linh
Ôi! tu học nhiệm mầu khó tả
Tinh đồng tu đậm ấm biết bao
Con kính cầu chư tôn thiên đức
Chư Giáo Hội dù danh nghĩa nào*

(xem tiếp trang 76)

LTS: Ni sư Thích nữ Trí Hải (1938—2003) là một trong rất hiếm danh Ni của Phật giáo Việt Nam đã có những đóng góp to lớn về mặt văn hóa, giáo dục, cho đời lẫn đạo. Các tác phẩm và dịch phẩm của Ni sư là những viên ngọc trân quý của nền văn học nước nhà, cũng như là những cảm nang cho hàng trí giả và hành giả Phật học.

Ngày 07 tháng 12 năm 2003, trên đường hành đạo, Ni sư cùng 2 vị thị giả lâm nạn và viên tịch. Sự ra đi của Ni sư là điều thật bất ngờ, gây chấn động, kính tiếc khôn nguôi cho Phật giáo đồ Việt Nam. Nhưng tự thân Ni sư thì đã sẵn sàng cho một cuộc ra đi, ở bất kỳ thời gian và hoàn cảnh nào. Sau đây là “Lá thư Vườn Tuệ” do Ni sư viết mỗi 3 tháng cho báo Tuệ Uyển. Chỉ vài tuần lễ sau lá thư này, Ni sư thị tịch.

Xin trân trọng giới thiệu đến bạn đọc, để trầm tư tưởng niệm một bậc tăng tài chân tu kiệt xuất.

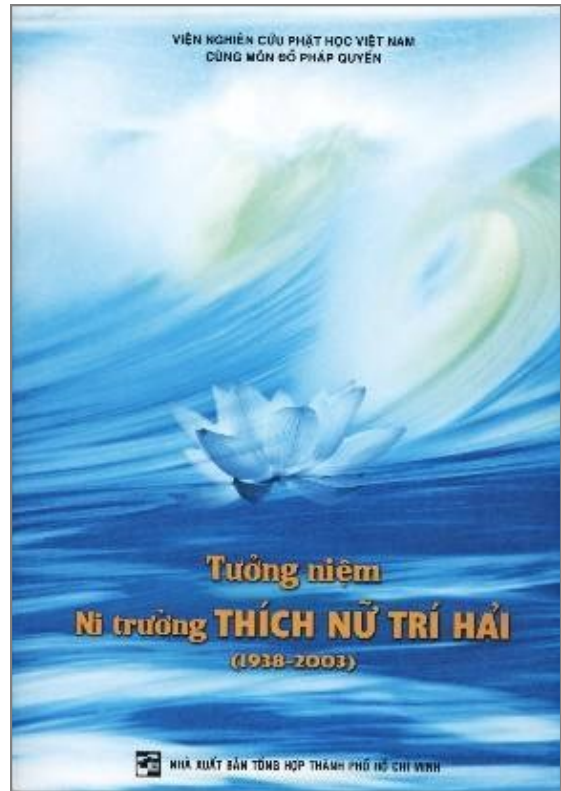
Lá thư Vườn Tuệ

Bạn đọc thân mến,

Sau một thời gian nằm dài trên giường bệnh, tưởng là không bao giờ còn cơ hội “gặp” lại các bạn dù chỉ là qua tờ Tuệ Uyển mỗi ba tháng một lần. Tôi đã âm thầm vui vẻ ngó lơ vĩnh biệt với tất cả; quả thật là vui vì biết rằng “dù có ra đi lòng không buồn lăm”. Chúng ta vẫn mãi mãi ở trong niết bàn, và vì “Nơi chốn ấy ta chưa từng gặp gỡ. Nên cũng chưa từng chịu khổ chia xa!”

Bây giờ có thể đi đứng được, lại có thể ngồi hàng giờ gõ máy, thực là một điều kỳ diệu nhưng tôi vẫn luôn luôn nghĩ mình còn phải trải qua một lần “như vậy” nữa để đi đến cái chết, cái “như vậy” về sau sẽ như thế nào không cần biết, nhưng tự nguyện luôn gắn bó với Pháp, nghĩa là với sự tử bỏ, với chánh kiến về Tánh không và với tâm bồ đề. Người đã nếm mùi vị của Pháp là đã nếm vị niết bàn bất tử, nên cái chết của thân xác không còn quan trọng.

Thân xác này chỉ như một chiếc xe để mình sử dụng vào những việc mình muốn làm. Khi thân thức chui vào thai mẹ để thành hình, là do mình muốn có một chiếc xe, muốn thực hiện ý định, muốn “vật chất hoá” những ước muốn của mình. Cũng như tờ Tuệ Uyển này là một dạng “vật chất hoá” tâm tư tôi gửi đến quý vị. Câu kinh Pháp Cú “Tâm dẫn đầu các pháp” là một tuyên ngôn vô cùng quan trọng của đức Thế Tôn, qua đó ngài muốn dạy rằng tất cả mọi sự, từ việc thành hình một con người, cho đến việc xây một cái nhà, ra một tờ báo... chiến tranh hay hòa bình, thiên đường hay địa ngục đều do tâm dẫn đạo. Tâm ấy như một năng lực vô hình nhưng hết sức quan trọng, nó không có đầu hay cuối, vô thủy vô chung. Khi ta chết nó thoát ra khỏi thân xác như một con chim bay ra khỏi lồng. Nhưng những khả năng, những khát khao, nguyện vọng, niềm thương nỗi nhớ trong tâm thì vẫn tồn tại sau khi thân xác chết, vì đây là những “năng lượng” vô hình, như dòng điện không mất sau khi bóng đèn đã vỡ. Tất cả giáo lý Phật đều cốt dạy cho ta sử dụng năng lượng của tâm một cách tốt đẹp để không tự làm khổ mình và gây đau khổ cho người khác. Muốn thế thì lúc đang còn khỏe mạnh, ta chỉ



nên dùng năng lượng ấy để “vật chất hoá” những ý định tốt lành, không bao giờ nuôi dưỡng những ý tác hại trong thời gian bị bạo bệnh và san sẻ với những người đồng bệnh tương lân. Tâm đạo tình ấy cũng là một năng lượng mãi mãi nâng đỡ chúng tôi trên đường tu học từ đây cho đến vô thượng bồ đề.

Xin chân thành tri ân tất cả quý vị, và cầu nguyện cho những ai đang bệnh, đều có được sự gia trì của Tam Bảo, sự nâng đỡ của Pháp và bạn đạo, để có thể chuyển hóa nghịch cảnh thành nhân tố giải thoát.

Trí Hải, tháng 11-2003

TƯỜNG NIỆM

HẠT BỤI THEO VỀ

Huyền Không - Thích Mãn Giác

Là khách vắng lai của thế giới sinh tử thì gặp gỡ hay ly biệt là thường tình. Thế nhưng, cái lúc nhận được tin một người thân đột ngột lìa bỏ mình, là một giây phút cực kỳ khó khăn. Chấp nhận được vô thường với cõi lòng an nhiên thật là không dễ dàng gì bởi mắt mắt nào cũng là thương tích. Đôi mắt như sẵn đau niềm đau của kiếp người cũng ướt đầm những giọt thương cảm, tâm hồn chơi với thần thờ. Hôm nay, lại có thêm một người gần đã vẫy tay đi xa, thêm một tâm lòng thân cận cảm thông giã từ lên đường về theo hạt bụi, những hạt bụi tình cờ cho cuộc khứ lai: Ni Sư Thích Nữ Trí Hải, con người thân thuộc của khung trời văn hóa Phật Giáo Việt Nam trong nửa cuối thế kỷ hai mươi, gương mặt tu nữ thạch học mà tâm hồn gắn liền với những trang chữ long lanh diệu pháp; đã bất ngờ bỏ đời, để lại biết bao bụi ngùi xúc cảm trong lòng kẻ ở.

Tôi gặp Phùng Khánh khi cô mới vừa rời mái gia đình quý phái và thâm nghiêm bên bờ sông Hương để lên đường du học. Với dáng dấp đoan trang thanh nhã cộng với một tâm hồn mẫn cảm đã dẫn dắt người thiếu nữ hoàng phái đi vào thế giới sung túc của chữ nghĩa và không khí trí thức trầm mặc của hàng hàng kệ sách thư viện. Sống ở Hoa Kỳ những năm đầu 60 với cõi lòng ẩn mật rất Huế, khi về lại Việt Nam, Cô đã ra mắt với người đọc quê hương hai bản dịch nổi tiếng là "Câu chuyện dòng sông" của Herman Hesse và "Bắt trẻ đồng xanh" của Salinger; mà không lâu sau đó người đọc đều đã nhận ra gương mặt tuyệt vời của một dịch giả vừa uyên bác cẩn trọng, vừa trong sáng nghiêm túc. Mỗi cho tới mấy chục năm sau, Cô vẫn giữ vị trí của người chuyển ngữ tài hoa nhất.

Sau ngày hồi hương không lâu, Phùng Khánh quyết định cắt ái từ thân xuất gia với Pháp hiệu Trí Hải. Cô về làm việc cho Đại Học Vạn Hạnh với phần vụ Thư

Viện Trưởng – một Thư Viện Trưởng độc nhất suốt thời gian hưng thịnh của Vạn Hạnh. Thầy Minh Châu và tôi vô cùng cưng quý Thư Viện và cũng rất nể trọng vị Thủ Thư nên đã nhìn thấy và hoàn toàn cảm thông sự khó tính trong điều hành của Cô Thư Viện Trưởng. Biết chúng tôi vốn chịu chịu "mệ" trí thức nên các nhân viên thư viện cũng dựa vào cô mà thách thức các nguyên tắc điều hành chung nhưng nhờ biết khéo léo quản trị, chúng tôi duy trì được mọi tôn ti trật tự. Trí Hải là một người rất thương quý sách, biết giá trị của sách nên Cô đã vận động nhiều cách để đem về cho thư viện những mặt sách quý hiếm, làm thuận tiện cho sự nghiên cứu xử dụng không chỉ riêng cho sinh viên Vạn Hạnh mà còn chung cho cả giới trí thức thành phố, không chỉ phong phú cho tầng lớp đạo gia mà còn quá giàu có cho những nhà tìm hiểu thế tục. Nếu tất cả sách mà Thư Viện Vạn Hạnh hiện có đã tạm là hình ảnh của một đại dương trí thức thì cái Pháp hiệu định phận của Cô Thủ Thư Trí Hải (biển tuệ) đã hòa nhập làm Một khiến cho không khí Thư Viện lúc nào cũng thoảng mùi trầm hương: trầm hương tỏa ra từ lòng sách và hồn người. Và từ xử trầm hương đó, cô Trí Hải đã gửi tặng cho đời những trang chữ thơm tho màu nhiệm. Nếu nghĩa của Văn là Đẹp thì cả đời Ni Sư đã phụng sự cho cái Đẹp đó hết sức tận tụy và những ai đã có một lần để cho lòng trầm tư theo hồn sách (trong hơn 10 tác phẩm đã được phổ biến) thì sẽ biết cảm ơn sự thanh cao còn lưu lại trong hồn mình từ sự hiến tặng lẫn mẫn của người vừa mới đi xa.

Cuộc đời cô Trí Hải không chỉ là người bạn thân thiết của sách vở, Cô còn là người chị cả đáng yêu trong gia đình An Sinh Xã Hội Vạn Hạnh. Từ vị trí người chị hiền lành độ lượng này, Cô đã là chiếc cầu nối cho bao lớp trẻ đi vào đời để phụng sự.



Người chị mà đôi mắt biết thương xót đã cúi xuống thiết tha trên những nỗi đời bất hạnh, mà đôi tay biết chở che đã đưa ra nâng đỡ những mảnh sống khổ cùng, mà đôi chân vương giả đã không từng biết chỗi từ đi vào những xóm quê lầy lội, những đường làng tẻ tơi, những miền đất bão lụt hoang tàn. Mấy mươi năm dài, mặc cho thời thế đổi thay mà tấm lòng vì đời không lay chuyển. Khắp những chốn đau nhức bất an nhất của đất nước, người dân khổ hạnh mãi còn giữ lại trong đôi mắt mến thương của họ hình ảnh tà áo màu lam dịu hiền biểu tượng của cho vui và cứu khổ đã một dạo nào thấp thoáng giữa mưa nắng đời thường. Tà áo ấy đã gắn liền với các công tác từ thiện, thủy chung cho đến ngày cuối cùng phôi tay giải nghiệp. Chọn lựa của trái tim từ bi là nhiều lúc tình nguyện hứng chịu khổ nạn thay cho chúng sanh, bị đau đớn riêng mình cho tâm được an vui mà đi tiếp trên con đường cứu độ. Ni Sư Trí Hải đã vào đời trong ước nguyện, đã phụng sự con người như thế và hôm nay, già đời giữa lúc đang thật hạnh phúc lớn của trái tim từ bi "chúng con khổ nguyện xin cứu khổ". Chưa có ai của Ni giới Việt Nam, trong mấy mươi năm máu lệ của quê hương đã nuôi tâm bồ thí theo sáu pháp qua bờ nhiệt thành như Ni Sư Trí Hải. Chừng ấy cũng đủ cho Ni Sư, trong cuộc giã từ này, cất lên một tiếng cười lớn giữa biển khổ kiếp người.

Một lần mới đây thôi, Ni Sư kể cho tôi biết rằng Ni Sư đã viết và đem treo những câu thơ của

Huyền Không trong vườn chùa. Cho thơ nói chuyện với hoa cỏ lá cành, cho thơ cùng thở với gió mùa, cho thơ đi vào mắt rồi ở lại trong lòng người, cho thơ sống với một chút đất trời quê hương. Tôi ở xa mà cũng được ấm lòng vì những dòng thơ viết ra ngày nào đã tìm thấy một tâm hồn bầu bạn. Mà thôi. Hết rồi. Ngày 07 tháng 12 đã là một ngày tang tóc. Thị giả của Ni Sư, khi thuật lại cho tôi nghe chi tiết về sự ra đi đột ngột và nặng nhọc này tôi đã không dừng được nước mắt xót thương. Tôi khóc theo niềm cảm xúc từ muôn trùng. Ngày trước, khi nghe tin Huệ Minh và Tiểu Phụng mất tích tại Rạch Giá, tôi có đau buồn nhưng niềm đau thấm chậm. Bây giờ, với cái chết trong tai nạn thảm khốc nơi vùng đất đỏ Long Khánh của Ni Sư thì niềm đau trong tôi mãnh liệt bội phần. Tôi chấp tay lạy Phật, nguyện cầu cho những người thân yếu đuối có được những tái sinh thuận lợi, để nối tiếp con đường cứu độ dở dang của các vị Bồ Tát nhập thế làm lợi lạc cho đời. Hạt bụi sẽ luân hồi trở lại bằng nguyên lực vô biên.



NI SƯ THÍCH NỮ TRÍ HẢI
(1938—2003)



Chiếc nhận bay rồi

*Cánh nhận bay rồi sao quá mau
Nhìn theo sừng sốt tới ngàn sau
Thế gian sanh diệt bây giờ thấy
Cảnh đẹp Hoa Nghiêm đổi sắc màu*

*Nhiếp niệm còn nguyên hiện ảnh hình
Cao siêu màu nhiệm biến tâm linh
Có không đầy nước trắng chìm xuống
Vang dội Kim Cang vọng tiếng kinh*

*Nhắm mắt cho trời dừng lặng yên
Thoảng nghe mùi vị của hương thiền
Tâm thân tứ đại rồi tan biến
Về với vô cùng hết đảo điên*

*Sóng vỗ sông dài hướng đại dương
Tang tình khúc hát tiến lên đường
Ba sinh dù có ngàn thương nhớ
Tiếng vỗ bàn tay về một phương.*

Los Angeles ngày 8 tháng 12 năm 2003

HUYỀN KHÔNG

.Kính viếng Giác linh Đại tỷ
THÍCH NỮ TRÍ HẢI
viên tịch ngày 14 tháng 11, 2547

*Cánh chim đã vượt qua vũng lầy sinh tử
Bóng nắng rọi lên dòng huyễn hoá
Thân theo tro tàn bay
Hoa trắng vỡ trên đại dương sóng cả*

*Sao trời chợt tắt giữa lòng tay
Sương còn đọng trên đầu cây lá
Đến rồi đi chập chờn nước lững voi đầy
Heo hút bờ hoang ảnh giả
Người sống mỗi mòn trong nhớ tiếc không khuây.*

Quảng Hương Già-lam
Pl. 2547 Quý mùi, tháng 11, 15.

Tuệ Sỹ

**LỄ CUNG AN CHỨC SỰ TRONG NGÀY VỀ NGUỒN VỊ, HIỆP KÝ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
TẠI CHÙA PHÁP HOA, NAM ÚC, NGÀY 16.11.2012**



**HÌNH ẢNH HỘI THẢO TRONG NGÀY VỀ NGUỒN VỊ, HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
TẠI CHÙA PHÁP HOA, NAM ÚC, NGÀY 17.11.2012**



TƯ TƯỞNG

BUDDHAGHOSA VÀ LEV TOLSTOY

Những người đi tìm ý nghĩa cho cuộc đời

Thích Phước An

(tiếp theo kỳ trước)

Trong kinh *Tán Đà Na*, một đệ tử tại gia của Đức Phật cũng nói cho các Phạm chí ngoại đạo biết về Đức Phật: “Thầy tôi Đức Thế Tôn thường ưa nhàn tĩnh, chẳng ưa huyền ảo, không như các ông và đệ tử các ông ở giữa đám đông cao tiếng luận đàm, nhưng chỉ toàn những lời chướng ngại đạo, vô ích”.

Và trong kinh *Kiên Cố*, sau khi Đức Phật đã bác bỏ lời thỉnh cầu của người thanh niên Kiên Cố muốn Đức Phật phải thể hiện thần thông để “dương oai diệu võ” mà theo lời Kiên Cố sẽ rất “có ích lợi cho nhiều người” và nhất là Phật và chúng tăng khéo “hoằng hoá đạo”, thì Đức Phật cho Kiên Cố biết rõ đường lối giáo dục của ngài là:

“Ta không bao giờ dạy các Tỷ kheo hiện thần thông, pháp thượng nhân, cho Bà la môn, trưởng giả, cư sĩ. Ta chỉ dạy các đệ tử của ta ở nơi thanh vắng nhàn tĩnh mà trầm tư về đạo. Nếu có công đức thì nên giấu kín. Nếu có sai lầm thì nên tự bày tỏ.” (Tuệ Sỹ dịch).

Như vậy, sự khác nhau giữa những kẻ chưa điều phục được cái tâm của mình là, những kẻ ấy chỉ biết ba hoa, ồn ào với đám đông bên ngoài, nhưng khi đối diện với sự im lặng (hay nói đúng ra là đối diện với nỗi cô đơn heo hút của chính mình) thì hoang mang dao động và kinh sợ như trường hợp A Xà Thế đã kinh sợ trước sự tịch nhiên bất động của một ngàn hai trăm vị Tỷ kheo trong vườn xoài của Kỳ Bà chẳng hạn.

Còn những bậc đã điều phục được cái tâm của mình là những kẻ ưa sự trầm lặng. Nhưng sự trầm lặng không có nghĩa là yếu hèn hay nhu nhược, mà sự im lặng đó lại được ca tụng như là im lặng sấm sét (mặc như lời).

Chính vì thế mà từ xưa đến nay đã có biết bao nhiêu là bậc hiền nhân trí thức đã can đảm vứt bỏ những hệ lụy của gia đình, xã hội lên đường tìm đến tận những nơi thâm sơn cùng cốc để điều phục cái tâm của chính mình như



Trần Nhân Tông của Việt Nam đã viết trong *Đắc Thủ Lâm Tuyền*:

*“Núi hoang rừng quạnh
Ấy là nơi đặt sự tiêu dao
Chiến vắng am thanh
Chín thực cảnh đạo nhân du hý.”*

Buddhaghosa trong *Thanh Tịnh Đạo* cũng nói rằng những ai dám vứt bỏ những thú vui vật dục tầm thường đi sống ẩn dật những nơi thâm u tịch mịch thì sẽ đạt được sức mạnh tâm linh vĩ đại, sức mạnh đó khiến cho ác ma phải khiếp sợ.

*Độc cư nơi xa vắng
Lắm cho tâm hân hoan
Đặng đạo sư hải lòng
Vị độc cư rừng thẳm
Người vui hạnh ở rừng
Lại được hưởng hương vị
Hạnh phúc của vua trời
Ao giáp y phần tảo
Tung tăng trong rừng già
Lâm tuyền dễ thực hiện
Bao nhiêu hạnh đầu đà
Tỷ kheo ấy chắc chắn
Làm quần ma kinh hoảng
Bội thể người có trí
Nên vui hạnh ở rừng.” [25]*

Buddhaghosa không chỉ là một luận sư vĩ đại mà đọc bài thi kệ sau đây ta có cảm tưởng ông còn là một thi sĩ nữa:

*Đức đạo sư ca tụng
Một trong những tùy thuộc
Chỗ nào bằng gốc cây
Được chư thiên hộ vệ
Vị ấy sống chân tu
Không tham về trú xứ
Nhìn lá cây xanh non
Trở màu đỏ lục vàng
Lần lượt đều rơi rụng*

*Hết tin ở trường tồn
Đức đạo sư phủ chúc
Gốc cây nơi vắng vẻ
Không người trí nào chê
Vị để quán sinh diệt.” [26]*

Khi ta đã ý thức được rằng “mọi sự không trường tồn” thì cũng có nghĩa là ta đã giải phóng được sự nô lệ về ý niệm của thời gian. Lúc ấy ta hoàn toàn là con người tự do, con người của vũ trụ:

*Nhờ ở nơi khoảng trống
Tỷ kheo thêm tinh cần
Để kiếm, tâm bén nhạy
Như con nai giữa rừng
Hết hôn trầm biếng nhác
Dưới vòm trời đầy sao
Trời trăng làm ánh sáng
Thiền định đem hân hoan
Hương vị độc cư lạc
Vị ấy sẽ tìm được
Khi sống giữa đất trời*

Người trí hãy yêu thích.” [27]

Và sứ mạng của người trí là gì? Nghĩa là người trí nên ngoảnh mặt làm ngơ hay là phải tự nhận lấy trách nhiệm của mình trước bao nhiêu thống khổ của con người? Albert Einstein được nhân loại tôn xưng là bậc trí giả hàng đầu của thế kỷ 20 đã viết những dòng cảm động về sự có mặt của mình giữa thời đại điều linh thống khổ này:

“Tình cảnh của những đứa con trái đất chúng ta mới kì lạ làm sao! Mỗi chúng ta đến đây như một chuyến viếng thăm ngắn ngủi. Ta không biết để làm gì, nhưng đôi khi ta tin rằng ta cảm nhận được điều đó. Song, nhìn từ cuộc sống thường nhật mà không đi sâu hơn, ta biết rằng ta đến đây vì người khác.” Vì sao mà ta đến đây vì người khác? Albert Einstein cho biết suy nghĩ của mình:

“Trước hết vì những người mà hạnh phúc của riêng ta phụ thuộc hoàn toàn vào nụ cười yên ả của họ, kể đến là vì bao người không quen mà số phận của họ với ta bằng sợi dây của cảm thông.”

Và đây mới là những lời mà chỉ có thể thốt ra được từ một tâm hồn đã hiến dâng trọn vẹn cho sự thống khổ của con người: “Mỗi ngày tôi nghĩ không biết bao nhiêu lần, rằng cuộc sống bên ngoài và cuộc sống nội tâm của tôi là dựa

trên sự lao động của những người hiện tại và những người đã chết, rằng tôi phải nỗ lực để trao lại tương xứng với những gì tôi đã nhận được và còn nhận được.” [28]

Và Tolstoy, bậc trí giả của cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 cũng thốt ra những lời tương tự như vậy. Đối với ông, cái duy nhất còn lại có ý nghĩa trên cuộc đời này là ước muốn được chia sẻ với những người mà số phận không được may mắn như mình. Tolstoy viết:

“Và một điều duy nhất đã cứu tôi là, tôi đã có thể tách mình ra khỏi sự cô lập của tôi, nhìn cuộc đời đích thực của nhân dân lao động chất phác và nhận thức rằng chỉ có cuộc sống như thế mới là cuộc sống đích thực.” [29]

Đọc những lời phát biểu của hai nhà đại trí thức trên ta không thể nào không liên tưởng đến lòng từ (metta) của Phật giáo. Bởi vì lòng từ là gì nếu không phải là đem tình thương của mình để chia sẻ với những mảnh đời bất hạnh còn đang quần quai trong đau khổ.

Có thể nói lòng từ của Phật giáo hoàn toàn khác biệt với các tôn giáo khác vì qua Buddhaghosa, lòng từ không nói một cách chung chung mà lòng từ đó còn là một đề tài Thiền quán vô cùng quan trọng để hành giả phát huy lòng yêu thương và diệt trừ sân hận kể cả đối với những kẻ mà họ đang thù ghét ta.

Vậy lòng từ của Phật Giáo bắt đầu từ đâu? Theo Buddhaghosa trước tiên ta nên trải lòng từ đến bản thân mình với những lời được lặp đi lặp lại như sau, “mong rằng tôi được an lạc, thoát khỏi khổ ách”, hoặc “mong rằng tôi thoát được hận thù, buồn khổ, lo âu và sống trong hạnh phúc”.

Tại sao lại phải lấy chính bản thân mình để trải tâm từ đầu tiên, vì như vậy có phải là ích kỷ hay không? Buddhaghosa đã trích một câu của đức Phật để giải thích:

“Tâm ta đi cùng khắp, tất cả mọi phương trời, cũng không tìm thấy được. Ai thân hơn tự ngã. Tự ngã đối với mọi người, quá thân ái như vậy. Vậy ai yêu tự ngã, chớ hại tự ngã người”. [30]

Sau khi đã trải tâm từ đến chính bản thân mình rồi, thì ta nên tìm đến một đối tượng mà ta tôn kính để trải tâm từ. Người ấy có thể là một bậc thầy thiện tri thức hoặc một đa văn khả kính đã từng dìu dắt ta: “Mong rằng con người hiền thiện ấy được hạnh phúc, được an vui, thoát mọi khổ ách”. Buddhaghosa xác quyết rằng: “Với



một người như thế làm đối tượng, dĩ nhiên hành giả phải đặc định liền.

Sau bậc thầy thiện tri thức là đến khắp cả chúng sanh, nghĩa là không phải chỉ có con người mà kể cả các loài hữu tình khác, “mong rằng tất cả chúng sanh thoát khỏi hận thù, buồn khổ, lo âu và được sống trong hạnh phúc”, “mong rằng mọi loài có thối... mọi loài được sinh ra... mọi người, mọi kẻ có nhân tính, đều thoát khỏi hận thù, lo âu và được sống trong an lạc”. [31]

Nhưng khó khăn nhất vẫn là làm cách nào để chúng ta trải tâm từ đến những kẻ mà ta đang thù hận. Chính vì ý thức được khó khăn này nên Buddhaghosa đề ra nhiều cách từ thấp đến cao. Ví dụ ta có thể tự phân tích như thế này: “Khi giận vì lỗi lầm kẻ khác ấy chúng tỏ người đang bắt chước chính hành vi lỗi lầm của người”, hoặc ta có thể tự lý luận với chính mình rằng “con giận dữ chưa chắc đã hại được ai nhưng chắc chắn hại người trước nhất. Kẻ sân trước lên đường đau khổ người sân sau bèn gót theo sau”. Và ta phải nghĩ rằng cái chung cục của sự quyết tâm trả thù chắc chắn sẽ đưa đến kết quả thảm bại như thế này: “Người giống như kẻ tay cầm cục than nóng đỏ hay phân để đánh người, chưa gì chính mình đã bị cháy và hôi thối”.

Và nếu như những lý luận có tính cách tự răn đe chính mình như thế mà tâm vẫn không nguôi hận thù thì Buddhaghosa khuyên ta nên nhớ lại nhiều kiếp trong quá khứ Đức Thế Tôn của chúng ta đã tu tập hạnh nhẫn nhục đến nỗi có lần vua Kàsi đã khiêu khích

hỏi Ngài: “Này Sa môn kia, Người đang giảng pháp gì?” thì Đức Thế Tôn đáp: “Tôi đang giảng về hạnh nhẫn nhục” thì tên vua ngu ngốc Kàsi lập tức sai đánh đòn Ngài bằng những cây có gai và chặt hết tay chân Ngài, Ngài vẫn không có một niệm sân hận nào nổi lên”.

Sau tất cả những cách quán trên mà hận thù vẫn không lắng dịu thì Buddhaghosa khuyên ta nên nhớ lại những kinh đã đề cập đến vòng luân hồi sanh tử nối tiếp vô tận như “Này các Tỷ kheo, không dễ gì tìm thấy một chúng sanh nào chưa từng là mẹ người, hay cha, anh, chị, con trai, con gái, rồi nghĩ đến đối tượng mà mình đang thù ghét như sau: “Cái người này, khi còn là mẹ ta, trong quá khứ - đã cứu mạng ta suốt mười tháng trong bụng, và rửa sạch những đồ nhơ nhớp của chúng ta mà không một chút nhơm gớm nào, nâng niu ta trên gối, ẵm bồng ta trên nách. Và người này khi làm cha ta trong quá khứ, đã đi trên những con đường của bò dê, những con đường gập ghềnh hiểm trở, làm nghề lái buôn, vì ta mà liều mạng trên chiến trường, trên những con tàu lênh đênh ngoài biển khơi, và làm nhiều việc gian nan khác. Người ấy đã kiếm tiền bằng đủ mọi cách để nuôi ta. Và người này, khi làm anh chị ta, con trai ta, con gái ta trong quá khứ, đã từng giúp đỡ ta. Bởi thế thật không xứng đáng nếu ta ôm lòng hận thù người ấy”. [32]

Sau cùng, nếu tất cả những điều trên đều không kết quả, nghĩa là lòng hận thù vẫn không được dập tắt, thì ta nên vô hiệu hoá đối tượng mà ta đang hận thù. Vô hiệu hoá bằng cách nào? Bằng cách phân tích các yếu tố. Buddha-ghosa khuyên ta tự suy nghĩ như thế này: “Người, kẻ đã xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình kia, khi người tức giận kẻ kia, thì cái gì nơi kẻ ấy làm người tức giận? Người giận tóc? Giận tai, răng hay móng tay móng chân? Hoặc có phải người tức giận vì đại địa ở trong tóc? Hay trong thủy đại? Hay trong hỏa đại? Hay phong đại? Hay trong sở nắm uẩn, hay mười hai xứ, mười tám giới bởi vì đó được gọi bằng tên đó, cái gì người giận? Người giận sắc uẩn hay thọ uẩn, hay tưởng uẩn, hay hành uẩn, hay thức uẩn? Người tức giận nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới, ý giới, pháp giới? Hay ý thức giới người tức giận?”

Buddhaghosa kết luận rằng: “Khi hành giả cố phân tích các yếu tố như vậy, cơn giận của vị ấy



không tìm thấy chỗ để đặt chân, như một hạt tiêu đặt trên đầu cái mũi dùi hay một bức tranh treo giữa hư không". [33]

Nhưng sự hận thù "không tìm thấy chỗ đặt chân" chưa phải là tình thương vĩ đại nhất mà Phật giáo muốn trao đến cho thế giới đầy hận thù này. Theo tôi, vĩ đại nhất vẫn là thứ tình thương mà Buddhaghosa gọi là sự phá vỡ mọi rào ngăn tưởng (the breaking down of barriers).

Thế nào gọi là tình thương phá vỡ mọi rào ngăn tưởng? Trong *Thanh Tịnh Đạo*, Buddhaghosa cho ví dụ: "Giả sử vị ấy đang ngồi tại một nơi kia cùng với một người thân, một người dưng và một người thù, với vị ấy nửa là bốn, khi ấy có kẻ cướp đi đến bảo: "Bạch đại đức, cho chúng tôi một vị Tỷ kheo" và khi được hỏi để làm gì, chúng trả lời "để cắt cổ lấy máu làm lễ tế thần linh". Lúc đó, nếu hành giả nghĩ: "Hãy để cho chúng mang đi người này, hay người này?" như thế là hành giả chưa bỏ được rào ngăn, và nếu vị ấy nghĩ: "Hãy để cho chúng mang ta đi, đừng mang người kia" thì cũng là chưa phá vỡ rào ngăn. Tại sao? Vì vị ấy còn tìm cách tự hại mình khi muốn để cho người ta mang đi, vì chỉ tìm sự an ổn cho người khác mà thôi. Vậy, chỉ khi nào vị ấy không tìm thấy một người nào trong bốn người ấy đang đem cho kẻ cướp, khi vị ấy hướng tâm mình một cách bình đẳng đến bản thân cũng như đến ba người kia, thì vị ấy một thực sự phá vỡ rào ngăn". [34]

Những ai đã đạt được lòng từ bình đẳng tuyệt đối như vậy thì chẳng những đã đạt được an vui cho chính bản thân mình mà tình thương ấy còn lan toả đến tất cả, kể cả những kẻ khuất mặt đang sống trong tối tăm mà lòng lúc nào cũng sục sôi căm thù nữa. Như trường hợp vị trưởng lão có tên là Visākha mà Buddhaghosa đã kể lại thật cảm động như sau:

"Ngài đến tu viện Cit-tapabbata. Sau khi ở đây được bốn tháng, vị trưởng lão nằm nghỉ "ngày mai ta sẽ đi". Rồi một vị

thần sống trong cây manila ở cuối đường đi kinh hành, ngồi trên một bậc thềm mà khóc. Vị trưởng lão hỏi: "Ai đây?", "Con đây, Maniliya, bạch đại đức." "Tại sao con khóc?" "Vì ngài sắp đi xa", "Ta ở đây có lợi ích gì cho người?", "Bạch đại đức trong khi Ngài ở, các phi nhân (non-humanbeing) ở đây đối xử với nhau ôn hoà tử tế. Bây giờ Ngài sắp bỏ đi, thì chắc chắn chúng sẽ khởi sự gây lộn và nổi tặc". Vị trưởng lão bảo "Nếu sự sống của ta làm cho các người an vui, thì tốt" và Ngài lưu lại thêm bốn tháng nữa, rồi Ngài lại nghỉ đến chuyện ra đi, vị thần lại khóc như trước. Bởi thế, Ngài quyết định sống luôn ở đây. Và chính nơi đây Ngài đã nhập Niết Bàn". [35]

Chắc chắn, những người không tin tưởng vào sức mạnh của lòng từ thì sẽ cười chế nhạo và cho câu chuyện trên chỉ là trò mê tín nhảm nhí. Nhưng nếu những kẻ tin tưởng tuyệt đối vào sức mạnh của lòng từ thì chẳng những tin tưởng rằng sức mạnh ấy không chỉ dời non lấp bể mà còn có thể lay động được hàng triệu triệu thế giới, kể cả thế giới của phi nhân mà con mắt thịt của chúng ta không bao giờ nhìn thấy được.

Lời kết

Đúng ra Buddhaghosa không phải là người đi tìm kiếm mà nói cho chính xác thì ông đã đến được nơi mà ông đã tìm kiếm đó rồi. Tất cả những gì Buddhaghosa viết ra là để chỉ bày cho những kẻ đi sau, những kẻ cũng đi tìm kiếm như ông trước đó, và Tolstoy là một trong những người đang đi tìm kiếm ấy. Nhưng liệu Tolstoy có tìm thấy được ý nghĩa cho đời mình như Buddhaghosa đã tìm thấy không?

David Patterson cũng đã từng băn khoăn như vậy khi viết lời dẫn nhập cho tác phẩm *Tự Thú* của Tolstoy: "Sau cùng, người ta có thể hỏi liệu Tolstoy có bao giờ thực sự tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống hay cái chân lý mà ông tìm kiếm? Về mặt này, bất luận người ta nói gì đi nữa, thì rõ ràng là ông đã tiếp tục cuộc truy tìm của mình cho đến ngày nhắm mắt vào năm 1910: Đời ông là một cuộc đời đặc trưng hóa bởi nhiều sự tìm kiếm, cũng nhiều bằng sự tìm thấy. Quả thật, cái ý nghĩa mà ông phấn đấu để đạt tới, tự nó

tiết lộ ra trong cuộc truy tìm nhiều hơn là trong sự phát hiện, và việc nêu câu hỏi và ý nghĩa cuộc đời thì quan trọng hơn là việc trả lời câu hỏi ấy." [36]

Như vậy, chẳng có gì tuyệt vọng, chẳng có gì vô nghĩa, nếu mỗi người trong chúng ta đều theo chân thái tử Tất Đạt Đa của hơn hai mươi thế kỷ trước, can đảm vứt bỏ tất cả lại sau lưng để lên đường tìm kiếm ý nghĩa cho chính đời mình như Tolstoy cũng đã làm như vậy khi viết: "Giống như Tất Đạt Đa, tôi không tìm thấy lạc thú nào trong cuộc đời một khi đã đi tới chỗ biết cái gì là tuổi già, sự đau khổ, và cái chết."

Và chúng ta có quyền tin tưởng một cách tuyệt đối rằng, ngày nào trên thế giới đau khổ này còn có người đi tìm kiếm trong cô độc thì ngày ấy chúng ta vẫn còn tiếp tục tin tưởng và hy vọng vào cuộc đời...

Thích Phước An

CHÚ THÍCH:

- [25] *Thanh Tịnh Đạo*, tập 1, tr.118.
- [26] Sdd., tr. 120.
- [27] Sdd., tr. 122.
- [28] *Thế giới như tôi thấy*, trích rải rác.
- [29] *Tự Thú*, tr. 144.
- [30] *Thanh Tịnh Đạo*, tập 2 tr.527.
- [31] Sdd. tập 2, trích rải rác.
- [32] Sdd. tập 2, trích rải rác.
- [33] sdd. tập 2, tr. 539-40.
- [34] sdd. tập 2, tr. 141.
- [35] sdd. tập 2, tr. 549.
- [36] *Tự thú*, tr. 14.



NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

NI SƯ TRÍ HẢI: CÂY BÚT TÀI HOA

Ninh Giang Thu Cúc

Ni sư Thích nữ Trí Hải Pháp danh: Tâm Hỷ (1938-2003); Thế danh: Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh. Năm sinh: 1938. Nguyên quán: Vĩ Dạ - Huế. Thị tịch: 07.12.2003.

TIỂU SỬ VÀ HÀNH TRẠNG

Trước khi trở thành Thích tử thiền môn – người con Phật này có thể danh là Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh, chào đời tại làng Vĩ Dạ vào ngày 9.3.1938 âm lịch là năm Mậu Dần, trong một gia đình hoàng phái, thuộc phủ phòng Tuy Lý Vương – là ái nữ của cụ ông Ứng Thiều tự là Mân Hương, pháp danh Như Chánh và cụ bà phu nhân Đặng Thị Quế, pháp danh Trường Xuân, duyên lành về con đường tu học đã được ươm mầm trong chủng tử thái nhi bởi hai đấng sinh thành đều là Phật tử tại gia cư sĩ. Vì thế cô tiểu thư trầm anh vọng tộc này đã được thọ tam quy ngũ giới và thính pháp văn kinh khi còn trong bụng mẹ, mà bốn bề thể độ là ngài tọa chủ chùa Tường Vân. Sau này là bậc cao tăng thạch đức nắm giữ mạng mạch Phật giáo miền Nam Việt Nam trên cương vị Đệ nhất Tăng Thống pháp hiệu Thích Tịnh Khiết.

Sau khi hoàn thành chương trình trung học đệ nhị cấp, tiểu thư Phùng Khánh theo học ngành sư phạm ở bậc đại học, tốt nghiệp cô được bổ sung vào dạy môn sinh ngữ (Anh văn) tại trường trung học Phan Châu Trinh – Đà Nẵng.

Năm 1960 cô giáo Phùng Khánh được đi du học ở Mỹ, đến năm 1963 cô về nước với bằng cấp cao học ngành thư viện. Thời gian này Viện cao đẳng Phật học Việt Nam được thành lập, hòa thượng Thích Trí Thủ mời cô và cô Phùng Thăng cùng đến phụ tá cho Ni trưởng chùa Phước Hải cùng chăm lo cho đời sống của ni sinh, cũng như làm một số pháp sự tại chùa Pháp Hội. Phùng Thăng là em út của tiểu thư thạch sĩ Phùng Khánh.

Cơ duyên tận hiến hoàn toàn cuộc đời cho Phật pháp đã đến. Năm 1964 người con gái Huế yêu



kiều, cô tiểu thư cành vàng lá ngọc Phùng Khánh, thí phát xuất gia tại chùa Hồng Ân, mà bốn bề thọ ký là ni trưởng trụ trì Thích nữ Diệu Không, từ đây cái tên Công Tăng Tôn Nữ Phùng Khánh đã xếp vào hồ sơ lưu trữ, mọi người chỉ gọi vị sa di ni này bằng pháp hiệu Trí Hải, Thích nữ Trí Hải.

Vâng, Trí Hải – biển trí tuệ, vị nữ tu có pháp danh Tâm Hỷ và pháp hiệu Trí Hải này đã phụng sự đạo pháp bằng tất cả khả năng và sự thông tuệ ưu việt cũng như phụng hiến đồng đạo, đồng bào, chúng sanh bằng trái tim hạnh lạc an vui, đúng như pháp danh mà cô thọ nhận: Tâm Hỷ.

Đường tu học của cô cư thể đi lên từng bước. Năm 1968 cô được thọ giới Thức xoa ma na tại giới đàn Nha Trang. Cùng lúc Viện đại học Vạn Hạnh được thành lập, cô được bổ nhiệm làm thư viện trưởng và giám đốc trung tâm An Sinh xã hội của Viện; đồng thời là giảng sư dạy các môn nội điển tại trường. Giai đoạn này các trường cao cấp Phật học và các học viện Phật học Việt Nam đều mời cô phụ trách giảng dạy các môn nội điển bằng Anh văn cho các tăng ni sinh.

Năm 1970, cô thọ đại giới Tỳ Kheo ni và Bồ Tát giới tại giới đàn Vĩnh Gia Đà Nẵng. Từ đây, trách nhiệm về hoạt động Phật sự lan tỏa khắp các miền, song song với hoạt động từ thiện xã hội, trùng tu các ngôi nhà làm xuống cấp, bảo trợ các cô nhi viện, các gia đình cô quả ở vùng sâu vùng xa.

Về sự nghiệp văn học – cây bút tài hoa của người nữ tu này quá uyên thâm vi diệu, quá uyên bác hàn lâm. Người có gần một trăm đầu sách các thể loại từ sáng tác đến dịch thuật biên soạn, phóng tác và hàng loạt bài viết ngắn, cùng nhiều bài thơ ý tình thắm đượm mùi pháp lạc đạo vị. Chúng ta thử đi vào mảng thơ của Ni sư để chiêm nghiệm một hồn thơ đầy lạc quan thanh thản trong nếp thanh lương đạo pháp, trong tinh thần triết học và thiền định qua bài “Triều Dương Ca:

TRIỀU DƯƠNG CA
 Trời cao trong và xanh
 Gió ban mai tốt lành
 Vũ trụ như chìm đắm
 Trong thiền định vô sanh
 Chim chóc đang ca múa
 Mừng lễ hội bình minh
 Sau lùm tre thưa thớt
 Vùng dương vừa ló lên
 Thiên nhiên như vũ điệu
 Như bài ca vô thanh
 Tâm hòa cùng vũ trụ
 An trú trong bất sanh.
 (TDC- TNTH)

Là một Thích tử thiền môn, những điều cơ bản về quy trình sinh, lão, bệnh, Ni sư đã tỏ tường từng chân tơ kẽ tóc, vì vậy sự đau ốm đối với Ni sư chỉ là một cơ hội để quán niệm những ân nghĩa cao dày của mười phương chư Phật, chư tổ, của vũ trụ càn khôn, của pháp lữ huynh đệ, của pháp quyến môn đồ với tấm lòng thanh tịnh, với niềm tri ân sâu sắc, với ước vọng chân thành được giải bày bằng ngôn ngữ thi ca qua bài thơ ngũ ngôn có tên gọi “Thêm một ngày”:

THÊM MỘT NGÀY

*Thêm một ngày năm bệnh
 Thêm một ngày tu tâm*



SƯ BÀ DIỆU KHÔNG (1905—1997)

Niềm ơn sâu Tam bảo
Tắm lòng bao người thân

Thêm một ngày đoàn tụ
Cùng pháp tử mến thương
Sẻ san chân diệp pháp
Vị ngọt thấm can trường

Thêm một ngày quán niệm
Chôn sinh tử hiểm nguy
Cõi niết bàn an lạc
Cũng trong một tâm này

Thêm một ngày chánh niệm
An trú trong bất sinh
Cần thận từng cảm xúc
Từng móng ý khởi tâm

Thêm một ngày cảm niệm
Ơn bạn hữu mười phương
Hội thăm và san sẻ
Ấm lòng khách tha phương

Thêm một ngày sám hối
Lay mười phương Như Lai
Cho con sạch tội lỗi
Từ xưa cho đến nay

Thêm một ngày phát nguyện
Nguyện cùng tận vị lai
Luôn theo chân Phật tổ
Lợi ích cho muôn loài.
(TMN – TNTH)

Cây có cội, nước có nguồn –
nguồn pháp như đầu đời mà Ni sư
thọ nhận là ở ngôi tổ đình trang
nghiêm tịnh lạc Tường Vân mà bốn
sư trao truyền tam quy ngũ giới là
hòa thượng Thích Tịnh Khiết, vị cao
tăng đạo hạnh, vị giáo phẩm Bi –

Trí – Dũng vẹn toàn, đã cho Ni sư
niềm hạnh phúc khi nhớ lại bao kỷ
niệm một thời để cấu tứ thành bài
thơ theo thể tứ tuyệt với hai mươi
câu chia làm năm khổ bằng một
tựa đề rất gần gũi thân thương:
“Chùa Tường Vân”

Chốn tổ Tường Vân bao kỷ niệm
Những ngày theo mẹ học ôn thi
Sớm khuya kinh kệ nương theo
chúng
Bất nhả thuộc lâu trước đại bi

Đi dạo vườn chùa mô đất cao
Bốn mùa cây trái tốt xinh sao
Bồ quân khế ngọt cùng cam quýt
Tha hồ vớ vết dựng đầy bao

Xuống đến chỗ ngồi dưới bóng cây
Thầy còn cho bánh quả đơm đầy
Mâm bông dâng cúng nơi bàn Phật
“Con hãy nhận quả của Phật đây”

Thầy lại trao cho Kinh Pháp hoa
Bản kinh Việt dịch mới in ra
“Chúng minh Hòa thượng” câu để
tặng
Thầy dạy con về ráng đọc qua

Thầy bố thí quả ăn học thi
“Cái chi ta cũng dành cho mi
Mà mi không chịu tu, mi chết”
Nhớ mãi lời thầy dạy những khi.
(02.7.2003)

Nếu trao truyền tam quy ngũ
giới cho Ni sư là vị Đệ nhất Tăng
Thống của Phật giáo Việt Nam vào
giai đoạn giữa thế kỷ XX thì vị
thầy khả kính đã thọ ký cho tiểu
thư Phùng Khánh thành Sa di ni
Trí Hải, ân phúc thay lại là bậc nữ
tu đức hạnh, đạo hạnh Thích nữ
Diệu Không. Ni sư Trí Hải với pháp
danh Tâm Hỷ đã viết về vị sư phụ
thứ hai này với tất cả lòng ngưỡng
mộ:

KÍNH DÂNG SƯ BÀ DIỆU KHÔNG

Mai đây cuộc thế vô thường
Thầy là sao sáng soi đường con đi
Huyền thân mộng trạch sả gi
Bước chân đồng tử hẹn kỳ tái lai.
(1984)

Hoa từ bi nở rộ
Cho ta bà ngát hương
Thầy đầu con theo đó
Mang vui nẻo đoạn trường.
(2003)

Và như có sự dự cảm, sự trực
ngộ cho một cõi đi về mà trong
một bức thư gửi cho một người
bạn vào năm 2001 Ni sư đã viết:
...“Trí Hải cũng đã gần 64 tuổi,
dòng sông này cũng đã gần ra đến

biển, nó đang reo vui trong điệu
nhạc vô thanh khi gần tới đỉnh.
Sống như du lịch chết như về lại
nhà. Kinh Pháp Cú có câu:

“Khách lâu ngày ly hương
Cuối cùng về đến nhà
Được người thân chào đón
Thật vui vẻ làm sao!
Cũng thế những việc lành
Chào mừng như thân hữu
Khí già biệt đời này
Đề đi qua đời khác.”

Ni sư là một nhà văn, một
nhà thơ, nhà triết học, nhà sư
phạm với một trái tim rộng mở
dâng hiến cho Đạo và Đời.

Nhưng trái tim nhân ái ấy đã
ngừng đập cùng hai thị giả trên
bước đường du hóa vào một chiều
mùa đông năm 2003 do một tai
nạn giao thông trên lộ trình Phan
Thiết – Sài Gòn.

Ni sư viên tịch vào tuổi 66 là
một mất mát lớn cho Phật giáo
Việt Nam, cho nền văn học và giáo
dục Phật giáo nổi riêng, và cho
nền văn học Việt Nam nói chung,
nhưng biết làm sao chống lại được
sự chi phối của luật vô thường?!

Nếu sống là thể phách, khi
thể phách đã tan rã theo đất nước
gió lửa thì cái còn để lại cho đời là
phần tinh anh – mà tinh anh, trí
tuệ, văn nghiệp, đạo nghiệp của Ni
sư là một tài sản vô giá, một biển
trí tuệ mênh mông mãi mãi trường
tồn cùng tuế nguyệt. Vậy là Ni sư
vẫn còn mãi mãi bên chúng ta, sự
ra đi ấy, sự viên tịch ấy chỉ là sự
quay về tròn đầy không với cạn.

Soạn giả chỉ là một nữ phạm
phu đầy hệ lụy, một tín nữ sơ cơ,
sự am hiểu về đạo pháp quá
nghèo nàn, nhưng với tất cả lòng
kính ngưỡng xin vô cùng tán thán
công nghiệp, tài năng mà Ni sư đã
đóng góp cho ngôi nhà Như Lai và
cho cuộc đời này, cho đất nước
Việt Nam, và cho quê hương Thừa
Thiên Huế của chúng ta.

(Rút từ “NỮ LƯU MIỀN HƯƠNG
NGŨ” để tưởng niệm 9 năm ngày
mất của Ni sư Trí Hải)

Ninh Giang Thu Cúc



TƯ TƯỞNG

CON NGƯỜI MẠNH NHẤT

Thích nữ Trí Hải

Trong kinh Tịnh Danh, đức Phật dạy có hai hạng người có sức mạnh nhất: đó là người không có tội, và thứ hai là người có tội mà biết hối cải – một sự hối cải rốt ráo phát xuất từ tâm can, quyết chí đổi bỏ điều ác thực hành điều thiện.

Nói rõ hơn, con người mạnh nhất là người không còn sợ hãi bất cứ gì, hoàn toàn vô úy. Chúng ta sợ dĩ sợ hãi trước hết là vì mình có tội, sợ bị trừng phạt, sợ mất danh dự nếu người ta biết được, sợ mất lợi lộc, sợ mất vây cánh. Thứ đến, chúng ta sợ hãi vì mong an toàn, sợ những đổi thay, bất trắc. Sự an toàn ấy bao gồm nhiều phương diện. Một con người ngã chấp càng nặng nề thì những điều kiện cho sự an toàn ấy càng phức tạp. Đối với một người biết đủ thì được túp lều tranh che mưa nắng, có hai bữa cơm cháo hàng ngày, vài bộ đồ mặc, đã tạm gọi là an toàn. Nhưng đối với nhiều người chừng ấy chưa đủ. Thức ăn phải là cao lương mỹ vị, chỗ ở phải đầy đủ tiện nghi. Áo quần phải sang trọng hợp thời trang. Và sống phải có danh vọng địa vị, có nhiều bạn bè quyền thuộc vây cánh “cuộc vui đầy tháng, trận cười thâm đêm” mới có sinh thú. Đối với những người như vậy, sự an toàn trở nên dễ dàng bị đe dọa. Càng nhiều hàng rào phòng thủ quanh bản ngã, ta càng thấy cái ngã dễ bị thương tổn, dễ mất an toàn. Vì nó đã được đồng hóa với nhà cửa, bạn bè, của cải tài vật, danh tiếng, với đủ thứ mà ta xem là nhu cầu thiết yếu cho sự sống. Khi cái ngã đã được bành trướng ra vô tận qua những nhu cầu phức tạp, thì sự an toàn trở nên vô cùng mong manh, và nỗi sợ hãi càng âm thầm tăng trưởng theo nhịp độ nhu cầu. Cần tiền ta sẽ sợ mất tiền, cần tình sợ mất tình, cần danh sợ mất danh, cần tiện nghi vật chất sợ mất tiện nghi vật chất, cần uy tín sợ mất uy tín, cần bạn bè sợ mất bạn bè. Và bởi vì chúng ta cần quá nhiều thứ trên đời, nên nỗi sợ hãi có thiên hình vạn trạng. Thông thường chúng ta không hoàn toàn ý thức nỗi sợ hãi bất an của mình, không hoàn toàn ý thức nhu cầu thầm kín của mình cho đến khi một trong những nhu cầu ấy bị trắc trở. Nghĩa là chúng ta chỉ ý thức được nhu cầu mình ở *mặt trái* của nó: cái thương nhớ ấy là khi mất rồi! Mất rồi mới biết à, té ra ta cần như vậy như vậy. Thành ra, thiên đường thực sự không bao giờ ở tầm tay vói, mà chỉ ở một khoảng cách vô cực như những vì sao. Emily Dickinson diễn tả ý đó trong những vần thơ đẹp:

*My rose gays are for captives
Dim, long expectant eyes
Fingers denied plucking
Patient till paradise*

(những hoa hồng nhung của tôi chỉ dành cho những kẻ đang bị giam cầm đang ngược những đôi mắt mỏi mòn chờ đợi - những ngón tay không bao giờ với tới, kiên nhẫn cho đến ngày lên được thiên đàng)

Chúng ta cũng thế, giống như những kẻ tù đầy đang bị giam hãm chỉ biết ngược những đôi mắt



tuyệt vọng nhìn đóa hoa mình không bao giờ được hái. Có những nhu cầu thầm kín mà ta chỉ ý thức được khi gặp điều trái lại làm cho ta bất mãn. Chẳng hạn, thông thường có thể ta không biết mình có hảo danh, ham tiếng khen hay không. Nhưng khi bị chê ta mới biết té ra mình cũng thích được khen vì bị chê thì đau khổ. Mọi nỗi sợ hãi khác đều chứng tỏ sự có mặt của nó bằng cách tương tự, nghĩa là bằng *mặt trái*.

Cái ngã càng lớn thì nhu cầu càng nhiều. Nhu cầu càng nhiều thì sợ hãi càng nhiều. Một con người có nhiều sợ hãi, nhiều vòng đai phòng thủ không thể gọi là người hùng mạnh.

Đức Bổn sư chúng ta là người mạnh nhất trong những người mạnh, bởi vì Ngài đã triệt tiêu bản ngã, bởi vì Ngài không còn một nhu cầu nào. Trong Kinh *Sợ hãi khiếp đảm* (Trung Bộ I), Ngài đưa ra những lý do vì sao Ngài không còn sợ hãi, để ai muốn đạt được đức tính vô úy, thì hãy sống như Ngài đã sống: thân nghiệp thanh tịnh (nghĩa là không giết hại, trộm cắp, dâm dục), ngữ nghiệp thanh tịnh (không nói dối, nói hai lưỡi, nói lời phù phiếm, lời độc ác), ý nghiệp thanh tịnh (không tham, sân, si), mạng sống thanh tịnh (không tự nuôi sống bằng những nghề nghiệp ác ôn), không có tham dục cường liệt, không lười biếng, không ngủ gà ngủ gật, tâm không tán loạn (luôn luôn thiền định), thân không lăng xăng giao động, không ham muốn lợi danh và tiếng khen, không khen mình chê người, không nghi ngờ do dự, không ngu độn si ám... Ngược lại, Ngài sống điều độ, tỉnh giác, tinh tấn, chánh niệm, ít nhu cầu, sáu căn luôn luôn an hòa tịch tịnh, có trí tuệ sáng suốt. Nhờ vậy, với Ngài, không bao giờ có nỗi sợ hãi và bất thiện khởi lên khi sống một mình trong những trú xứ xa vắng ở rừng núi hoang vu: Đức Phật quả là Đấng Chiến Thắng (Jina) trong loài người, Con Người mạnh nhất.

(trích từ **Bóng Nguyệt Lòng Sông**,
tác phẩm của NS Thích nữ Trí Hải)

**LỄ KHAI MẠC NGÀY VỀ NGUỒN VI, HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
TẠI CHÙA PHÁP HOA, NAM ÚC, NGÀY 17.11.2012**



**LỄ KHAI MẠC NGÀY VỀ NGUỒN VỊ, HIỆP KỶ LỊCH ĐẠI TỔ SƯ
TẠI CHÙA PHÁP HOA, NAM UC, NGÀY 17.11.2012**



TƯ TƯỞNG

ÁNH SÁNG TUỆ GIÁC

Thích Chúc Đại

Trong hành tinh này, ánh sáng là một trong những nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá đối với con người và vạn vật đang hiện hữu. Ánh sáng tạo nên sự quang hợp hữu cơ của các loài sinh vật trong thế giới tự nhiên, là chất liệu để giúp cho muôn hoa được đâm chồi trở nhụy và hiển tạng cho đời những đóa hoa tươi thắm nhất. Ở một khía cạnh khác của cuộc sống, ánh sáng sẽ làm xua tan đi những bóng đêm tăm tối của cuộc đời. Ánh sáng trong Đạo Phật được nói đến với tên gọi là Trí tuệ. Trí tuệ ấy sẽ là ngọn hải đăng đưa người vượt qua biển mê, là ngọn đèn soi đường dẫn lối đưa hành giả đi vào đạo lộ giải thoát.(1) Với ý nghĩa thiêng liêng ấy, Đức Phật đã giảng dạy trong Kinh Tăng Chi Bộ về bốn loại ánh sáng. Kinh chép như sau:

Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng. Thế nào là bốn? Ánh sáng mặt trời, ánh sáng mặt trời, ánh sáng ngọn lửa, ánh sáng trí tuệ. Này các Tỷ-kheo, có bốn loại ánh sáng này. Và này các Tỷ-kheo, loại tối thượng trong bốn loại ánh sáng là ánh sáng trí tuệ.(2)

Bốn loại ánh sáng trên, trong Tăng Chi Bộ Kinh cũng gọi là bốn loại hào quang,(3) là bốn ánh lửa,(4) bốn ánh chiếu,(5) bốn ánh đèn.(6) Ở đây, chúng ta thấy rằng ánh sáng mặt trời thường biểu hiện cho sự ấm áp, hơi ấm của mặt trời là diệp lục tố cho muôn vật sinh sôi nảy nở. Ánh sáng của mặt trời là sự nhẹ nhàng, huyền diệu và lung linh. Ánh sáng ấy có tác dụng xua tan bóng đêm ở mọi nẻo đường và soi sáng mọi ngõ ngách của muôn lối về. Ánh sáng của lửa sẽ sưởi ấm cho chúng ta trong đêm đông buốt giá, hơn thế nữa ánh sáng của lửa cũng là thể hiện cho sự vươn lên của kiếp người. Ánh sáng của trí tuệ là kim chỉ nam, là la-bàn định hướng cho mọi hành giả hướng về đời sống hưởng thượng, đời sống ấy chính là an lạc giải thoát.

Tại sao Trí Tuệ là ánh sáng tối thượng nhất trong bốn loại ánh sáng? Bởi vì ánh sáng của Trí Tuệ luôn là yếu tố cần thiết và cũng là chỉ phần đầu tiên trên bước đường đoạn tận các lậu hoặc, chúng ngộ giải thoát. Điều này được minh chứng trong kinh A Hàm, Đức Phật đã nêu lên sự sai khác của người ngu và người trí. Trong đó sự sinh khởi của nguy hiểm, tai họa, tức giận hay bị vô minh tham ái che lấp, làm cho hành giả không thể vượt thoát sanh tử khổ đau chỉ hiện hữu trong người ngu. Còn trái lại đối với người trí thì tất cả những khổ đau trên đã nêu đều vắng mặt. Kinh đã ghi chép như sau:

Tăng Chi, III-1: *"Phàm có sợ hãi nào khởi lên, này các Tỷ-kheo, tất cả sợ hãi đó khởi lên từ*

người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những nguy hiểm nào khởi lên, tất cả những nguy hiểm ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí. Phàm có những tai họa nào khởi lên, tất cả những tai họa ấy khởi lên từ người ngu, không phải từ người hiền trí... Như vậy người ngu có sợ hãi, người trí không sợ hãi, người ngu có nguy hiểm, người trí không có nguy hiểm, người ngu có tai họa, người trí không có tai họa. Này các Tỷ-kheo, không có sợ hãi đến với người trí, không có nguy hiểm đến với người trí, không có tai họa đến với người trí."

Tương Ưng, II-12-19: *"Này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái trói buộc, thân này của người ngu được sanh khởi. Vô minh ấy, người ngu không đoạn tận. Tham ái ấy, người ngu không tận trừ. Vì cố sao? Này các Tỷ-kheo, người ngu sống phạm hạnh không phải vì chơn chánh đoạn tận khổ đau. Do vậy, người ngu khi thân hoại mạng chung, đi đến một thân khác. Do đi đến một thân khác, vị ấy không thoát khỏi sanh già chết, sầu bi khổ ưu não. Ta nói rằng vị ấy không thoát đau khổ". "Và này các Tỷ-kheo, bị vô minh che đậy, bị tham ái hệ phược, thân người Hiền trí được sanh khởi. Vô minh ấy, người*

hiền trí đoạn tận. Tham ái ấy, người hiền trí tận trừ. Vì sao? Này các Tỷ-kheo, người hiền trí sống Phạm hạnh, vì chơn chánh đoạn trừ khổ đau. Do vậy, người Hiền trí, khi thân hoại mạng chung không đi đến một thân khác, vị ấy giải thoát khỏi sanh, già, chết, sầu, bi, khổ, ưu, não. Ta nói rằng: Vị ấy thoát khỏi đau khổ."

Ngoài ra, khi bàn về ánh sáng của tuệ giác, trong "Đại Trí Độ Luận" Bồ Tát Long Thọ đã luận giải như sau: *"Bồ-tát dạy chúng sanh nên học trí tuệ. Trí tuệ là sáng suốt, thứ nhất gọi là mắt tuệ. Nếu không có mắt tuệ, tuy có mắt thịt vẫn là đui. Tuy có mắt mà không khác súc sanh. Nếu có trí tuệ, tự phân biệt được tốt xấu, không theo lời người khác; nếu không trí tuệ, theo người dắt đồng dắt tây; như trâu, lạc đà bị xâu mũi đi theo người. Trí tuệ trên hết thầy pháp hữu vi, được bậc thánh nhân ái, vì hay phá pháp hữu vi. Như trong Kinh nói: Trong các thứ báu, trí tuệ quý báu hơn hết. Trong hết thầy đồ sắc bén, đạo trí tuệ sắc bén hơn hết. Ở đỉnh núi trí tuệ, không còn lo sợ, xem các chúng sanh khổ não, đều thấy tất cả. Lưỡi dao trí tuệ hay cắt đứt sợi xích phiền não sanh tử vô thí. Năng lực trí tuệ còn làm cho đầy đủ sáu Ba-la-mật, được vô lượng Phật đạo không thể nghĩ bàn, thành nhất thiết trí, hướng chi Thanh văn, Bích-chi Phật và các việc tốt thế gian. Trí tuệ ấy tăng trưởng*



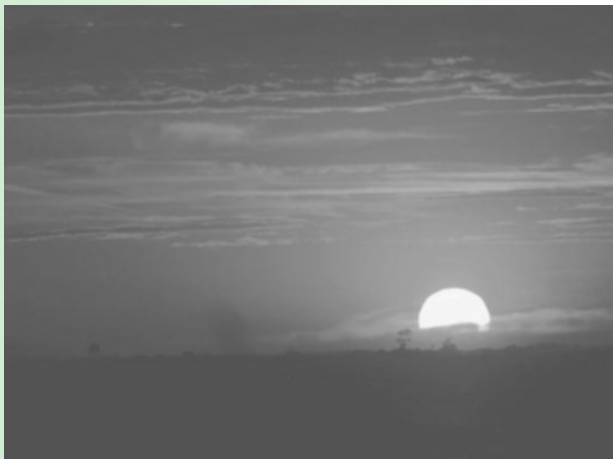
thanh tịnh không thể bị trở ngại, ấy gọi là Ba-la-mật. Chúng sanh nghe rồi, an trú trong Bát-nhã ba-la-mật.” (7)

Từ những dẫn chứng của kinh văn và luận tạng, chúng ta có thể nhận biết rằng, tuệ giác là nguồn mạch sinh khởi của tất cả thiện pháp, là điều kiện tiên quyết trong tất cả các pháp môn tu tập của Phật Giáo, là nhân tố cơ bản để đưa đến quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. (8) Là công cụ truyền đạo và hành đạo của Bồ Tát. Đồng thời, Tuệ giác cũng chính là bước đi đầu tiên đi vào biển giác, và là bước đi cuối cùng chấm dứt sanh tử khổ đau.

Sở dĩ con người mãi chìm đắm trong sanh tử khổ đau từ kiếp này sang kiếp khác, là do vắng mặt của ánh sáng tuệ giác. Chính vì thế, mỗi hành giả hãy tự thắp lên ngọn đèn tuệ giác, để soi rọi và phá tan màn vô minh hắc ám. Mỗi người hãy là chiến binh trí tuệ để diệt trừ tận gốc những tên giặc ngu si, phiền não đã làm não loạn đời sống của chính mình. Có như thế, chúng ta mới thực sự tìm thấy sự an lạc, thanh thoi và những giá trị đích thực trong cuộc sống này.

Virginia Beach
Thích Chúc Đại

- 1) Nói đến trí tuệ của Đạo Phật thì phạm vi rất rộng. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả chỉ nêu lên một khía cạnh nhỏ mà thôi.
- 2) Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, " Kinh Tăng Chi Bộ", Phẩm ánh sáng, II – 142, trang 79-80.
- 3) Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, " Kinh Tăng Chi Bộ", Phẩm ánh sáng, I – 141, trang 79.
- 4) Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, " Kinh Tăng Chi Bộ", Phẩm ánh sáng, III – 143, trang 80.
- 5) Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, " Kinh Tăng Chi Bộ", Phẩm ánh sáng, IV – 144, trang 80.
- 6) Hòa Thượng Thích Minh Châu dịch, " Kinh Tăng Chi Bộ", Phẩm ánh sáng, V – 145, trang 80-81.
- 7) "Đại Trí Độ Luận", quyển 30, Đại chánh tạng 25, trang 282, dòng 12-16.
- 8) Hòa Thượng Thích Minh Châu, " Trí tuệ trong Đạo Phật": Mục đích của Đạo Phật là diệt khổ và đem vui cho mọi loài, nhưng phải là người có trí mới biết được con đường đưa đến an lạc và hạnh phúc. Mục đích của Đạo Phật là giải thoát và giác ngộ, và chỉ có trí tuệ (Pannà) mới là phương tiện duy nhất đưa loài người đến bờ giải thoát và giác ngộ.



MẶC PHƯƠNG TỬ

thơ

Ngắm Hoa

Trưa nay ngồi ngắm sắc ngàn hoa
Nghe tiếng chim từ vách núi xa
Thả giấc ngủ dài trên nắng xé
Mặc tình mây trắng đỉnh non qua.

Ngắm Ta

Lung linh giọt sáng ngàn phương
Đêm huyền diệu xuống, nghe sương luân hồi
Ngắm trăng
Ngắm cả cuộc đời
Giữa mênh mộng
Chợt ta ngồi ngắm ta.

Quán Vô Thường

Nửa khuya
Ngồi quán vô thường
Sáng ra
Thấy trầu cành sương bên thềm
Nghĩ đời như hạt sương đêm
Từ sinh
Như giọt nước triền miên trôi.

Sáng

Sáng ra ngồi xem bài kinh
Thấy hoa vàng nở đẹp tình mười phương
Nghiêng nghiêng
Vạt nắng vô thường
Kinh thơm huyền diệu
Tiếng chuông an bình.

Chiều

Bước đi
Càng tới... càng xa
Theo từng quán niệm
Bóng tà huy bay
Cô liễu tịch dấu sương gầy
Tĩnh say một kiếp
Vội đây cõi tâm.

Trăng Hồn Chiêm Bao

Hoàng hôn
Rủ bóng trên ngàn
Ta về
Vai khoác y vàng lên non
Trăng nghiêng theo dấu sỏi mòn
Thấy hoa đào nở
Trăng hồn chiêm bao.

HỘI PHẬT HỌC ĐUỐC TUỆ

THÔNG BÁO

Kính gửi Quý Đồng Hương Phật Tử

Trong tinh thần đồng học đồng tu để phụng sự Đạo Pháp,
Hội Phật Học Đuốc Tuệ sẽ tổ chức Buổi Hội Luận năm 2012 với chủ đề:

PHẬT GIÁO VIỆT NAM TẠI MỸ ***Nhìn về Tương Lai, Cơ Hội và Thách Thức***

Từ 2:00 giờ đến 6:00 giờ chiều ngày Chủ Nhật 16 tháng 12 năm **2012**
tại Huntington Beach Church of Religious Science
(Trung Tâm SANGHA cũ)
7641 Talbert Ave., Huntington Beach, CA 92648.

*Trân trọng kính mời quý Đồng Hương Phật Tử đến tham dự
buổi Hội Luận, trao đổi ý kiến để cùng nhau đóng góp cho sự phát triển
của Phật Giáo Việt Nam tại Hải Ngoại*

Diễn Giả được thỉnh mời tham gia và Đề Tài dự trù được trình bày:

Hòa Thượng **Thích Thông Hải** – *“Vài suy nghĩ về Tăng Già Việt Nam tại
Mỹ: Biểu Tượng và Sứ Mạng”*

Ni Sư **Thích Nữ Giới Hương** – *“Vai Trò của Chùa Việt trên đất Mỹ”*
Đạo Hữu **Diệu Huyền Lê Ngọc Bảo** – *“Thử Vẽ Chân Dung người Phật Tử
Việt Nam tại Mỹ”*

Đạo Hữu **Nguyễn Giác Phan Tấn Hải** – *“Đề Nghị vài nguyên tắc tiếp cận
các nguồn Nghiên Cứu Giáo Lý Phật Giáo tại Mỹ”*

Sau mỗi đề tài có sự trao đổi ý kiến giữa các diễn giả, đồng thời có sự góp
ý của thính giả. Sau đó có phần Tổng Kết và nếu còn thì giờ sẽ có thảo
luận chung và đề nghị một hướng đi tương lai cho Phật Giáo tại Mỹ.

Sự tham dự của Quý Vị là niềm khích lệ lớn lao cho chúng tôi trong nỗ lực
Phụng Sự Phật Pháp

Có tiệc trà nhẹ - Vào cửa tự do

PHẬT HỌC ỨNG DỤNG

PHÁP MÔN LẠY PHẬT

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Lời người viết: Pháp Môn Lạy Phật đem lại kết quả trước mắt cho người thực hành là về sức khỏe. Vì chỉ cần làm động tác Lạy trong khoảng 20 phút, kết quả mang lại cho cơ thể nhiều hơn đi bộ một giờ. Những ai mắc phải những chứng bệnh được khuyên nên tập thể dục như huyết áp cao, cholesterol, tiểu đường..., xin đọc hết bài viết này và thực hành thử một đôi lần, rồi so sánh, sẽ biết. Ngoài một số điểm lợi về thân, còn có mặt tốt cho tâm nữa. Rất mong việc thực tập thường xuyên sẽ mang đến những lợi lạc ấy cho quý vị. Trân trọng. ĐMX

Lạy Phật: pháp môn tuyệt vời,
Ai hành trì được, cuộc đời đổi thay,
Hơn hai mươi phút mỗi ngày,
Vừa lạy, niệm Phật, thân này khỏe ra,
Lại trị nhiều bệnh nữa mà,
Ung thư sẽ bớt, cùng là huyết (áp) cao,
Tiểu đường, mỡ máu giảm mau,
Đau lưng, nhức khớp, còn đầu gối vò.
Mất ngủ: nay ngủ kho kho,
Tâm luôn an lạc, chẳng lo, chẳng buồn.
Nghịệp chướng sẽ tiêu trừ luôn,
Thiện căn tăng trưởng, khiêm nhường phát sinh.
Ba điều cuối đến với mình,
Nhờ vào kết quả công trình khổ tu.
Mong người tin, gắng công phu,
Ao Sen Thất Bảo dự trừ có tên.



Ở bài thơ trên, chúng tôi đã cố gắng tìm hiểu và gom lại, tạm gọi là đây đủ, những lợi lạc về thân và tâm của Pháp Môn Lạy Phật. Tuy nhiên, vì thiết nghĩ nên ghi thêm nhiều điều cần biết để khơi dậy sự tín tâm ở những đạo hữu chưa hành trì pháp môn này để họ thấy lợi mà thực hành chứ bỏ qua quá uổng nên người viết xin ghi phần sau đây:

Tại sao ta nên hành trì Pháp Môn vừa Lạy Phật và Niệm Phật? Vì:

- * Lạy Phật một lạy, tội diệt hà sa.
- * Niệm Phật một câu, phước sinh vô lượng.
- * Dựa vào hai điều trên thì Lạy Phật là pháp môn sám hối nghiệp chướng tuyệt vời.
- * Hòa Thượng Sám Vân dạy: "Lạy Phật là vận động tốt nhất, còn tốt hơn khí công và thái cực quyền".

* Pháp Sư Đạo Chứng viết: "Lạy Phật làm tăng lượng thở bằng phổi, mở rộng lồng ngực và khai phát sức tự giác".

* Tỷ Kheo Thích Trí Hoảng viết trong "Pháp Môn Lạy Phật": "Các huyết đạo quan trọng trên cơ thể được tác động. Từ huyết bạch hội trên đỉnh đầu xuống đến huyết đen di chuyển theo xương sống và các huyết ở tay chân. Chúng ta cảm thấy có một luồng khí nóng chạy đều khắp cơ thể và mồ hôi theo các lỗ chân lông tuôn ra. Theo Y học Đông Phương, một khi các huyết đạo trên cơ thể được tác động, khí huyết sẽ lưu chuyển và bệnh tật sẽ tiêu trừ".

* Pháp Môn Lạy Phật tiện lợi hơn và mang lại nhiều hiệu quả hơn tập thể dục. Lạy Phật chỉ cần một khoảng trống bằng chiếc chiếu cỡ nhỏ. Lạy Phật 20 phút, kết quả hơn đi bộ một giờ vì lạy Phật tác động trên nhiều phần của cơ thể: chân, tay, bụng, cổ và mồ hôi toát ra nhiều hơn đi bộ. Sau một thời gian, sức khỏe tăng lên thấy rõ và sẽ ngăn ngừa được nhiều bệnh. Ngoài ra, lạy Phật với tâm thanh tịnh, thành kính, tha thiết sẽ mang lại nhiều phước đức khó lường. Đặc biệt, nếu có tâm lòng như vậy trong lúc lạy Phật và niệm Phật, hy vọng chứng bệnh nan y nào cũng sẽ được tiêu trừ vì "có cảm tất có ứng".

* Vì lý do vừa nêu, nhiều bệnh khó chữa có thể giảm bớt nhờ lạy và niệm Phật như huyết áp cao, mỡ máu, tiểu đường, đau lưng, nhức khớp, mất ngủ và thậm chí ung thư cũng có cơ may bớt được.

* Theo Pháp sư Đạo Chứng trong sách "Niệm Phật Chuyển Hóa Tế Bào Ung Thư - Thích Minh Quang dịch" có đoạn như sau:

"Thực ra tế bào ung thư vốn cũng là những tế bào tốt... Do phải chịu bức ép, tổn thương, đã kích nên chúng mới bắt đầu biến đổi, phân hóa thành những tế bào sai lầm... Chính những tế bào sai lầm này sinh ra những tế bào sai lầm đời thứ hai. Cứ như vậy tiếp tục sinh sản, dần dà chúng sẽ biến thành một đoàn thể tự phát triển, đây chính là ung bướu". (trang 27 sdd)

Ở trang 37 sách đã dẫn có giải thích như sau:

"Lần sống tâm niệm Phật và lần sống âm thanh niệm Phật khiến toàn thân chúng ta chấn động một cách vi diệu, dường như xoa bóp cho tất cả tế bào. Việc xoa bóp này rất nhẹ êm, rất tinh tế, khiến cho các tế bào trong trạng thái dễ chịu có thể phát huy công năng tốt nhất...."

Và xin đọc tiếp ở trang 38:

"Bởi vì trong danh hiệu Phật đã hàm chứa tâm từ bi vĩ đại và trí tuệ thâm sâu cứu độ chúng sanh của Đức Phật. Đồng thời, danh hiệu Phật cũng khai phát ánh sáng và năng lực công đức Phật tánh vốn có bên trong chúng ta! *Năng lực công đức này đương nhiên*

cũng bao gồm năng lực trị liệu tâm bệnh và thân bệnh."

Nhân đây, xin được ghi thêm vài điều cần thiết nữa:

* Khi lạy Phật và niệm Phật, bệnh nhân bệnh nan y phải tin là bệnh của mình sẽ bớt. Niềm tin mãnh liệt giúp bệnh mau thuyên giảm. Vì niềm tin có sức mạnh mang tính quyết định. Hơn nữa, có tin thì mới vui và phấn khởi để hành trì. Ngoài ra, nên cười, vui nhiều trong ngày. Đó là những cảm giác tốt cần có trong cơ thể bệnh hoạn, nhất là với bệnh nhân ung thư vì sức mạnh của "Tâm hoan hỉ không thể nghĩ bàn. Huyết cầu mau chóng tăng lên." "...lúc sung sướng hạnh phúc, cơ thể sẽ tiết ra chất hóa học làm tăng cường sức miễn dịch, tăng trưởng số lượng và chất lượng tuyến hạch" (trang 102 sđd).

* Bệnh ung thư có thể là Thân bệnh hoặc Nghiệp bệnh (oán bệnh).

- Về thân bệnh: mang bệnh do ăn uống những món độc hại, dùng thuốc chữa bệnh không hợp với sự sống của tế bào,...; do thiếu oxy nuôi dưỡng tế bào; do tinh thần bạc nhược, buồn khổ, lo âu, giận dữ, căng thẳng tinh thần... Những cảm giác tiêu cực này sẽ tiết ra những độc tố lâu ngày chầy tháng sinh ra bệnh ung thư.

Ngoài việc lạy Phật mỗi ngày khoảng hơn 20 phút, người bệnh nên thay đổi lối sống càng nhiều theo chiều hướng tích cực, (tin bệnh sẽ bớt, thường vui vẻ, tươi cười, ăn uống những món không độc hại...), sự hồi phục bệnh càng nhanh.

- Về nghiệp bệnh (oán bệnh): mang bệnh do người bệnh đã từng gây khổ đau hoặc sát hại nhiều sinh linh, trong đời này hay nhiều đời quá khứ, có thể là người hay động vật như trâu, bò, heo, chó, khỉ, gà vịt, chuột, ếch, baba, cá, lươn,... Gặp thời cơ là những oán hôn đó sẽ trả thù bằng cách nhập vào cơ thể tạo thành ung bướu. Với bệnh nhân này, ngoài việc lạy Phật, niệm Phật với tâm chí thiết, thành kính, người bệnh nên làm thêm những việc sau đây: bố thí, làm việc thiện, phóng sinh thật nhiều, tha thiết ăn năn, sám hối nghiệp sát đã gây khổ đau cho chúng sinh, hồi hướng công đức làm được cho họ... Khẩn mong vong linh ấy cùng khắp pháp giới chúng sanh được siêu sinh về thế giới cực lạc. Có vậy, nghiệp chướng người bệnh sẽ được tiêu trừ.

* Lúc lạy Phật nên để máy niệm Phật có nhạc, vừa lạy, vừa nghe, đọc theo (đọc thầm), làm lòng rất hứng thú nên việc lạy sẽ không cảm thấy khó nhọc và chóng hết giờ lắm.

* Năm loại ung thư cần nên ăn chay: ung thư dạ dày, ung thư ruột già, ung thư cổ tử cung, ung thư ngực, ung thư tiền liệt tuyến. (trang 129- sách đã dẫn)

* Người viết đã cố gắng tìm và ghi ra những chi tiết cần thiết cho việc chữa trị bệnh nan y, tuy nhiên bệnh có bớt hay không sẽ còn tùy thuộc:

- vào bệnh nặng hay nhẹ
- vào việc thực hành chữa trị của người bệnh có hết lòng không.
- vào yếu tố thời gian nữa.

Những điều cần biết lúc lạy Phật:

* Lạy Phật bất cứ ở đâu cũng được nhưng phải là nơi sạch sẽ. Tuy nhiên, nếu nhà có bàn thờ Phật thì nên thay quần áo sạch sẽ, thay nước bàn thờ Phật và thắp nhang.

* Xin đề nghị tư thế lạy Phật: Đứng thẳng người, hai tay chắp lại đưa cao tới trán. Tiếp, di chuyển hai tay chắp lại để trước ngực. Trước khi quỳ xuống, hai tay buông nhẹ ra hai bên, chống xuống đất, sau đó



đầu gối mới quỳ xuống. Thân mình nằm mọp xuống sao cho hai tay, hai đầu gối và đầu chạm đất. Cầm đưng sát ngực. Mông chạm vào hai gót chân. Khi đã nằm mọp xuống, đưa hai bàn tay úp xuống về phía trước đầu, rồi nhẹ nhàng ngửa hai bàn tay, các ngón xò ra giống cánh sen mềm mại. Lúc đứng lên, chống hai tay rồi đẩy mạnh để đưa toàn thân mình đứng dậy. Cách này giúp hai chân cùng vận động, sẽ tốt cả hai. Cố gắng hít sâu, thở hết lúc lạy Phật.

Rất quan trọng: Nên nhớ trong lúc lạy Phật, cố gắng quán tưởng hào quang chư Phật hiện hiện hay quán tưởng hình Phật A Di Đà ở trước mắt,....

* Gặp chướng ngại, phải kiên trì: thời gian đầu lạy Phật, phần bắp đùi và vùng bụng rất đau nhức, kể cả cổ cũng đau. Xin đừng nản lòng. Đau, vẫn cứ lạy, chừng một tuần đến mười ngày tự nhiên hết nhức. Lúc đầu, lạy rất khó khăn và mồ hôi vã ra rất nhiều, nhưng sau chừng 20 ngày, việc lạy cảm thấy nhẹ nhàng và lòng rất hưng phấn. Thực hành càng nhiều, càng thấy thích thú và sức khỏe càng tốt hơn.

Lúc mới bắt đầu nên lạy từ 10 lạy, 20 lạy... rồi sau nên tính phút. Người mạnh khỏe hoặc có tín tâm nên lạy nhiều hơn 20 phút mỗi lần.

* Lúc lạy Phật cầm đưng sát ngực: "động tác này có thể giúp cột xương cổ gồm bảy đốt kéo giãn ra, đem lại những lợi ích sau đây:

- Lượng máu dồn về bộ não đầy đủ.
- Dịch tủy xương sống và não lưu thông.
- Giúp hệ thần kinh ở xương cổ không bị ép, phát huy được công năng:... (trang 59, sđd)

* Không nên lạy Phật lúc bụng no vì sẽ bị đau bao tử.

Pháp Môn Lạy Phật: rất nhiệm mầu: Vì khi hành trì pháp môn này, nghiệp chướng sẽ được tiêu trừ, thiện căn tăng trưởng và hạnh khiêm cung sẽ phát sinh. Trong bài "Pháp Môn Lạy Phật", Tỳ kheo Thích Trí Hoằng viết: "Trong Kinh Đức Phật thường dạy, tâm khiêm nhường là cửa ngõ của trí tuệ và là con đường đưa đến giải thoát". Đó cũng là lý do để có những buổi sám hối lạy Phật vào những ngày giữa tháng và cuối tháng âm lịch tại các chùa. Nếu đạo hữu nào hành trì Pháp Môn Lạy Phật mỗi ngày coi như đã sám hối thường xuyên. Kính mong tất cả quý vị đã đọc bài này làm được, để hưởng những lợi lạc không thể nghĩ bàn. Khi đã được kết quả, xin giới thiệu bạn bè cùng hành trì, nhất là nên chỉ cho những vị ở xa chùa hoặc không có nhiều thời gian đến chùa. Được vậy thì còn gì quý hơn.

Bài viết tuy ngắn nhưng không làm sao tránh khỏi những sai sót, con kính mong Quý Thầy, Quý Ni và quý vị Thiện Tri Thức chỉ giáo sửa chữa cho. Con thành kính tri ân.

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

Cuối Năm

Cuối năm, buồn, nhớ Mẹ
Đôi mắt vào hư không
Con chưa về, có lẽ ...
Mẹ héo mòn đợi mong

Bếp lửa đêm Ba Mươi
Vẫn cháy nồng rực rỡ?!
Mẹ chắt chiu nụ cười
Con không về. Vụn vỡ ...

Chiếc bánh chưng Mẹ gói
Còn xanh như ngày xưa?
Con muốn về tạ lỗi
Nhưng Mẹ ơi, sao vừa!

Phía sau nhà, bếp lửa...
Mẹ chờ con đêm này
Con không về kịp nữa
Khói bay vào mắt cay.

thơ

Tuổi Cha

Tuổi Cha mong manh khói thuốc
Bay vương mắt con cay nồng
Nhìn Cha mỗi ngày suy nhược
Con nghe xốn xang trong lòng

Ngỡ còn ngày xưa bé dại
Bên Cha rạng rỡ môi cười
Giật mình, xót xa, ngoảnh lại
Tuổi Cha bóng hạc qua trời

Đêm qua con nằm ác mộng
Khóc bên cổ quan lạnh lùng
Tỉnh giấc, quanh mình vắng trống
Con sợ... sợ đến khôn cùng

Biết đời thoáng qua như huyền
Con xin quỳ dưới Phật đà
Vu Lan khai Kinh, cầu nguyện
Cho Cha an lạc tuổi già.

ĐIỀU LINH



Đi và Về với Huế

Hương giang nước chảy lững lờ
Tình sương hư ảo đôi bờ khói sương
Tha phương nhớ Huế vẫn vương
Ngày đi chín nhớ mười thương chưa tròn

Đông Tây chân đã mỏi mòn
Ngày về còn nhớ nước non của mình?
Cuộc đời dâu bể phù sinh
Ra đi chỉ để chữ tình sắt son.

Hoa Lộc Vừng - Chùa Từ Hiếu

Hoa Mung (*) đỏ thắm mặt hồ
Dệt thành tơ lụa đôi bờ sắc không
Kiếp người sao hết long đong
Tiếng chuông
chợt tỉnh
vừa xong
giác nồng.

TÂM THƯỜNG ĐỊNH

(*) Còn gọi là Hoa Lộc Vừng or Chi Lộc vừng (tên khoa học: Barringtonia acutangula) là một chi thực vật có hoa trong họ Lecythydaceae. Tên gọi phổ biến trong tiếng Việt là lộc vừng. Source - wikipedia.org

**LỄ CẦU SIÊU NHÀ THƠ NGUYỄN CHÍ THIỆN
TẠI CHÙA BÁT NHÃ, SANTA ANA NGÀY 10.11.2012**



NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Lễ Tưởng Niệm Và Cầu Siêu Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện Do Hội Đồng Điều Hành Trung Ương Phong Trào Yểm trợ Tự Do Tôn Giáo Và Nhân Quyền Việt Nam

Santa Ana (Bình Sa) -- Tại Chánh Điện Chùa Bát Nhã tọa lạc tại số 803 S. Sullivan St., Santa Ana CA 92704 Nam California vào lúc 3 giờ chiều Thứ Bảy ngày 10 tháng 11 năm 2012, Hội Đồng Điều Hành Trung Ương Phong Trào Yểm trợ Tự Do Tôn Giáo Và Nhân Quyền Việt Nam đã long trọng tổ chức lễ tưởng niệm và cầu siêu cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện (nhân lễ 49 ngày) Buổi lễ dưới sự hiện diện của Quý Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, HT. Thích Phước Thuận, HT. Thích Minh Tuyên, HT. Thích Giác Sĩ, HT. Thích Nhật Quang... cùng quý Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni đến từ các Chùa và tự viện Nam California. Hội Đồng Điều Hành Trung Ương Phong Trào có Hòa Thượng Thích Nguyên Trí, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành; Giáo Sư Nguyễn Thanh Liêm, Chủ Tịch Hội Đồng Giám Sát; Linh Mục Nguyễn Thanh, Thành Viên HĐGS; Ông Phan Kỳ Nhơn, Ông Lê Quang Quang Dật, Phụ Tá Chủ Tịch HÐĐH và một số các thành viên trong phong trào. Ngoài một số quý vị Quan khách, quý vị Nhân sĩ, còn có Giáo sư Nguyễn Văn Sâm, Viện Việt Học; Bác Sĩ Trần Văn Cảo, Nguyệt San Diễn Đàn Giáo Dân và phu nhân, Nhà Văn Chu Tất Tiến, một số quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể đấu tranh, quý vị trong hội Quốc Gia Hành Chánh và quý vị cựu Sĩ Quan Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, quý cơ quan truyền thanh, truyền hình, báo chí và đồng hương Phật tử tham dự.

Điều hợp chương trình Tiến Sĩ Huỳnh Tấn Lê và Ông Nguyễn Phú Hùng.

Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Hoa Kỳ, phút mặc niệm; tiếp theo HT. Thích Nguyên Trí, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành Trung Ương Phong Trào Yểm trợ Tự Do Tôn Giáo Và Nhân Quyền Việt Nam lên trình bày lý do buổi lễ, HT cho biết Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện là một trong những thành viên sáng lập ra Phong Trào ngay từ những ngày đầu, ông cũng đã đóng góp rất nhiều công sức cho phong trào liên tục trong nhiều năm qua. Mặt khác trước đây Nhà Thơ Nguyễn Chí Thiện cũng đã nhờ Hòa thượng làm lễ quy y cho ông nhưng là một nhân sĩ trí thức, là một chiến sĩ chống cộng tên tuổi vì vậy nên Hòa thượng có hẹn sẽ tổ chức trong một ngày gần để mời tất cả thành viên trong phong trào cũng như một số thân hữu đến tham dự. Rất tiếc sự ra đi đường đột của Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện trong lúc Hòa thượng đang bận công tác tại hải ngoại nên khi trở về thì Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện đã ra đi. HT. cũng cho biết kể từ khi Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện ra đi cho đến nay là 49 ngày, trong khoảng thời gian đó HT. cũng đã hai lần thấy Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện về xin HT làm lễ cầu siêu cho ông, đó là lý do mà hôm nay Phong Trào tổ chức Lễ Tưởng Niệm Hòa Thượng cũng cho biết đối với Phật Giáo không bao giờ phân biệt tôn giáo, miễn mình có lòng cầu nguyện cho người đó là tốt rồi.

Tiếp theo Ông Phan Kỳ Nhơn, Phụ Tá Chủ Tịch Phong Trào lên đọc Tiểu Sử của Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện, sau phần tiểu sử là lời Tiễn Biệt của

Phong Trào, trong lời Tiễn Biệt có đoạn: "Hôm nay chúng ta quy tụ về đây để cùng tưởng niệm và cầu siêu cho Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện, người tù của thế kỷ, một chiến sĩ đấu tranh kiên trung bất khuất. Ông đã dâng hiến cả đời mình cho cuộc tranh đấu chống độc tài cộng sản đem lại tự do, ấm no cho đồng bào, cuộc đời ông là một chuỗi dài tranh đấu không ngừng nghỉ, lúc nào cũng ưu tư đến tiền đồ tổ quốc. Sự ra đi của ông đã để lại cho đời một gia sản vô cùng quý báu đó là một chứng tích về một thời kỳ đen tối nhất của dân tộc Việt Nam..."

Trong phần cảm tưởng đối với Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện có cựu Đại Tá Lê Bá Khiếu, Giáo Sư Nguyễn Văn Sâm, Cựu Tổng Trưởng Xã Hội Trần Quang Thuận, mọi người đều ca ngợi tinh thần tranh đấu bất khuất của ông đối với chế độ độc tài cộng sản. Riêng Giáo Sư Nguyễn Văn Sâm đã kể lại những tâm sự của Cổ Thi Sĩ Nguyễn Chí Thiện đã từng tâm sự với ông trong những lần gặp gỡ trong các sinh hoạt cộng đồng trong đó có đoạn: "Sau khi một người nào đó từ già cỗi trần thì thần nhân đến chùa tổ chức lễ cầu siêu cho hương linh người quá vãng được lên cõi Tịnh Độ. Thi sĩ Nguyễn Chí Thiện ở vào trường hợp đặc biệt: Ông không có thân nhân ở cạnh và nhứt là ông là một thi sĩ có tâm hồn cương dũng, đã đóng góp tích cực cho tiếng nói chống lại bạo quyền nên chùa Bát Nhã có buổi lễ cầu siêu này.

Đây là việc làm hơi mới một chút nhưng là điều mới rất đáng quý, thể hiện lòng từ bi của người theo Phật đạo và thể hiện sự kính trọng một thi sĩ có công với thơ văn và với tư tưởng tranh đấu kiên cường chống lại cường quyền áp bức người dân trong nước..."

Tiếp theo là nghi thức cầu siêu do Chư Tôn Đức Tăng Ni và đồng hương Phật tử thực hiện. Sau phần lễ mọi người cùng dùng cơm chay do Chùa Bát Nhã khoản đãi.



MỞ LÒNG LẮNG NGHE

Thích Đức Trí



Một hôm, có một vị sư già tuổi đời khoảng 70 tuổi lên núi tu. Sư ghé lại hỏi thăm chùa. Sư có dáng người cao lớn, đi đứng khoan thai nhẹ nhàng, đôi mắt rất sáng. Được hầu chuyện sư một buổi tối thì chú Sa di sáng mắt và sáng lòng. Chú hỏi rằng:

"Con nghe sư nói chuyện như một bậc thầy có kinh nghiệm, chắc sư tu học lâu năm lắm đó?"

"Sư mới tu," Sư đáp

Chú Sa di thưa:

"Sư nói sư mới tu con không dám tin đâu."

Sư bảo rằng:

"Sư mới tu lại."

Chú hỏi tiếp:

"Có phải sư là người Việt gốc sư không?"

Sư cười và đáp:

"Đúng vậy."

"Người Việt gốc sư" là như một cụm từ riêng, chỉ cho những vị đã xuất gia mà trở về đời sống của người tại gia. Chú tò mò và thành thực hỏi sư:

"Sư ơi, xin sư đừng buồn thì con mới dám hỏi."

Sư bảo rằng:

"Chú có duyên gặp sư thì tùy ý hỏi, sư sẽ hoan hỉ trả lời."

Chú buột miệng hỏi tiếp:

"Sư về đời có kinh nghiệm gì mới lạ không, kể cho con nghe với."

Sư mỉm cười bí ẩn với dáng vẻ chân tình, sửa lại tư thế ngồi và bắt đầu kể chuyện cho chú nghe.

Câu chuyện về đêm giữa vị sư và chú Sa di vẫn tiếp tục như lời dặn ân cần. Tuổi trẻ tu học thì phải nắm chắc pháp tu mới có hiệu quả. Nếu không chú sẽ gặp chướng ngại như sư từng gặp hơn 30 năm về trước. Chú nghe câu này càng chú ý hơn. Có nghĩa là sư đi tu khi chú chưa nằm trong bụng mẹ. Sư kể với giọng trầm lắng hơn. Sư đã trải một khoảng thời gian của đời mình để tìm hiểu pháp môn tu học con ạ. Thời đó chưa có trường lớp dạy giáo lý như bây giờ. Những điều sư tu học được là từ sư phụ của mình. Khi sư phụ qua đời thì cuộc đời sư

thay đổi nhanh chóng. Lúc sư còn trẻ tuổi như chú. Sư tự mình quyết định lên núi mà tu cho mau chứng quả. Sư đã từng uống nước, nhịn ăn tới 49 ngày để ngồi thiền. Vì sư nghĩ rằng mình làm giống hết như Phật ngồi cội Bồ đề để mau chứng ngộ. Rất tiếc là sư không tự biết rằng: Mình không phải là thái tử Tất Đạt Đa! Cho nên dù nhịn ăn tu thiền 49 ngày nhưng vẫn chưa chứng đắc như mong đợi.

Qua thời gian tu tinh tấn đó, tâm thức sư rất an định. Thực sự, bản thân sư không biết mình chứng đến tầng định nào. Nhưng tâm thức trở nên có vài tác dụng khác trước. Tâm lại đắm chìm trong sự thấy biết vừa đạt được, nên có nhiều chướng ngại phát sinh. Tri thức và thực nghiệm là hai lĩnh vực bổ sung cho nhau chứ không phải là một. Phật dạy: "Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người có trí chứng hiểu." (1) Kinh Phật dạy thâm sâu khó nghĩ bàn. Sư nghĩ, có những câu kinh đã thuộc lòng lâu lắm vẫn chưa chiêm nghiệm hết ý nghĩa. Với một câu mà chưa thấu triệt thì cả bài kinh còn khó hơn nhiều. Cần có khả năng tu học nghiêm túc mới thấu rõ nghĩa lý vi diệu trong đó.

Sau này, sư mới biết rằng dấu hiệu thấy biết ban đầu đó là thành quả của sự định tâm. Nó chưa phải là tác dụng của tuệ giải thoát theo tinh thần Phật dạy. Bản chất sự tu tập có hiệu quả thì hai yếu tố Định và Tuệ phải quân bình. Khi mình mất chánh niệm thì bị tri giác sai lầm đánh lừa. Đánh lừa như thế nào? Đánh lừa trong giấc ngủ, đánh lừa trong ý niệm chứng thần thông và nhiều vấn đề khác nữa. Trong lúc ngủ sư thường có giấc mơ đúng với sự kiện sẽ xảy ra sau đó. Sư cho đó là biểu hiện tiên bộ của sự tu học tinh tấn. Nên đam mê những điềm báo trong giấc mơ là kì diệu. Về sau, các giấc mơ đó không còn chính

xác nữa, sư vẫn là sư như trước.

Còn nữa, ý niệm mình có thần thông bắt đầu len lỏi trong tâm thức sư. Những người bị cội âm dựa hay bị tà ma họ rất sợ sư. Đôi lúc người nào đó dự định đến thăm, sư biết mình sắp có khách và hình dung được về hình ảnh người đó. Trạng thái định tâm có nhiều năng lực khác nữa. Như một bóng đèn bỏ trên bàn, sư từ đằng xa có thể làm nó di động. Sư có thể làm tắt ngọn đèn trong nhà bằng ý tưởng của mình. Lúc bấy giờ, một vài huynh đệ chưa đủ kinh nghiệm tu học thần phục và xem sư như một bậc thầy gương mẫu. Có nhiều bổn đạo hiểu kì, tỏ lòng thành kính và rất ngưỡng mộ sư. Dần dần bà con xa gần xôn xao tìm về chỗ sư nghe pháp. Lúc ấy, sư bận bịu suốt ngày với tín đồ qua lại.

Đáng tiếc thay, năng lực của sư đó chỉ là tác dụng của sự định tâm thôi con ạ. Đó không phải là bản chất của tuệ giải thoát. Vì tuệ là khả năng chánh niệm và quán chiếu về thân và tâm xả li phiền não, tâm giải thoát tự tại. Tất cả công phu tu tập của sư lúc đó hướng về một nẻo khác. Do thiếu tỉnh giác nên bao nhiêu sự thấy biết chỉ nuôi lớn cái tôi của bản thân. Lúc đầu cái tôi đó biểu hiện yếu ớt. Về sau, chúng mạnh mẽ như dòng thác lũ che lấp tâm trí mình. Sư có cảm giác mệt mỏi vì không tìm thấy sự thanh thản như ngày đầu tu học. Nhưng sư vẫn chưa nhận ra những gì mới mẻ hơn trong vấn đề tu tập.

Hồi đó, sư chưa thông đạt kinh giáo như hôm nay, nhưng mà sư ưa sống một mình. Do đó, cánh cửa tiếp xúc kinh nghiệm với người có trí tu học bị đóng lại. Người ta bảo rằng: "Ăn cơm có canh tu hành có bạn." Điều đó nhắc nhở mình khi chưa trưởng thành thì phải biết nương vào hội chúng mà tu học thì mới an ổn. Nếu khi không biết rõ giáo lý mà tu tập thật là uổng phí năng lực. Được học chánh pháp, được gần gũi các bậc thiện tri thức trong đời đó là khó. Kinh nghiệm từ sư, tuổi trẻ như chú nên cần học tập nhiều

nữa. Hiểu rõ giáo lý sau đó tu mới có kết quả nhanh chóng. Dù thiên học hay tịnh độ cũng cần học cho rõ ràng.

Giáo lý Phật dạy là con đường của giới, định và tuệ. Con phải khéo lắng nghe và khéo vận dụng. Con từ bỏ tất cả những gì tuổi trẻ cần phải học thì nên suy nghĩ lại. Những lúc bế tắc trong vấn đề tu học thì thật đáng tiếc. Nhiều tình huống khác xảy ra sẽ làm tâm trí con luẩn quẩn trong đường tu. Trong giới luật xuất gia có dạy: “Phật quy định, người xuất gia 5 hạ về trước phải chuyên học và tinh tường về giới luật, 5 hạ về sau mới học hỏi giáo lý, tham cứu thiền học” (2) Đó là kinh nghiệm rất bổ ích con ạ.

Sư kể tiếp, trong thời buổi chiến tranh dân tình ly tán, chùa chiến vắng người qua lại. Với một nhân duyên vô cùng đặc biệt, sư trở về đời sống tại gia. Từ kinh nghiệm những chướng ngại lúc tu học của bản thân, Sư càng nghiên cứu giáo pháp Phật dạy một cách tinh tấn. Sư âm thầm thực hành thiền quán trong hình thức người cư sĩ. Sư đã nhận thức trạng thái thiền tập khá rõ ràng. Sư học giáo lý Tịnh độ một cách tường tận. Sư thường đến chỗ thanh vắng tham thiền. Khi tâm vào định và cảm nhận nhiều trạng thái khác phức tạp. Sư trở lại nhất tâm niệm Phật để vượt qua trong an tịnh. Sư không khẳng định mình chứng thiền hay đắc niệm Phật tam muội. Có điều sư nhận thấy khác trước. Từ bản chất tâm mà luận, Thiền và niệm Phật gặp nhau một điểm con ạ. Con nhớ điều này, sư không diễn tả hết được. Và sư nguyện rằng: “Trong một quá trình tu tập đời mình, nếu chưa chứng quả, sư nguyện sanh về cảnh Cực lạc.”

Chú Sa di ngạc nhiên vô cùng và hỏi rằng:

“Sư nói chuyện lạ lắm, Sao lâu nay con thấy nhiều người tu thiền ít niệm Phật. Họ chỉ cầu chứng đắc thiền, hay khai ngộ tâm tánh mà thôi?”

Sư đáp:

“Trước đây sư cũng nghĩ như vậy, nhưng quá trình quán tâm sư mới ngộ ra tầm vóc cao siêu của giáo lý tịnh độ! Nhưng con phải hiểu lý rất ráo của chữ Tâm niệm Phật trong giáo lý Tịnh độ. Tâm ấy là pháp giới, pháp giới chính là tâm, chứ không phải cái tâm thông thường. Cho nên Phật dạy: “Pháp giới là một thể, nhập vào pháp giới, gọi là nhất hạnh tam muội. Nếu có người nam, người

nữ nào muốn nhập vào pháp nhất hạnh tam muội, nên khéo nghe pháp Bát nhả ba la mật, như pháp mà tu hành, sẽ nhập vào pháp nhất hạnh tam muội. Như tâm duyên quán pháp giới, bất thối, bất hoại, không nghĩ bàn, không chướng ngại, không tướng trạng.” (3) Nhất hạnh tam muội là kết quả của niệm Phật. Tam muội là chánh định, niệm Phật là pháp môn trí tuệ: “Nếu có người niệm Phật, nên biết người này cùng với Văn Thù Sư Lợi không khác”. (4) Văn Thù là biểu trưng cho trí tuệ Phật. Chân nghĩa của giáo lý Tịnh độ là như vậy.

Phật dạy không hề hư vọng, do chúng ta chưa hiểu tường tận nên phân biệt mà thôi. Sau đó, sư niệm Phật và quán tưởng về tâm và cảnh theo tinh thần Niệm Phật Tam muội. Nhân duyên đó, sư thấy mình gần Phật A Di Đà. Vì Phật A Di Đà là Vô Lượng Thọ, là Vô Lượng Quang. Vô Lượng Thọ là siêu việt thời gian, Vô Lượng Quang là siêu việt không gian. A Di Đà cũng là pháp giới tánh vô sai biệt. Sư vận dụng giáo lý như thế mà niệm Phật con ạ. Hơn thế nữa, sư tin rằng, một vị Phật phát nguyện tiếp độ chúng sanh về cảnh giới Tây phương Cực lạc. Thế giới đó có từ bản nguyện giáo dục của Phật. Chúng sanh mọi trình độ được vắng sanh thì không còn đọa lạc lục đạo luân hồi. Đó là lý do vì sao chúng ta phát nguyện vắng sanh.

Sư nói thêm rằng, sau này con sẽ tiếp xúc giáo lý Thiền và Tịnh với nhiều quan điểm khác nhau. Nhưng con phải biết lựa chọn, tham cứu, lắng nghe và học hỏi. Phật dạy có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Nhưng phải chọn cho mình một pháp môn mà tu. Phương pháp này sư đã chiêm nghiệm hơn mấy chục năm trời. Sư thực hành với niềm tin đó và nhận thấy tiến bộ tâm linh. Sư đã phát nguyện trở lại với tư cách một vị Tăng để thực hiện cái chí nguyện đầu đời của mình. Sư sẽ sống đời xuất gia trong khoảng thời gian còn lại. Sư rất mong chia sẻ những kinh nghiệm tu học của mình cho mọi người. Con cũng nên như vậy nhé! Chuyện là như thế, mục đích sư kể ra là muốn khuyên con một điều khác nữa.

Con phải nhớ, niệm Phật là phương pháp an toàn. Con phải am tường giáo lý niệm Phật Tam muội để dụng công mới có lợi ích

lớn. Ngoài ra, phải học cho kỹ giáo lý quán niệm của Phật dạy. Như giáo lý tứ niệm xứ và các kinh nghiệm của tổ sư thiền. Con cần phải tiếp nhận tinh hoa các pháp môn để biết thêm. Sau đó dụng công tu tập với phương pháp thích hợp với lòng không nghi ngờ. Những tri thức đó là phương tiện hữu ích. Phải học pháp môn tu y từ kinh điển và các bậc thầy đi trước.

Con nên ghi nhớ, chỉ chúng ta quay lưng với Phật và Bồ tát chứ các Ngài không bỏ chúng ta. Con phải tư duy giáo lý nhân quả, thành kính với Tam bảo trong mọi lúc thăng trầm. Từ giáo pháp của Phật, con sẽ đối diện với tâm của mình. Đừng quên nỗ lực sám hối và phát nguyện cao thượng hướng về giải thoát sanh tử. Con phải biết nhận diện tâm mình thông qua sự tu học bản thân. Sư không thể nói hết và chẳng bao giờ nói hết được, con phải khắc cốt ghi tâm những điều trên.

Chú Sa di nghe xong những lời đó với thái độ trân trọng. Chú nghiệm ra lời dạy giản dị trước đây: “*Tu không học là tu mù, học không tu là đầy đưng sách*”. Đó là kinh nghiệm từ các bậc thầy muốn nhắc lại cho mọi người đang thực hành chánh pháp. Tinh thần đó rất phù hợp với những lời dạy của Phật trong kinh điển. Sư mong muốn tu tập mau chứng ngộ là yếu tố giúp chúng ta nỗ lực tinh tấn. Nhưng nếu không hiểu rõ phương pháp thực hành thì sẽ có nhiều chướng ngại. Muốn trở thành một hành giả tu tập, điều đầu tiên phải học Phật pháp. Nhận thức và thể nghiệm chân lý là nội dung của con đường thoát khổ. Con đường đó, ai muốn đi thì trước hết phải mở lòng lắng nghe giáo pháp của Phật dạy.

(Trích “*Đi tìm Phật*”, Thích Đức Trí)

Chú thích:

1. Trung bộ I, Kinh Ví Dụ Tắm Vải (số 7), HT. Thích Minh Châu dịch
2. Sa di luật nghi, Thiên giới luật môn, HT. Thích Trí Quang dịch
3. Trí Giả đại sư, Ngũ phương tiện niệm Phật môn, Thích Đức Trí dịch
4. Trí Giả đại sư, Ngũ phương tiện niệm Phật môn, Thích Đức Trí dịch

SINH HOẠT PHẬT SỰ

VỀ CHÙA TỪ ĐÀM HẢI NGOẠI ĂN GIỖ TỔ LIỄU QUÁN

Huỳnh Kim Quang

Dù nghe nói đến từ lâu, nhưng đây là lần đầu người viết đến Chùa Từ Đàm Hải Ngoại tại Thành Phố Irving, Texas, Hoa Kỳ, do Hòa Thượng Thích Tín Nghĩa khai sơn năm 1998.

Người viết cùng Pháp Hữu Tâm Quang Vĩnh Hào đến chùa từ phi trường vào khoảng 8 giờ tối Thứ Bảy, ngày 3 tháng 11 năm 2012, do một Phật tử đi đón. Từ bãi đậu xe phía sau đi vào chùa thì đã nghe chư tôn đức Giáo Phẩm Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ đang làm lễ cầu nguyện trên chánh điện cho các nạn nhân cơn bão Sandy vừa đổ bộ vào các tiểu bang miền Đông Bắc Hoa Kỳ mấy ngày trước đó gây thiệt hại vật chất lên đến mấy chục tỉ đô la, làm hàng chục người thiệt mạng, hàng triệu người bị ảnh hưởng, nặng nhất là 2 tiểu bang New York và New Jersey.

Khóa lễ cầu nguyện hoàn mãn, người viết đánh lễ và thăm hỏi Hòa Thượng Viện Chủ Từ Đàm Hải Ngoại và quý tôn đức Tăng, Ni. Được Hòa Thượng Viện Chủ và Ni Sư Trụ Trì Thích Hạnh Thanh cho ăn bữa cơm tối đầu tiên tại Chùa Từ Đàm rất ngon, đặc biệt là món bánh chưng đặc sắc có một không hai của chùa.

Từ Đàm Hải Ngoại càng về đêm càng thanh tịnh. Người viết đi dạo một vòng ra phía trước chánh điện và cổng tam quan. Thờ tiết ở đây vào ban đêm mát mẻ. Con đường trước mặt chùa không có xe cộ qua lại, nằm yên vô sự dưới những ngọn đèn lồng mờ không đủ phá hết bóng đêm dày đặc vây phủ cả bầu trời. Mấy chậu hoa và cây kiểng chạy dài từ cổng tam quan vào trước bậc thềm lên chánh điện lặng lẽ hững hờ đêm. Những cánh hoa giấy trong chậu kiểng vẫn còn cố khoe sắc

tím đỏ dưới ngọn đèn tự động bật sáng khi có bóng người đi qua. Mặt tiền chánh điện hiện ra dưới nền trời đêm thấp thoáng dáng dấp của ngôi chùa cổ mang vết tích lịch sử của Phật Giáo Việt Nam hơn nửa thế kỷ trước tại quê nhà, "Ồi, anh linh bóng Chùa Từ Đàm..." Âm ba của một bản nhạc quen thuộc nào đó bỗng hiện về trong ký ức của khách vắng lại khi tức cảnh sanh tình.

Mới chỉ là khách vắng lại đến rồi đi mà người viết cũng đã cảm được dấu ấn của ngôi chùa mang tên lịch sử này, hưởng gì nguyện ước của vị lão tăng khai sơn ra ngôi chùa này thì chắc còn

Kỳ và các quốc gia khác trên thế giới không biết lấy đâu để làm chỗ nương tựa cho đời sống tâm linh, văn hóa và đạo đức vốn là di sản tinh thần quý giá mà họ mang theo nơi xứ người.

Năm giờ rưỡi sáng, Hòa Thượng Viện Chủ đã pha trà đãi khách phương xa. Trong không khí lành lạnh của bầu trời lúc rạng đông, ngụm trà nóng làm ấm ran cả người và những câu chuyện vui đầu ngày của Hòa Thượng làm người viết quên cả sự mệt mỏi của giấc ngủ chập chờn do lạ chỗ. Nhờ hầu chuyện với Hòa Thượng Viện Chủ thời trà sáng mới có dịp chứng kiến cách cư xử bình dân,

giản dị, mộc mạc, cởi mở và hòa đồng của ngài với mọi người Phật tử đến chùa, từ các cụ già đến những em bé, gặp ai ngài cũng vui vẻ, niềm nở hỏi han, trò chuyện. Thật đúng là không khí của ngôi chùa truyền thống ở Việt Nam. Vị trú trì, vị Thầy rất gần gũi và thân thiết

với bà con làng xóm. Ngôi chùa và hình ảnh vị Thầy do vậy nằm sâu trong tâm thức và tình cảm thiêng liêng của người dân. Để chiếm được tình cảm gần gũi và thân thiết như vậy không phải là chuyện dễ. Nhờ vậy, Đạo Phật đã có thể ăn sâu vào nếp sống và văn hóa dân tộc từ hai ngàn năm nay.

Từ mấy ngày trước, như thường lệ hàng năm, Chùa Từ Đàm Hải Ngoại tổ chức khóa tu mùa thu cho đồng hương Phật tử về tu học. Đặc biệt năm nay, ngoài khóa tu còn có giỗ Tổ Liễu Quán. Chính vì thế chư tôn đức Tăng, Ni từ các nơi về tham dự rất đông như Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Thắng Hoan, Hòa Thượng Thích Phước Thuận, Hòa Thượng Thích Nguyên An, Hòa Thượng



đậm đà, tha thiết và sâu sắc chừng nào! Có lẽ bằng chính tâm trạng và nguyện lực ấy mà Hòa Thượng Viện Chủ đã bỏ bao nhiêu tâm lực, trí lực, vật lực và tài lực để xây dựng nên ngôi Tam Bảo Từ Đàm Hải Ngoại được trang nghiêm như hôm nay. Ở một đất nước vốn có truyền thống trên hai trăm năm là lãnh địa của tôn giáo và văn hóa Tây Phương bám sâu gốc rễ vào sinh hoạt của người dân như Hoa Kỳ, việc xây dựng và bảo trì một ngôi chùa Việt không những là việc làm có ý nghĩa và cần thiết mà còn là niềm tự hào và hãnh diện cho văn hóa Phật Giáo Việt Nam. Quả thật vậy, không có những ngôi Tam Bảo như thế này thì hàng triệu người Việt tị nạn sinh sống ở các tiểu bang tại Hoa

Thích Nguyên Trí, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Thượng Tọa Thích Nhứt Huệ, Thượng Tọa Thích Minh Dung, Thượng Tọa Thích Nhật Trí, Thượng Tọa Thích Hải Thông, Thượng Tọa Thích Tâm Bình, Thượng Tọa Thích Thông Lý, Ni Sư Thích Giới Châu, Sư Cô Thích Huệ Chiêu, Sư Cô Thích Thông Thành, Sư Cô Thích Nguyễn Diệu, v.v...

Trưa hôm nay Chủ Nhật, ngày 4 tháng 11 năm 2012, chính thức giỗ Tổ Liễu Quán. Trên chính điện trang nghiêm, nghi thức giỗ Tổ được tiến hành với phần tuyên đọc tiểu sử của Tổ, cảm từ của Trưởng Lão Hòa Thượng Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK Thích Thắng Hoan, và Hòa Thượng Thích Phước Thuận làm chủ lễ. Hàng trăm đồng hương Phật tử tham dự lắng lòng cùng chư tăng, ni thành tâm tưởng niệm một vị tổ sư khai sáng dòng thiền Việt Nam được truyền bá sâu rộng khắp từ miền Trung vào miền Nam vào giữa thế kỷ thứ 17. Hiện nay, dòng truyền thừa của Tổ Liễu Quán đã đến chữ Tâm, Nguyên, Quảng, Nhuận, trong bài kệ:

*Thiệt tế đại đạo
Tánh hải thanh trường
Tâm nguyên quảng nhuận
Đức bốn từ phong
Giới định phước huệ
Thể dụng viên thông
Vĩnh siêu trí quả
Mật kế thành công
Truyền trì diệu lý
Diễn xướng chánh tông
Hạnh giải tương ứng
Đạt ngộ chơn không.*

Dù là hàng con cháu của Tổ, nhưng từ mấy chục năm rời xa quê hương đến nay người viết mới có dịp dự lễ giỗ của Tổ. Ngồi tịnh tâm lắng nghe Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu tuyên đọc tiểu sử và hành trạng của Tổ mà lòng tràn đầy cảm khái trước đức độ thực chứng thâm sâu và hạnh nguyện truyền bá chánh pháp cao vời của Tổ. Quả thật, oai đức của bậc xuất trần thượng sĩ lớn lao kỳ vĩ khó nghĩ bàn. Ngài đã nhập diệt gần ba thế kỷ mà hương đạo hạnh vẫn còn xông ướp nồng nàn cho thế hệ con cháu nhiều đời.

Lễ lộc xong xuôi, Phật tử cũng về hết, chỉ còn lại nằm ba vị lo dọn dẹp ở nhà trụ, còn chư tăng, ni thì cũng chỉ tịnh trong liêu phòng. Buổi chiều cảnh chùa lại vắng vẻ. Người viết đi dạo một vòng ở sân trước để ngắm cảnh

chùa cho thật tường tận, vì tối qua chưa thấy rõ mọi thứ. Ánh nắng chiều thụ không gay gắt mà ấm áp thật dễ chịu. Những chậu hoa và cây kiểng có dịp khoe sắc dưới bầu trời xanh và nắng ấm. Tượng Đức Bồ Tát Quán Thế Âm đoan nghiêm ngự giữa hồ sen đưa mắt từ bi nhìn ra cổng tam quan để hoan hỷ thấy từng Phật tử đến chùa. Dọc theo bờ tường là mảnh đất hẹp nhưng trồng nhiều loại rau và trái cây Việt Nam như ớt, cà, rau diếp, rau húng, v.v... Dãy trúc xanh um vươn thẳng mình làm hàng rào bên tay trái từ ngoài đi vào trông có nét miền quê và thật đẹp mắt. Đứng từ cổng tam quan nhìn vào chánh điện một khoảng không gian sâu và rộng làm tăng thêm vẻ thâm u tịch mịch của chốn già lam. Đây có thể nói là một trong những ưu điểm của ngôi chùa, vì chánh điện gần cổng tam quan hay mặt đường quá thì làm cho ngôi chùa mất đi

phần nào sự thâm nghiêm, tịch mịch và sâu lắng.

Không khí bữa cơm trưa trước khi giã từ Từ Đàm Hải Ngoại về lại Cali thật là vui vẻ, thầy trò cùng nhau quây quần bên mâm cơm, có canh khổ qua dồi và món cà pháo trộn chao hiểm khi được ăn ở hải ngoại.

Đến giờ ra phi trường, Hòa Thượng Viện Chủ đích thân lái xe chở đi, lại có thêm một quãng đường và thời gian để nghe Hòa Thượng kể chuyện kinh nghiệm hoằng pháp xưa nay và những sinh hoạt Phật sự của Chùa Từ Đàm Hải Ngoại. Đường từ Chùa tới phi trường vốn đã ngắn, khoảng 10 phút lái xe, lại thêm câu chuyện thú vị trên xe làm cho đường đi càng ngắn hơn.

Về đến Cali, mở vali thấy 2 cái bánh chưng còn thơm ngát hương vị mà nhớ Từ Đàm Hải Ngoại ở Texas. Ân tình của Hòa Thượng Viện Chủ thật đậm đà.



PHẬT PHÁP TRONG ĐỜI SỐNG

Thuyền Sen Qua Chốn Bụi Hồng

*Chân Hiền Tâm***Con có chồng...**

Đó là điều mẹ không nghĩ tới, cũng không phải là điều mẹ mong muốn. Bởi cuộc sống hôn nhân không như cuộc sống độc thân. Khỏe, con làm việc và vui chơi. Mệt, con xin nghỉ, vác ba lô lên tận Bà Nà ngắm non nhìn núi. Con thoải mái và vô tư, không có gì để bận lòng.

Vậy mà...

Hai chữ nhân duyên! Một cái nhân được gieo, giờ đủ duyên này mầm sinh quả. Một cái quả, bị chi phối bởi quá khứ và sẽ được tưới tẩm trong hiện đời. Vui hay buồn, hạnh phúc hay đau khổ, cũng tự mình mà ra...

Niềm tin mang lại hạnh phúc

Mẹ lấy chồng hơn ba mươi năm. Đủ thứ mặn ngọt chua cay ở đời, không chỉ với đời mà cả với chồng. Người xưa nói, sống được với nhau nhất định có gì giống nhau, nhưng thời non trẻ, mẹ và cha hình như chẳng có thứ gì giống nhau. Mẹ lẳng mạn, ướm át. Cha thực tế, khô khan. Mẹ muốn những ngày lễ, cha tặng mẹ một thứ gì đó thơ mộng, một nhánh hoa, một quyển sách... nhưng cha thì không. Vì lễ một năm chỉ có vài lần, trong khi phải có một thứ gì đó cho mẹ khi cha về nhà, lại là thói quen muôn thuở của cha. Quà thì vô số nhưng thường thì một gói cốm, một miếng bánh mì, hay một bịch kẹo, cho phù hợp với một con người đơn giản và thực tế. Chắc cha nghĩ mẹ không thể nói yêu cha khi bụng kêu ột ột...

Suy tư cũng không như nhau. Mỗi lần có việc xảy ra, cha và mẹ nghịch nhiều hơn thuận. Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn. Nhưng thuận thì ít mà nghịch thì nhiều. Biển đông vẫn cứ mênh mông. Mẹ muốn đi cái ghế bên này, cha lại muốn bên kia. Mẹ kỷ tảo, cha thì không. Đa phần thuận, là do một ổ bánh mì, cha thích ăn đầu này, mẹ thích ăn đầu kia, nhờ đó thành thuận.

Sống như thế không thể gọi là hạnh phúc. Đó nhất định không phải là tiêu chuẩn hạnh phúc của lớp trẻ tụi con bây giờ. Nhưng ai

hỏi mẹ: "Mày lấy chồng có hạnh phúc không?" Mẹ luôn trả lời "có". Không phải mẹ muốn che giấu. Mẹ nói một cách thực lòng. Nhưng lý do, phải đến giờ này, sau ba mươi năm, mẹ mới hiểu ra. Đó là niềm tin. Mẹ thấy hạnh phúc vì cha cho mẹ niềm tin. Không phải chỉ chuyện tình cảm mà cả trong việc tiền bạc.

Cái nhân mẹ gieo trong tiền kiếp khá vuông tròn, nên dù không đẹp, không khéo, ngang tàng, dữ tợn... cha vẫn chỉ mình mẹ mà thôi. Cha không yêu ai vì bản thân cha là thế, đạo đức và trách nhiệm. Cha nghĩ đến sự an vui của gia đình hơn là những vui thú của bản thân. Cha mạnh mẽ, nên không cần tìm chỗ tránh lủ khi bão tố. Cha không phản bội, bởi tiền kiếp mẹ rất thủy chung. Còn mẹ, dù lắm thuận duyên và nhiều lẳng mạn, vẫn không có ý rời cha nửa bước. Bởi cái nết ông bà hun đúc cho mẹ ngày xưa hay từ lâu nữa, không để mẹ làm những gì chỉ vì ý thích riêng mình. Mẹ còn trách nhiệm bốn phần với cha. Mẹ còn tình thương với lũ con nhỏ. Mà tìm ở đâu một sự an tâm như ở với cha để mà thay

đổi? Một phút buông lung, ngàn năm đọa lạc.

Giáo pháp Phật Đà...

Kịp đến cái lúc quả tốt hết duyên, nhân xấu như muốn nảy mầm, giáo pháp Phật Đà xuất hiện. Xem ra duyên tốt của mẹ vẫn còn, giúp mẹ chuyển mình để mà...

Sư Hưng dạy mẹ: "*Phật nói gia đình muốn có hạnh phúc, con phải phụ chồng chăm sóc lo toan trong ngoài. Thương yêu, chung thủy và biết tôn trọng lẫn nhau...*". Phật nói giản đơn, nhưng ngầm sự đời đâu có giản đơn.

Mẹ cứ: "Chồng con giỏi giang, nói con tôn trọng không có gì khó. Nói con chung thủy con sẽ thủy chung. Giả như chồng con bắt bát, suốt ngày lang thang say xỉn rượu chè, mọi thứ lo toan mình con gánh chịu, hỏi còn tôn trọng nữa không? Con giun xéo lắm cũng quẩn, huống là con người hả Sư, tôn trọng sao được". Sư Hưng không nói gì thêm. Chỉ mẹ nửa đời nhọc nhằn để hiểu cho hết những gì mà Sư đã nói. Mềm người... gói gọn một câu: "Phải có lòng từ...". Chỉ có lòng từ, mọi thứ mới yên. Chỉ có lòng từ, mới chuyển cái nhân không tốt hiện đời, nhân duyên gặp gỡ mới đổi vuông tròn, khổ ải mới vơi.

Mẹ chẳng dạy con những thứ hơn chồng vì đó.

Mẹ thấy an lòng khi con thuận lòng vui vẻ thuận chồng. Hơn chi một chút để mà tổn đức về sau. Cukup chi một chút để mà gây đổ.

Hạn chế riêng tư để mà hòa hợp

Duyên phúc của con hiện tại phải nói đúng là phúc duyên. Khối người nhìn vào để mà mong muốn. Có người nói hôn nhân là kết quả của tình yêu, nhưng với mẹ, hôn nhân chỉ mới bắt đầu. Con đường phía sau ngắn dài chưa biết, vui buồn chưa hay... Bởi cuộc đời được đúc kết bằng những móc nhân duyên. Hoa này mầm, do cái nhân gieo từ quá khứ. Hoa nở rộ, dài lâu, không thể thiếu sự chăm sóc hiện đời. Saint Exupery nói: "*Khi*





hai người yêu nhau, họ không nhìn nhau mà cùng nhìn về một hướng". Yêu nhau thì nhìn cùng hướng, hay chính nhờ nhìn cùng một hướng mà thành yêu nhau? Về nào cũng được. Duyên khởi, cho phép ta nhìn sự việc theo cả hai chiều bổ sung.

Cùng sở thích và suy nghĩ, con và chồng không phải đối mặt quay lưng, không phải rẽ ngang rẽ dọc theo những sở thích riêng mình. "Ngôi nhà hạnh phúc" không có quá nhiều hai chữ "cố lên" để mà mệt mỏi. Điều kiện đồng nghiệp thật là quá tốt để mà hòa hợp.

Nhưng mẹ và cha, sở thích không đồng, tư duy cũng khác. Không thể ngồi chung để coi tivi nói là chuyện khác. Mẹ thích xem phim, cha thích quần vợt. Nhưng rồi cũng xong. Hiểu biết khiến ta dễ dàng hạn chế mọi thứ riêng mình. Sở thích không phải là thứ bất di bất dịch để nó buộc ràng phá hoại hạnh phúc gia đình. Cái ngày còn trẻ, cha thích đá banh, mẹ đã theo cha hàng giờ. Cái thời mới về, mẹ ghét rượu chè, thuốc lá, bi da, cha bỏ ba lần mới xong. Bây giờ thì khỏe, tất cả sở thích đều hòa trong bể Phật pháp. Mẹ cha đã có cái chung để mà hòa hợp.

Thương cả đường đi lối về Lấy chồng, không chỉ có chồng. Còn gia đình chồng.

Cha thương mẹ, mẹ ngang tàng ngung ngu bao nhiêu cha cũng ừ. Mẹ muốn đi thì đi, mẹ muốn về thì về, không ai cấm cản được. Nhưng như thế là đại. Mọi thứ vô tình hằn đó để với thương yêu. Một mối rồi, tay có lúc phải buông. Thành ra thương chồng thì phải thương luôn thân thuộc của chồng. Mình thương thì người cũng thương.

Thuận thảo hiểu hạnh không chỉ giữ cho quan hệ hiện đời tốt đẹp, mà là cái đức lớn nhất của mình, cho mình những duyên tốt đẹp về sau. Không phải bỗng dưng mà được cha chồng mẹ chồng thương yêu, không phải bỗng dưng mà làm điều gì cũng bị mẹ chồng ghét bỏ. Mọi thứ đều có nhân

duyên. Không kiếp này thì từ kiếp trước. Cái nhân đều tự trong mình. Cứ y nơi mình mà chuyển. Kiếp này chẳng may không thuận thì mình cứ thuận để mà giải quyết cái quả không tốt về sau.

Thương yêu và tôn trọng

Cuộc sống danh vọng tiền tài, ít ai suôn sẻ. Lúc thăng lúc trầm. Có người khi trầm, một kẻ bỏ đi, gia đình tan rã. Có kẻ khi thăng, một người ham vui quên mất đường về, gia đình rã tan. Mẹ mong dù thăng dù trầm con vẫn cười vui bên chồng, đỡ dần khuya sớm. Cái tình luôn cần cái nghĩa. Cái nghĩa là cái giữ tình, là đức vun trồng cho phúc nở hoa. Người vợ khi cần có thể hóa thân thành bạn, có thể hóa thân thành mẹ. Mẹ chẳng bao giờ bỏ con. Mẹ vẫn thương con dù con thế nào. Là chỗ tựa nương những phút yếu lòng... Hai chữ "tôn trọng" Sư Hưng đã nói, mẹ chợt nhận ra. Dù đúng dù sai, khuynh hướng ở đời là thiếu tôn trọng khi không vừa ý. Chỉ muốn chà đạp, vứt bỏ. Đó là cái nhân phá hoại quan hệ tình cảm rất nhiều. Nhưng xét cho cùng, vừa ý hay không duyên nghiệp cũng chính tự mình, không phải kiếp này thì từ kiếp trước. Hiểu nhân hiểu quả để mà giữ lòng. Trải rộng yêu thương để còn chuyển hóa.

Một công ty mỹ phẩm nổi tiếng, yêu cầu dân thành phố gửi những lá thư ngắn nói về người phụ nữ đẹp nhất mà họ đã biết, kèm theo bức chân dung của người phụ nữ. Trong vài tuần, công ty nhận được hàng ngàn lá thư, trong đó có một lá thư gây sự chú ý. Họ trình lên giám đốc. Cậu bé viết: "Người phụ nữ đó ở cách nhà cháu một dãy phố. Cháu đến thăm bà mỗi ngày. Bà làm cháu thấy cháu là đứa quan trọng nhất trên đời. Bà chơi với cháu và lắng nghe những gì cháu nói. Bà hiểu cháu rất rõ. Và khi cháu ra về, bà luôn nói to lên rằng bà rất hạnh diện về cháu. Bà đúng là người phụ nữ đẹp nhất trên đời. Cháu hy vọng sau này sẽ có người vợ như thế". Bị hấp dẫn bởi lá thư, vị giám đốc muốn xem ngay chân dung người phụ nữ. Một người phụ nữ cười rất tươi nhưng rằng đã không còn. Những nếp nhăn hằn sâu đường như lu mờ phần nào dưới yếm đẹp của đôi mắt trong xanh. Ông nói: "Rất tiếc là ta không thể dùng chân dung của vị này để quảng cáo. Vì bà chứng tỏ cho mọi người thấy: Để trở thành người phụ nữ đẹp,

chẳng cần đến những mỹ phẩm của công ty chúng ta".

Tác giả câu chuyện trên, cuối cùng đã kết luận: "Các bạn ạ! Sắc đẹp nào rồi cũng tàn phai theo năm tháng. Mong là chúng ta biết trau chuốt vẻ đẹp linh hồn để còn tô điểm cho đời. Hy vọng các bạn không trang điểm phần tâm linh bằng các loại mỹ phẩm mà bằng công việc bác ái, nụ cười cho tha nhân, tấm lòng rộng mở đối với người nghèo. Mong các bạn biết trân trọng vẻ đẹp thiêng liêng nơi mỗi tâm hồn. Nó sẽ tồn tại vĩnh viễn nơi chúng ta, không sợ hư nát, không sợ một loại hóa chất nào hủy hoại".

Câu chuyện đơn giản nhưng nó nói lên sức mạnh của sự tôn trọng và lòng yêu thương tha nhân cần thiết thế nào. Trang trải tình thương cho kẻ bất hạnh, cân bằng yêu thương riêng tư... là những thứ mình không thể thiếu nếu muốn hạnh phúc.

Tình giác với những nhân duyên trong đời

Khi mới yêu, mọi thứ nồng say. Cảm xúc dâng tràn khiến cho tâm hồn hưng phấn. Nhưng rồi thời gian qua đi, những thứ ban đầu không còn. Cảm xúc hưng phấn lắng dịu nhường chỗ cho sự yên ả, trách nhiệm, bổn phận...

Cuộc sống không phải khi nào cũng xuôi.

Một phút bất đồng trong khi mệt mỏi không khéo cũng thành có chuyện.

Một chút riêng tư có khi không khéo cũng khiến chia xa.

Mà duyên của mình và chồng đâu phải chỉ là với nhau. Trôi lăn vạn đời, nhân duyên theo đó rất nhiều. Gia đình đổ vỡ chỉ vì không tính khi gặp duyên mới. Cái duyên tưởng mới mà thật là cũ, ngủ ngầm đâu đó. Dù duyên sinh khởi, cảm xúc hưng phấn ban đầu tưởng đã ngủ yên, giờ bỗng trỗi dậy, mà quên đường về...

Hạnh phúc gia đình không thể có kẻ thứ ba...

Mọi cảm xúc rồi sẽ qua đi...

Chỉ những gì mang giá trị đạo đức mới còn tồn tại. Những sai lầm một khi đã phạm, có khi không trở lại được. Hồi tiếc muộn rồi. Gia đình tan vỡ. Con cái khổ đau. Cái nhân phụ bạc đã gieo, thì dù tương lai có khéo, có tài, mình cũng phải nhận cái quả phụ bạc. Muốn được thủy chung, xin đừng gieo nhân hai lòng. Không gieo cái nhân hai lòng thì không bao giờ bị quả phụ phàng khổ đau.

PHẬT PHÁP TRONG ĐỜI SỐNG

LÁ THƯ GỬI HAI NGƯỜI BẠN

Hoang Phong

Không có sự việc nào không bắt nguồn từ những điều nhỏ nhặt. Cảnh giác được với những điều nhỏ nhặt thì việc lớn mới không xảy ra. Một ánh mắt dăm ấm, một vài câu nói dí dỏm... nếu không tinh, sẽ là đầu mối của sự thay lòng. Người ta chết vì coi thường những điều nhỏ nhặt, vì cho rằng “*Chỉ vui một chút mà thôi*”. Có hiểu đâu, một chút lòng lơ đãng khổ vạn đời. Chuyện nhỏ sinh ra chuyện lớn. Chuyện lớn sinh ra chuyện lớn nữa... Cứ thế mà vương, như tấm làm kén, tự nhả tự trói buộc mình.

Gieo duyên với Tam Bảo

Lần đầu tiên, con gởi tiền cúng dường Tam Bảo - Đó là điều khiến mẹ rất vui. Gieo duyên với Tam Bảo để còn nhận sự gia trì của Tam Bảo. Trong đời, có những oan khiên mà không Tam Bảo gia trì, mình không gỡ nổi. Không phải để mong một sự ban phước xóa họa, mà để nhận được những gì mình cần phải hiểu và làm để có cuộc sống an vui.

Cuộc đời thêm lắm khổ đau chỉ vì không đủ trí tuệ định tĩnh soi thấu vấn đề để biết mà lùi hay tiến, mà nhất hay khoan ...

Có trí tuệ và định tĩnh, cũng có nghĩa là mình đang giúp thăng hoa phần “con” trong mình. Cái phần mà với đa số hiện nay, là thứ gần như quyết định hạnh phúc gia đình. Thật ra, không hẳn như vậy. Chỉ vì hiện nay, nó được đề cao khai thác quá mức cần thiết mà thành nhân tố quyết định. Tệ nạn, tội ác hiện nay cũng đều bắt nguồn từ “dục” mà ra. Cần phải thăng hóa để còn làm người...

Có niềm tin với Tam Bảo, gieo duyên với Tam Bảo, là bước đầu giúp ta cân bằng và thăng hóa phần «con» của mình và người.

Thuyền sen qua chốn bụi hồng mới không trắc trở long đong...

*Thuyền nan một chiếc còn con
Đưa ta qua bến qua bờ yêu thương*

*Hỏi em em muốn gì không
Ư ờ, em muốn thuyền con ngược dòng*

*Đưa em khỏi chốn bụi hồng
Cùng ai lên cõi sen hồng thương yêu!*

Chân Hiền Tâm

Hai bạn thân mến,

Trước hết tôi xin mạn phép được gọi hai người là những người bạn của tôi. Thiết nghĩ đã là con người thì tất cả chúng ta đều là bạn hữu với nhau, có phải thế hay chăng? Tin các bạn vừa quyết định tạm thời chia tay để sống xa nhau khiến tôi bàng hoàng và lòng buồn vô hạn. Dù chỉ là một người bạn thế nhưng tôi cũng cảm thấy đau lòng, huống chi con cái và những người thân chung quanh thì chắc là họ sẽ còn đau lòng hơn nhiều lắm!

Đã là con người tất nhiên chúng ta phải gánh chịu mọi thứ khổ đau, thế mà tại sao các bạn lại còn tự dày dạn mình thêm làm gì nữa vậy? Tự dày vò mình thì cũng chỉ khiến cho lòng mình càng thêm chua xót và cay đắng hơn, và đồng thời cũng khiến cho cuộc sống của chính mình ngày càng thêm phức tạp và nặng nề hơn. Dù vui sướng hay khổ đau, dù phải nhin nhục hay chịu đựng, hoặc may mắn hơn là được hân hoan và hạnh phúc, thì mỗi ngày trôi qua chúng ta cũng sẽ già thêm một chút, sức khỏe cũng kém đi một chút và bệnh tật rồi cũng sẽ đến. Vậy thì nay lại mang thêm đau buồn vào lòng để làm gì? Nào có ích lợi gì đâu! Đừng để đau buồn bám rễ quá sâu trong lòng mình và gây ra những ảnh hưởng quá nặng nề trong con cái.

Nếu mỗi ngày chúng ta già thêm một chút, thì mỗi ngày con cái cũng lớn lên thêm một chút, những thất vọng trong lòng chúng cũng sẽ lớn dần theo thời

gian, khiến cho chúng sẽ cảm thấy bi quan hơn trước hạnh phúc đang chờ đợi chúng. Cuộc sống trước mặt chúng cũng sẽ kém đi chút màu hồng thắm. Dù rằng các vết thương là do chính mình tự tạo ra cho mình, thế nhưng tránh sao được một vài dấu vết in đậm trong lòng con cái và cả những người thân chung quanh.

Ôm ấp lũ con vào lòng, hoặc cho chúng đồ chơi đắt tiền hay các thức ăn ngon,... thì cũng chỉ là cách tự dối gạt mình và lừa phỉnh con cái mà thôi. Không gì có thể khiến chúng quên được những đau buồn của cha mẹ. Chúng chỉ có thể hãnh diện vì tình thương và sự hy sinh của cha mẹ, nhưng sẽ không thể nào tự hào với bạn bè về những chuyện cái vả và bắt hòa giữa những người đã sinh ra chúng.

Dù rằng đôi khi chúng ta cũng cần phải nghĩ đến mình và không thể hy sinh quá nhiều cho con cái được, dù chỉ bằng các cách lừa phỉnh chúng như trên đây, thì mỗi ngày trôi qua và mỗi người trong chúng ta - các bạn và tôi và cả con cái của các bạn nữa - tất cả không sao tránh khỏi phải già thêm một chút, mất mát đi một chút, thiệt thời thêm một chút, để rồi biết đâu mỗi người trong chúng ta sẽ trở nên chai đá hơn và ít biết yêu thương hơn. Thật thế, cuộc đời ngắn ngủi lắm các bạn ạ, rồi đây tất cả chúng ta cũng sẽ ra đi. Thế nhưng thiết nghĩ chúng ta không nên nằm xuống với giận hờn, bức bối, hối tiếc và thù nghịch trong lòng.

Tất cả mọi người đều có những điểm giống nhau, thế nhưng trên căn bản cũng rất khác biệt nhau. Nếu tánh tình của tất cả mọi người đều giống nhau, để thương như nhau và phẳng lì như mặt nước ao tù, thì yêu thương và hy sinh nào còn mang một ý nghĩa nào nữa. Yêu thương, hy sinh và rộng lượng chỉ thật sự có ý nghĩa khi nào có một gợn sóng dấy lên hay một chút gì đó khác biệt mà thôi.

Tất nhiên tôi cũng có một vài điểm khác biệt so với một vài

Thiền Sư và Nhạc Sĩ

*Sắc thân chứa trong bụi cát
Đạo pháp vẫn tại nơi này
Mười phương ướp đầy hiện hữu
Chín cõi trở trong bàn tay.*

*Lời thơ nhiệm màu cao vút
Ý nhạc uyển chuyển xa bay
Nhạc-thơ cùng nhau chấp cánh
Vượt lên tâm thế trong ngoài.*

*Nhạc sĩ tiêu dao ngày tháng
Thiền sư gánh tiếp đoạ đầy
Tươi cho vườn đời chút nước
Bát công đức thủy trời Tây.*

*Gót chân vô thường đã mỗi
Nhạc sĩ nở nụ tâm hồng
Thiền sư vô ngôn lồng lộng
Ấn thành nhạc khúc Thiền tông!*

Vui kiếp phong trần

*Trong sương gió cứ vui đời lam lũ
Mỗi nụ cười đã đủ để đăng trình
Kiếp nhân sinh giờ dứt nghiệp điều linh
Cõi trần thế hiện nguyên hình hạnh phúc.*

*Cuộc sống vẫn cứ trải dài liên tục
Bước ngao du đi hết kiếp phong trần
Dấu thương đau có phủ lấp vạn lần
Ta vẫn thấy nét thiền thân tươi thắm.*

*Trong bụi cát vẫn ngàn năm diễm lệ
Không đam mê, không cầu nệ thánh phàm
Ngân tâm ấy đủ che đầy tánh thể
Phút giây này dứt sạch những cơn mê!!*

thơ

TK. THIÊN HỮU

người khác, một trong những điểm khác biệt ấy là tôi luôn biết mở rộng lòng mình để yêu thương tất cả, tôi yêu thương những người làm cha, làm mẹ, tôi yêu thương những người làm chồng, làm vợ, tôi yêu thương trẻ thơ, tôi yêu thương con người và cây cỏ. Đây là sức mạnh đã giúp tôi viết lên những dòng này cho các bạn. Tôi quả quyết rằng các bạn cũng có khả năng ấy để viết lên những dòng thật đẹp cho đời mình và cho những người chung quanh, thế nhưng chỉ vì các bạn không ý thức được sức mạnh ấy đang tàng ẩn trong lòng các bạn mà thôi.

Dù sao tôi cũng hiểu rằng các bạn đều có những điều không được vừa ý mình lắm, những chuyện bức dọc trong lòng, kể cả những hối tiếc và đau buồn. Vậy các bạn hãy thử lấy một tờ giấy và vạch một đường thẳng đứng để chia tờ giấy làm hai phần. Phần bên trái các bạn ghi ra tất cả những gì khiến mình bức dọc, oán hờn và khổ sở, và phần bên phải những gì mà các bạn biết mở rộng lòng mình để yêu thương, tha thứ và hân hoan. Sau đó các bạn thử so sánh hai phần của bản liệt kê xem bên nào nhiều hơn và sau đó thử phân tích xem các nguyên nhân nào đã gây ra

đau buồn cho mình và nhất là xem các nguyên nhân ấy có hợp lý và chính đáng hay không? Hay đây chỉ là những thứ vô nghĩa, hẹp hòi và thiên cận? Nếu nhận thấy các điều ấy không xứng đáng để mình phải đau buồn vì chúng thì cố tình nuôi dưỡng chúng trong lòng làm gì?

Sau đó các bạn lấy một cái kéo cắt tờ giấy ra làm đôi. Phần ghi chép những chuyện bức dọc và đau buồn thì gửi cho tôi, phần còn lại thì cất giữ trong lòng mình hầu nhắc nhở mình hãy biết yêu thương và tha thứ. Khi nào tôi nhận được cả hai mảnh giấy thì tôi cũng sẽ chẳng cất giữ chúng trong lòng tôi làm gì, tôi cũng chẳng đốt chúng thành tro để hòa vào một cốc nước mà uống hầu xóa bỏ tất cả, mà tôi sẽ bỏ chúng vào một phong bì và đặt lên bàn viết trước mặt tôi để mặc cho chúng tha hồ hành hạ nhau, choảng nhau tùy thích. Riêng các bạn thì chớ có đại dột để cho chúng khích động và xúi dục mình.

Nói đùa đấy thôi, vui được giây phút nào thì hãy mừng cho nhau những giây phút ấy. Đã từng gánh chịu thật nhiều cay đắng và bất hạnh trong cuộc

sống nên tôi chịu đựng cũng đã quen, vì thế các bạn cứ trút cho tôi những đau buồn của các bạn, tôi sẽ tiêu hóa chúng dễ dàng. Để đổi lại thì tôi cũng xin hiến dâng cho các bạn tất cả tình thương yêu của tôi, hạnh phúc của tôi và cả bầu không gian rộng mở trong lòng tôi để mong các bạn nhờ đó sẽ làm tan biến đi những chuyện buồn bức và xóa bỏ những bóng tối trong lòng mình. Bầu không gian đó trong tôi sẽ luôn mở rộng vào lòng các bạn, vậy hãy cứ trút bỏ vào đấy tất cả những gì khiến cho các bạn phải buồn khổ.

Một cách cụ thể hơn, các bạn nên hẹn nhau ở một nơi nào đó, một quán cà-phê chẳng hạn, để nói với nhau những gì ẩn chứa trong lòng mình một cách thành thật. Ví như nếu không còn muốn nói với nhau một lời nào nữa, thì cũng nên lặng lẽ trao cho nhau bản sao của tờ liệt kê trên đây và mỗi người hãy uống một tách cà-phê rồi về, có sao đâu! Cà-phê dù đắng thế nhưng cũng có một chút hương thơm đầy các bạn ạ.

Thân mến thăm hai bạn và nhớ gửi cho tôi hai mảnh giấy nhé.

Bures-Sur-Yvette, 21.11.12
Hoang Phong

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ, CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ 3
BAN TỔ CHỨC

Chùa Phật Đà, 4333 30th Street, San Diego, CA 92104. Tel. (619) 283-7655

THÔNG BÁO
Về Việc Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni,
Kính thưa quý đồng hương và chư Phật tử,

Trong Kinh Du Hành của Trường A Hàm, Đức Thế Tôn dạy rằng, “*Người nào biết lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp, mới là người cùng đường Như Lai.*” Bởi vì có lãnh thọ và thực hành đúng Chánh pháp mới có thể chuyển hóa tận gốc vô minh, phiền não, và khổ đau để đạt đến giác ngộ và giải thoát cho mình và người. Làm được như vậy có nghĩa là thực hành đúng bản nguyện chuyển mê khai ngộ và cứu khổ quần sinh của đức Phật, và cũng là thấp sáng ngọn đuốc Chánh pháp giữa đêm trường đại mộng để nêu cao giá trị thù thắng của Đạo Giác Ngộ.

Chính trong ý nghĩa ấy, mà từ 2 năm qua, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada đã cùng nhau tổ chức các Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ để tạo thắng duyên cho quý đồng hương Phật tử lãnh thọ và thực hành Chánh Pháp. Cho đến nay, Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ đã đi vào nề nếp sinh hoạt của cộng đồng Phật tử Việt Nam tại vùng Bắc Mỹ nhằm đáp ứng đúng nhu cầu học Phật và mang lại lợi lạc tâm linh vô giá cho hàng Phật tử tại gia.

Được sự ủy nhiệm của Đại Tăng trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Canada, Chùa Phật Đà và Tu Viện Pháp Vương, San Diego, sẽ tổ chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 năm 2013. Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 xin được gửi đến chư tôn đức Tăng, Ni và đồng hương Phật tử các thông tin và điều lệ cần biết như sau:

1/ Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 sẽ được tổ chức vào các ngày từ **Thứ Năm, ngày 8 tháng 8, đến Thứ Hai, ngày 12 tháng 8 năm 2013**, tại **Khách Sạn Town and Country Resort Hotel**, 500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108.

3/ Mỗi Phật Tử tham dự xin hoan hỷ góp phần cùng với Ban Tổ Chức chi phí khách sạn 300 Mỹ Kim cho trọn 4 ngày Khóa Tu Học. Nếu gia đình cùng tham dự thì người thứ nhất đóng 300 Mỹ kim, những người sau xin đóng 200 Mỹ kim cho một người. Nếu có trẻ em tham gia thì xin đóng 150 Mỹ kim cho mỗi em. Ngân phiếu xin ghi “CHÙA PH T ĐÀ” và ở phần Memo: Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3, và gửi về Chùa Phật Đà theo địa chỉ ở trên. Ban Tổ Chức đài thọ việc ăn uống suốt Khóa Tu Học.

4/ Ban Tổ Chức có các lớp học Phật Pháp đặc biệt hướng dẫn bằng tiếng Anh dành cho trẻ em và cho các Phật tử không thông thạo tiếng Việt.

5/ Chư Tăng, Ni tham dự miễn phí và xin ghi danh trước để Ban Tổ Chức tiện việc sắp xếp.

6/ Ban Tổ Chức chỉ nhận người ghi danh tham dự nội trú trọn 4 ngày Khóa Tu Học, không nhận người ghi danh tham dự ở ngoại trú.

7/ Để tiện việc đưa đón, quý tham dự viên ở xa xin mua vé máy bay về phi trường San Diego, và lấy chuyến bay đến Phi Trường San Diego trễ nhất là lúc 3 giờ chiều Thứ Năm, ngày 8 tháng 8 năm 2013. Hoặc từ vùng Los Angeles, Quận Cam có thể đi xe Amtrack xuống nhà ga San Diego.

8/ Ban Tổ Chức nhận đơn ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 bắt đầu từ ngày ra Thông Báo này. Xin chư vị điền đơn Ghi Danh tham dự và Hồi Báo nhờ đưa đón phi trường, nhà ga và gửi về Ban Tổ Chức theo địa chỉ Chùa Phật Đà ở trên. Hạn chót nhận đơn ghi danh tham dự Khóa Tu Học là ngày 08 tháng 7 năm 2013. Hạn chót nhận Hồi Báo là ngày 05 tháng 8 năm 2013.

9/ Thời tiết tại San Diego vào những ngày Khóa Tu Học là trong mùa hè nóng cho nên, quý tham dự viên tùy nghi để đem theo áo quần tùy thân cho thích hợp.

10/ Sau khi mãn Khóa Tu Học, nếu quý Phật tử nào muốn hành hương các chùa và tham quan phong cảnh vùng San Diego thì xin liên lạc với Ban Tổ Chức trước để tiện việc sắp xếp.

11/ Mọi thông tin về Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3 xin liên lạc về Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Trưởng Ban Tổ Chức ở số điện thoại: 619-283-7655.

Vi lợi lạc của việc thọ lãnh và thực hành Chánh Pháp trong đời sống hàng ngày, mong quý đồng hương Phật tử hoan hỷ ghi danh tham dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3.

Nguyện cầu chư Phật gia bị chư tôn đức Tăng, Ni pháp thể khinh an, chúng sinh dị độ và Phật sự thành tựu; đồng kính chúc quý đồng hương Phật tử thân tâm an lạc, bỏ để tâm kiên cố.

Thành kính Thông Báo,
Chùa Phật Đà, San Diego, ngày 25 tháng 11 năm 2012
Ban Tổ Chức Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ 3
Trưởng Ban,

Tỳ Kheo Thích Nguyên Siêu

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

MÙA THU... RƠI

Biện thị Thanh Liêm

Khi những ngọn nắng dịu lại phía sau dãy đồi xa vùng tây bắc San Jose thì thành phố của hoa vàng này lại thấp thoáng chìm trong màu xám của trời thu lãng đãng.

Sang thu... có chút mưa ngập ngừng trên lá. Có chút gió như hơi thở của thu... đủ se lạnh lòng người.

Những đám mây thật thấp... rơi từ bầu trời cao "Núi xanh nguyên chẳng động / Mây trắng bay". Mây không trắng nhưng núi thì xanh trên bầu trời thẳm của thu. Mây vẫn bay đời mây... như mong sẽ khóa lấp những khoảng đời nhiều buồn đau phiền trước. Gió vẫn theo đời gió... bay cuốn muôn phương những mong đổi thay thế sự. Chỉ có núi. Vẫn sống đời mình ... Lặng lẽ giữa bao la.

Những chiếc lá vàng trên phần cây vẫn còn xanh tàn mạn... Lại cũng có những chiếc lá maple màu nâu thẫm năm cánh đóng đưa trong sắc thu phong chớm lạnh.

Thu có lá rơi. Mưa thu rơi ngắn, ngập ngừng. Lạnh, cũng bắt đầu... rơi. Vừa đủ cho trí nhớ chấp chùng... rơi, ... gọi lại những lãng quên trong quá khứ lâu xưa. Những giấc mơ mùa thu. Ngắn, nhưng bồi hồi... sâu lắng.

Những chiếc lá rơi trong mùa thu. Tôi và Phượng. Có cùng giấc mơ, như nhau... về ngôi chùa cổ trên ngọn đồi xa thành phố. Cũng vào mùa thu, về chùa. Mùa Xuân thì bận, mùa hè thì chơi nhà cùng con cái, thu thì mọi chuyện đã ổn, sang đông thì sắp sửa mọi điều. Chỉ có thu là rơi trong nhàn nhã. Chị và tôi gặp nhau. Cái duyên mùa thu, với lá và sân chùa.

Về chùa thầy sai quét lá. Thầy ơi, lá đã quét sạch rồi. Thầy cho con quét lá để dạy bài học "quán tâm", tưởng như sạch nhưng trong góc ngách vẫn còn đây đây những mớ lá ẩn tàng khuất dấu.

Tông môn mình tu theo lối "dĩ nông vi thiền", cánh mày huynh thì cho làm ruộng, nhờ có lúa bên An Phú Đông để quán triệt tâm thân qua việc mình làm. Như cỏ, phải nhổ hoài cho mảnh

đất tâm rộng sạch thanh thang. Như lúa, phải canh giữ sàng sảy cho thành ra gạo trắng. Những điều vi tế thâm sâu và thô thiển phơi trần... phải thăm dò bản tâm như canh chừng tên giặc. "Vọng tâm" như tên giặc, "chân tâm" như ông chủ, thầy cười "vọng" hay "chân" cũng ở tự nơi mình. "Hà kỳ tự tánh bốn tư thanh tịnh/ Hà kỳ tự tánh bốn sanh vạn pháp" vậy thôi.

Rồi qua Mỹ chị ở Waco hẻo lánh. Chị than, mình đã... rơi vào vùng biên địa xa chùa xa chúng nên lắm lúc cũng khó cho việc huân tu.

Rồi chị sang thăm tôi... tình cờ cũng rơi trong thu lạnh. Nhắm mùa Kathryn lễ trọng của truyền thống Nguyên Thủy có tục "Dâng y" cho từ kheo mẫn hạ. Tôi đưa chị đến Tathagata thiền viện. Minh hành, khi đã quyết tâm chớ nên để lòng phân biệt, khi thuận cảnh thì nên gieo duyên lành để tâm như đất để khởi sanh phước báu nhằm trưởng dưỡng thiện căn. "Nguyên Thủy" như cây cần có rễ, "Đại thừa" như cành lá xum xuê. Thân cây mà không hoa sắc thì thân sẽ héo hon. Cây không nguồn rễ thì sức sống cũng tàn rụi theo hư không...

Tôi và chị, người con gái có cái tên thật lạ, Nguyễn Kỳ Minh Phượng đã một thời là huynh đệ cùng một tông môn. Có chung giấc mơ về ngôi cổ tự. Hãy quán mình là nước thì sá chi những đợt sóng lẫn tăn khi gió rơi trên mặt nước? Gió động thì duyên sinh, tâm chẳng động thì gió như ngừng sinh khởi lấy đâu làm chỗ tựa nương? Bài học chỉ bấy nhiêu cho một đời hành đạo. Giờ mỗi đứa một nơi nhưng vẫn không quên bài thơ năm cũ:

"Phượng hoàng đậu nhánh cheo leo

Sa cơ thất thế phải theo đàn gà

Chờ cho mưa thuận gió hòa

Thay lông đổi cánh hoá ra phượng hoàng".

Tôi và Phượng. Gặp nhau cứ mùa thu. Hai người đàn bà có chung một giấc mơ về ngôi cổ tự. Sau giờ ngộ trốn ra sau trai đường ngồi đọc Bát Nhã Tâm Kinh nhìn lá rơi trên cây cổ thụ.... "khi Bồ Tát Quán Tự Tại hành sâu Bát Nhã Ba La Mật Đa, ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua hết thấy khổ ách..." Những chiếc lá... cũng cùng một thân cây cành nhánh nhưng rơi rụng khác nhau như nghiệp lực chúng sinh đã trót mang trong cõi phù đề.

Giấc mơ về lá. Về cỏ. Về đám hoa đại trước lối vào ngôi chùa cổ. Trong mơ, hồn như đi theo lối cỏ non và trong thu... nghe chừng có tiếng rơi của đám hoa đại trước cổng chùa....

Bài viết trong hạ tuần tháng Mười.



PHẬT HỌC

HỎI HAY ĐÁP ĐÚNG

Nguyên tác Anh ngữ “Good Question, Good Answer” của **Ven. Shravasti Dhammika**
Thích Nguyên Tạng dịch

(tiếp theo kỳ trước)

CHƯƠNG 2**Khái niệm căn bản của Đạo Phật****Lời dạy chính yếu của Đức Phật là gì?**

Tất cả lời dạy chính yếu của Đức Phật tập trung vào giáo lý Tứ Diệu Đế, như một bánh xe nối các cãm, niền và trục. Được gọi là "Tứ" vì tất cả có bốn điều. Gọi là "Diệu" vì người ta biết ngay đến sự quý báu và gọi là "Đế" vì phù hợp với hiện thực và chân thật.

Chân lý thứ nhất là gì?

Chân lý thứ nhất đề cập đến đời sống là khổ. Sống bạn phải đau khổ. Không thể nào sống mà thiếu kinh nghiệm về khổ. Chúng ta phải chịu đựng cái khổ về thể xác như bệnh hoạn, mỗi mết, chấn thương, già yếu và cuối cùng là chết. Chúng ta lại chịu đựng cái đau đớn về tâm lý như cô đơn, thất vọng, sợ hãi, chán nản, giận dữ, diên tiết...

Điều ấy có bi quan không?

Từ điển định nghĩa chữ bi quan là "có thói quen suy nghĩ về bất cứ việc gì xảy ra đều là xấu", hay "tin tưởng rằng cái xấu lúc nào cũng mạnh hơn cái tốt". Phật giáo không truyền dạy hai tư tưởng đó và cũng không bác bỏ sự hiện hữu của hạnh phúc. Một cách đơn giản Phật giáo cho rằng sống là phải trải qua khổ đau về thể xác và tâm lý và lời tuyên bố này rõ ràng không thể chối cãi được. Trung tâm điểm của hầu hết các tôn giáo là hoang đường, một truyền thuyết hay một niềm tin khó có thể minh chứng được. Phật giáo bắt đầu bằng kinh nghiệm trên các sự kiện không thể phủ nhận, được mọi người cùng biết và tất cả mọi người đều có chứng nghiệm, từng trải ấy phải cố gắng phấn đấu để vượt qua. Như vậy, Phật giáo đích thực là một tôn giáo phổ quát cho mọi người, bởi vì Phật giáo đã nhắm đúng vào mối quan tâm của mỗi cá nhân con người, khổ đau và làm sao để loại bỏ.

Chân lý thứ hai là gì?

Chân lý thứ hai là tất cả khổ mọi đau đều có nguyên nhân của ái dục. Khi chúng ta quan sát về khổ đau của tâm lý, chúng ta sẽ dễ dàng nhận ra nguyên nhân của ái dục tạo ra. Khi ta muốn một điều gì đó mà ta không được toại nguyện thì ta cảm thấy thất vọng. Khi ta mong muốn một ai đó sống theo sự mong đợi của ta, nhưng họ không làm được, ta cảm thấy chán nản và thất vọng. Khi ta muốn mọi người giống mình mà họ lại không thì ta cảm thấy bị tổn



thương. Thậm chí khi ta muốn một cái gì đó và có thể đạt được, nhưng nó cũng không luôn mang lại hạnh phúc vì không lâu sau đó chúng ta cảm thấy chán ngán, mất đi sự thích thú với nó và bắt đầu ham muốn cái khác. Nói chung, chân lý thứ hai đề cập đến những gì bạn muốn không đảm bảo được hạnh phúc. Thay vì liên tục nỗ lực để đạt được những gì mình mong muốn, tốt nhất bạn nên cố gắng làm giảm bớt lòng ham muốn của bạn. Ham muốn ấy đã tước mất đi niềm an lạc và hạnh phúc của chúng ta.

Nhưng làm thế nào sự mong muốn và tham ái lại có thể đưa đến khổ đau**về thể xác?**

Trong đời người ta luôn muốn cái này, ham thích cái nọ và đặc biệt cái khát vọng liên tục đã tạo ra một hấp lực mạnh mẽ để rồi cuối cùng dẫn đến việc tái sinh. Khi chúng ta đã đầu thai thì chúng ta có thân thể và như đã nói ở trên, thân thể này dễ bị chấn thương, bệnh hoạn, già yếu và tử vong. Như vậy ái dục đã dẫn đến sự khổ đau về thể xác, vì nó là nguyên nhân chính dẫn dắt ta vào trong vòng luân hồi.

Điều đó rất hay, nhưng nếu ta gạt bỏ sự ham muốn thì chúng ta sẽ không bao giờ đạt được cái gì cả?

Đúng vậy, tuy nhiên Đức Phật muốn nói rằng khi sự ham muốn và tham ái, không thoả mãn những gì ta có và sự tham muốn không ngừng đó sẽ liên tục tạo ra nguyên nhân khổ đau. Do đó, ta nên loại bỏ sự tham muốn. Đức Phật khuyên chúng ta nên phân biệt rõ ràng giữa cái chúng ta cần và cái chúng ta thèm khát và hãy cố gắng giảm bớt sự ham muốn. Đức Phật dạy rằng nhu cầu của chúng ta có thể hoàn thiện nhưng lòng ham muốn của chúng ta thì vô cùng tận - như hố sâu không đáy. Có nhiều nhu cầu chính đáng, cơ bản, ta có thể đạt được và điều này khiến ta hướng tới. Vượt qua sự tham muốn bằng cách giảm đi lòng ham muốn ấy. Cuối cùng, mục đích của cuộc sống là gì? Hãy hài lòng và hạnh phúc với những mình có.

Bạn có nói đến vấn đề tái sinh, nhưng có bằng chứng nào về việc này không?

Tất nhiên là có rất nhiều bằng chứng về điều này, nhưng chúng ta sẽ trở lại vấn đề này chỉ tiết ở chương sau.

Chân lý thứ ba là gì?

Chân lý thứ ba nói về khổ đau có thể bị loại bỏ

và đạt được hạnh phúc. Đây là điểm tối quan trọng trong Bốn Chân lý này, vì trong đó Đức Phật đã quả quyết rằng sự thỏa mãn và hạnh phúc thật sự sẽ có thể đạt được. Một khi chúng ta từ bỏ những ham muốn vô ích và học cách sống mới mỗi ngày một giờ, thường thức những kinh nghiệm cuộc sống đã cống hiến cho ta mà không bị những nhục dục quấy nhiễu và phá rối. Chúng ta kham nhẫn trước những rắc rối của cuộc đời mà không sợ hãi, sân hận, thù hận, vì thế chúng ta được hạnh phúc và tự do. Như vậy và chỉ như vậy chúng ta mới sống trọn vẹn. Vì chúng ta không còn bị ám ảnh bởi việc thỏa mãn những ham muốn ích kỷ của riêng mình, nên chúng ta sẽ có nhiều thời gian để giúp đỡ người khác với những nhu cầu bức thiết của họ. Trạng thái này gọi là Niết bàn. Chúng ta cũng không còn khổ đau về tâm lý. Đây là Niết bàn tối hậu.

Niết bàn là gì và ở đâu?

Đây là một chiều kích vượt thời gian và không gian nên khó có thể luận bàn hay cả đến suy tưởng. Những danh từ và tư tưởng chỉ thích hợp để mô tả chiều kích của thời gian và không gian. Nhưng vì Niết bàn vượt thời gian, không chuyển vận và vì thế không già hoặc không chết. Vì thế Niết bàn là bất diệt. Vì vượt không gian nên không có sự tạo tác, không có ranh giới, không có khái niệm của ngã và vô ngã và do đó Niết bàn là vô hạn. Đức Phật cũng quả quyết cho chúng ta biết rằng Niết bàn là kinh nghiệm của một niềm hạnh phúc cao cả. Ngài tuyên bố:

"Niết bàn là hạnh phúc tối thượng" (Kinh Pháp Cú 204)

Nhưng có chứng cứ gì cho tầm mức hiện hữu đó chăng?

Không, không có. Tuy nhiên sự hiện hữu của Niết bàn có thể suy luận ra được. Nếu có sự đo lường được về sự vận hành của thời gian và không gian thì đó mới chính thật là sự đo lường. Thế gian mà chúng ta đang sống trong đó - ắt hẳn ta ta có thể suy lường có một tầm mức mà không có thời gian và không gian vận hành - Niết bàn. Một lần nữa, dù chúng ta không thể chứng minh Niết bàn là hiện hữu, nhưng ta có lời Đức Phật dạy Niết bàn hiện hữu.

Phật dạy: "Có vô sinh, vô hữu, vô tác, bất hòa hợp. Nếu nói không như vậy thì cái vô sinh, vô hữu, vô tác, bất hòa hợp này cũng không thể tạo thành bất cứ hành động nào từ cái gì được sanh, trở thành. Nhưng bởi có vô sinh, vô hữu, vô tác, bất hòa hợp cho nên được làm ra để biết cái gì sinh ra, trở thành và hòa hợp". (Ud 80)

Chúng ta sẽ biết được Niết bàn chỉ khi nào chúng ta thực hành và đạt được nó.

Chân lý thứ tư là gì?

Chân lý thứ tư là con đường đưa tới sự chấm dứt khổ đau. Con đường này gọi là Bát Chánh Đạo, bao gồm: kiến thức chân chánh, suy nghĩ chân chánh, lời nói chân chánh, hành động chân chánh, mạng sống chân chánh, siêng năng chân chánh, nhớ nghĩ chân chánh và tu tập thiền định chân chánh. Người Phật tử thực hành theo tám pháp này thì sẽ thành tựu được phúc lạc một cách viên mãn. Bạn sẽ thấy mỗi bước trong Bát chánh đạo này bao hàm mọi lĩnh vực trong cuộc sống: tri thức, đạo đức, xã hội, kinh tế, tâm lý và do đó nó tiềm tàng mọi nhu cầu mà con người cần hướng đến một cuộc sống yên bình hạnh phúc và thăng hoa đời sống tâm linh.

(còn tiếp)

LESSONS IN DHARMA

GOOD QUESTION, GOOD ANSWER

by *Ven. Shravasti Dhammika*

CHAPTER 2

What are the main teachings of the Buddha?

All of the many teachings of the Buddha centre on the Four Noble Truths, just as the rim and spokes of a wheel centres on the hub. They are called 'Four' because there are four of them. They are called 'Noble' because they ennobles one who understands them and they are called 'Truths' because, corresponding with reality, they are true.

What is the First Noble Truth?

The First Noble Truth is that life is suffering. To live, you must suffer. It is impossible to live without experiencing some kind of suffering. We have to endure physical suffering like sickness, injury, tiredness, old age and eventually death and we have to endure psychological suffering like loneliness, frustrations, fear, embarrassment, disappointment, anger, etc.

Isn't this a bit pessimistic?

The dictionary defines pessimism as 'the habit of thinking that whatever will happen will be bad,' or 'The belief that evil is more powerful than good.' Buddhism teaches neither of these ideas. Nor does it deny that happiness exists. It simply says that to live is to experience physical and psychological suffering which is a statement that is so obvious that it cannot be denied. The central concept of most religions is a myth, a legend or a belief that is difficult or impossible to verify. Buddhism starts with an experience, an irrefutable fact, a thing that all know, that all have experienced and that all are striving to overcome. Thus Buddhism is truly a universal religion because it goes right to the core of every individual human being's concern with suffering and how to avoid it.

What is the Second Noble Truth?

The Second Noble Truth is that all suffering is caused by craving. When we look at psychological suffering, it is easy to see how it is caused by craving. When we want something but are unable to get it, we feel frustrated. When we expect someone to live up to our expectation and they do not, we feel let down and disappointed. When we want others to like us and they don't, we feel hurt. Even when we want something and are able to get it, this does not often lead to happiness either because it is not long before we feel bored with that thing, lose interest in it and commence to want something else.

Put simply, the Second Noble Truth says that getting what you want does not guarantee happiness.

ness. Rather than constantly struggling to get what you want, try to modify your wanting. Wanting deprives us of contentment and happiness.

But how does wanting and craving lead to physical suffering?

A lifetime wanting and craving for this and that and especially the craving to continue to exist creates a powerful energy that causes the individual to be reborn. When we are reborn, we have a body and, as we said before, the body is susceptible to injury and disease; it can be exhausted by work; it ages and eventually dies. Thus, craving leads to physical suffering because it causes us to be reborn.

If we stop wanting altogether, we would never achieve anything.

True. But what the Buddha says is that when our desires, our craving, our constant discontent with what we have and our continual longing for more and more does cause us suffering, then we should stop doing it. He asks us to make a difference between what we need and what we want and to strive for our needs and modify our wants. He tells us that our needs can be fulfilled but that our wants are endless - a bottomless pit. There are needs that are essential, fundamental and can be obtained and this we should work towards. Desires beyond this should be gradually lessened. After all, what is the purpose of life? To get or be content and happy.

You have talked about rebirth, but is there any proof that such a thing happens?

There is many evidences that such a thing happens, but we will look at this in more detailed later on.

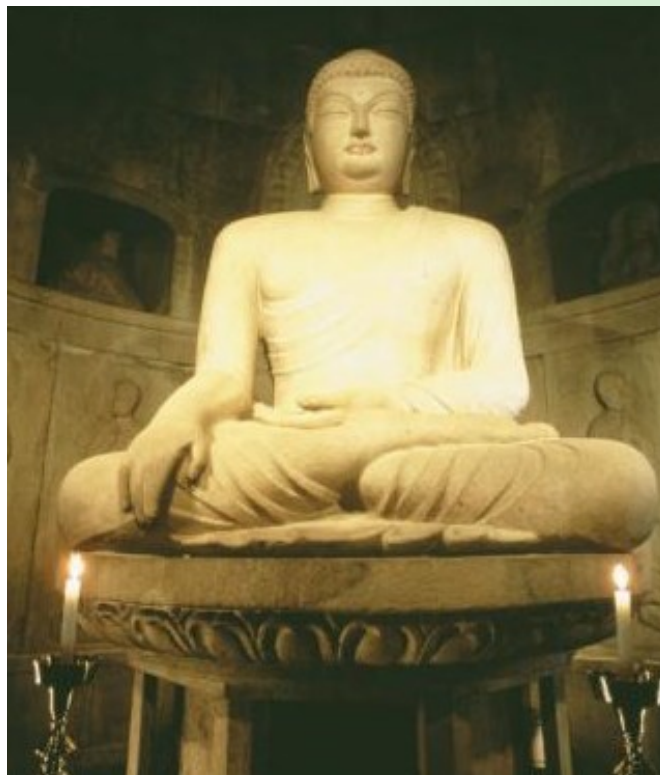
What is the Third Noble Truth?

The Third Noble Truth is that suffering can be overcome and happiness attained. This is perhaps the most important of the Four Noble Truths because in it the Buddha reassures us that true happiness and contentment are possible. When we give up useless craving and learn to live each day at a time, enjoying without restlessly wanting the experiences that life offers us, patiently enduring the problems that life involves, without fear, hatred and anger, then we become happy and free. Then, and then only, do we begin to live fully. Because we are no longer obsessed with satisfying our own selfish wants, we find that we have so much time to help others fulfil their needs. This state is called Nirvana. We are free from psychological suffering as well. This is called Final Nirvana.

What or where is Nirvana?

It is a dimension transcending time and space and thus is difficult to talk about or even think about. Words and thoughts being only suited to describe the time-space dimension. But because Nirvana is beyond time, there is no movement and so no aging or dying. Thus Nirvana is eternal because it is beyond space, there is no causation, no boundary, no concept of self and not-self and thus Nirvana is infinite. The Buddha also assures us that Nirvana is an experience of great happiness. He says:

Nirvana is the highest happiness.
(Dhammapada 204)



But is there proof that such a dimension exist?

No, there is not. But its existence can be inferred. If there is a dimension where time and space do operate and there is such a dimension - the world we experience, then we can infer that there is a dimension where time and space do not operate - Nirvana. Again, even though we cannot prove Nirvana exists, we have the Buddha's word that it does exist. He tells us:

"There is an unborn, a not-become, a not-made, a not-compounded. If there were not, this unborn, not-made, not-compounded, there could not be made any escape from what is born, become, made, and compounded. Therefore is there made known an escape from what is born, made, and compounded." (Ud 80)

We will know it when we attain it. Until that time, we can practise.

What is the Fourth Noble Truth?

The Fourth Noble Truth is the Path leading to the overcoming of suffering. This path is called the Noble Eightfold Path and consists of Perfect Understanding, Perfect Thought, Perfect Speech, Perfect Action, Perfect Livelihood, Perfect Effort, Perfect Mindfulness, and Perfect Concentration. Buddhist practice consist of practising these eight things until they become more complete. You will notice that the steps on the Noble Eightfold Path cover every aspect of life: the intellectual, the ethical and economic and the psychological and therefore contains everything a person needs to lead a good life and to develop spiritually.

(to be continued...)

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

BƯỚC CHÂN ĐẠI SỸ

Huệ Trân

Thời gian là cái gì thật mầu nhiệm, không hình không tướng, tưởng như nó đứng dừng, lạnh lùng trước muôn sự, nhưng lại thầm lặng ân cần cất giữ những gì đã đi qua, rồi tùy đối tượng mà hoài niệm.

Không ai nắm bắt lại được những tờ lịch đã rơi, nhưng bước chân của bao bậc hiền nhân quân tử đều như còn in hằn trong không gian khi thời điểm luân lưu trở lại theo vận hành của trời đất.

Trong không khí se lạnh của thời tiết giao mùa những ngày cuối năm, tôi thường bồi hồi rung động về một dấu mốc lịch sử. Đó là ngày 26 tháng 12, ngày hủy kỵ vua Duy Tân, vị vua trẻ dũng cảm phi thường đã quyết tâm bảo vệ giá trị dân tộc, can đảm hậu thuẫn những phần tử yêu nước tranh đấu, trước sự đô hộ của ngoại xâm.

Mỗi năm, đến thời điểm này, khi thành kính thắp nến hương trầm bái vọng về tiền nhân, tôi đều thấy rõ nét hơn, là nếu không thấm nhuần phần nào, căn bản giáo lý của Đạo Phật thì vị vua trẻ khó có thể vượt qua những thử thách nghiệt ngã trong khúc quanh lịch sử, khi tuổi đời chưa quá hai mươi!

Hôm nay, tôi muốn viết lại câu chuyện này, thay món quà tặng các bạn trẻ, trước cánh cửa một năm mới đang rộng mở.

Vào một ngày mùa hạ, khoảng trung tuần tháng 7 năm 1907, các cung điện trong Đại Nội bỗng diễn ra một cảnh náo loạn. Các thị vệ, quan quân, cung tần mỹ nữ đều được huy động để tìm một vị Hoàng Tử nhỏ. Thôi thì, người chạy ngược, kẻ chạy xuôi, người la kẻ gọi. Súc vật trong cung thấy lạ cũng góp tiếng, đủ cả ngựa hí, chó sủa, mèo kêu, gà gáy....

Tại Chánh điện không khí lại khác hẳn. Phía bên trái là phái đoàn Pháp gồm viên Toàn quyền Đông Dương, viên khâm sứ Trung Kỳ và các viên chức cao cấp khác, ai cũng lộ vẻ hậm hực, bức tức. Phía bên phải là các quan đại thần Việt Nam mặc triều phục, đội mũ cánh chuồn, nét mặt thấp thòm bồn chồn, lo lắng... Kế đó là những vị Hoàng Tử nhỏ được mặc quần chần xanh, đi hài tím và áo khoác màu vàng nhạt. Các vị Hoàng Tử, nhỏ nhất là ba tuổi và lớn nhất không quá mười tuổi, rụt rè đứng nép vào các quan. Có vị đã thút thít khóc...

Chuyện gì xảy ra thế?

Đó là cảnh phái

đoàn Pháp vào triều đình Huế, bắt tập hợp tất cả các vị Hoàng Tử nhỏ để chọn người kế vị vua Thành Thái vừa bị buộc phải thoái vị. Sau khi các Hoàng Tử trình diện, kiểm điểm lại thì còn thiếu một vị. Đó là Hoàng Tử Vĩnh-San, 8 tuổi, con thứ năm của vua Thành Thái.

Sau hơn một tiếng đồng hồ chờ đợi, khi sự kiên nhẫn của phái đoàn Pháp sắp bùng nổ thì quan Ngự Sử tất tả chạy vào, mũ áo xốc xếch như vừa trải qua một trận chiến. Trận chiến đó, tuy không long trời lở đất nhưng chắc cũng vất vả không ít vì kẻ bị bắt - vị Hoàng Tử tí hon - tuy đã bị lôi xềnh xệch ra tới sân đình nhưng vẫn không ngừng la hét, không ngừng múa máy tay chân để phản đối quan Ngự Sử đã ngang nhiên cho lính lệ vào phòng làm huyên náo, khiến cho hai con đề cưng của Hoàng Tử đang đầu võ, sợ quá, nhảy tuốt vào gầm giường. Hoàng Tử chui vào theo thì bị hai tên lính lệ kéo chân ra. Rồi thì, đứa xốc nách, đứa nắm tay và Hoàng Tử đã bị đưa ra trình diện triều thần và phái đoàn Đông Dương trong hình ảnh một chú bé ngổ nghịch, tóc tai bờm xờm, áo quần nhàu nát.

Hoàng Tử nghe các quan xin lỗi phái đoàn Pháp khi đã trình diện Hoàng Tử trong tình trạng không được chỉnh tề như thế này, vì Hoàng Tử sợ... bị chọn làm vua nên đã trốn dưới gầm giường! Khi tìm được, các quan đành mang thẳng Hoàng Tử ra đây vì mọi người chờ đợi đã quá lâu rồi!

Nghe thế, Hoàng Tử Vĩnh-San bỗng ngưng la hét, vung vẩy. Tuy mới tám tuổi, Hoàng Tử cũng cảm nhận được rằng các quan đang nói dối với phái đoàn Pháp, tuy không biết tại sao phải nói dối như thế! Riêng phái đoàn Pháp, khi nghe quan Ngự Sử nói là Hoàng Tử Vĩnh-San đi trốn vì sợ bị bắt làm vua thì họ nhìn nhau mỉm cười. Họ biết rằng họ đã chọn được người lên ngôi, không cần phải duyệt xét lại tất cả các Hoàng Tử đang trình diện. Đối với họ, một cậu bé nhất gan, chạy trốn, sẽ là vị vua An Nam lý tưởng để họ dễ sai bảo. Và họ quyết định nhanh chóng.

Hoàng Tử Vĩnh-San được chọn để chuẩn bị làm lễ đăng quang, niên hiệu là Duy Tân.

Đó là một quyết định sai lầm của chính phủ Pháp và cũng là định mệnh khốc liệt của vị Hoàng Tử tám tuổi nhưng tự ái dân tộc và tình yêu Tổ quốc, đồng bào đã chan hòa trong trái tim bé nhỏ...

Lễ đăng quang được tổ chức vô cùng trang nghiêm, trọng thể. Tại sân điện Thái Hòa. Các quan

mặc triều phục, tề tựu đông đủ. Phái đoàn Pháp thì có một toán lính bông súng đứng bên để bảo vệ an ninh. Ngoài ngọ môn thì có voi, ngựa, được mặc đai kết chỉ ngũ sắc, bên cạnh có lính lệ che lọng đứng hầu. Khi 21 phát súng lệnh báo hiệu lễ đăng quang bắt đầu thì Hoàng Tử bước xuống khỏi ngai. Ngài mặc áo long bào, đầu đội mũ cửu long, lưng đeo đai ngọc, sắc mặt trang nghiêm chững chạc. Viên Toàn Quyền



Vua Duy Tân cùng bá quan văn võ, 1907.

Đông Dương đọc bài chúc từ dài hơn một tiếng đồng hồ mà vị Hoàng Tử tí hon vẫn đứng yên lặng lắng nghe từ đầu đến cuối, làm ngạc nhiên tất cả mọi người hiện diện. Chưa hết, khi viên Toàn Quyền dứt lời, trở về chỗ ngồi cạnh ngài vàng thì vua Duy Tân nghiêng đầu qua, hỏi nhỏ bằng tiếng Pháp, giọng châm biếm “*Đọc diễn văn dài thế, Ngài không mệt sao?*” Suốt buổi lễ đăng quang, phái đoàn Pháp không hề nhìn thấy ở vị vua tí hon, hình ảnh cậu bé khờ khạo, nhút nhát như họ mong muốn!

Quả đúng như vậy! Khi người Pháp chọn Hoàng Tử Vĩnh-San lên ngôi, họ không ngờ đã để lại bộ Việt sử của chúng ta những trang sử vàng son đầy hãnh diện về một vị vua trẻ tuổi bất khuất, can trường.

Lên ngôi khi tám tuổi đã đối đáp lưu loát với người Pháp, năm mười ba tuổi, Ngài đã tự tay thảo lá thư trách cứ chính phủ Pháp không thi hành đúng đắn hòa ước 1884. Rồi chỉ hai năm sau đó, vị vua trẻ đầy lòng yêu nước thương dân đã can đảm liên lạc với các nhà cách mạng trong Việt Nam Quang Phục Hội với ước mong tìm được biện pháp lật đổ ách thống trị của ngoại xâm, hầu đem lại độc lập cho xứ sở. Khi âm mưu đảo chánh bị bại lộ, người Pháp truyền đem kiệu tới, buộc vua Duy Tân trở lại triều. Ngài từ chối bước lên kiệu và nói rằng “*Nếu muốn tiếp tục làm vua bù nhìn thì ta đã ở lại cung điện chứ bọn ba vất và làm chi! Ta chỉ muốn làm một người dân trong một nước được độc lập*”

Sau đó, dù Ngài đã nhận hết trách nhiệm, mong cứu mạng những người yêu nước lãnh đạo cuộc nổi dậy nhưng người Pháp vẫn đem lão tướng Trần Cao Vân và dũng sĩ Thái Phiên ra hành hình rất dã man để cảnh giác vua Duy Tân cũng như uy hiếp tinh thần dân chúng!

Uy vũ không sợ, danh vọng chẳng màng mà ý chí quyết giành lại độc lập cho xứ sở không bao giờ nguôi ngoai trong lòng vị vua trẻ khiến người Pháp, sau nhiều lần đe dọa, đã quyết định đày vua Duy Tân sang đảo Réunion xa xôi bên Phi Châu.

Khi đó nhà vua mới vừa 17 tuổi!

Điều gì có thể giúp nhà vua đứng vững trong cảnh huống này, nếu không là lòng từ bi, không là thấu hiểu Nhân Nhục Ba La Mật, để thay vì sân hận, tuyệt vọng, là vận dụng Chánh Tư Duy, này sanh Tinh Tấn và Trí Tuệ Ba La Mật, mà đối phó với hiện tại?

Phải khí phách biết bao! Phải chánh niệm nhường nào! để bước không chùn, để lòng không lụy, để kẻ thù không khinh, để đồng bào không thất vọng?

Với năng lực Đạo Tâm tiềm ẩn và sức mạnh vô hình của hồn thiêng sông núi phò trợ, vị vua trẻ bị lưu đày đã khắc phục khó khăn bằng niềm tin sắt đá. Với số tiền cấp dưỡng ít ỏi, Ngài hăng hái nghiên cứu ngành vô tuyến điện học, là môn học Ngài vốn có

năng khiếu từ nhỏ.

Để tạo mối giao hảo với dân chúng địa phương, Ngài khéo léo biến nơi cư ngụ thành một cửa hàng khiêm nhường chuyên sửa chữa đồ dùng điện tử. Dân địa phương đã đến địa chỉ số 41 đường Labourdonnais không phải chỉ vì yên tâm là máy móc của họ được sửa chữa cẩn thận mà còn đến đó vì tư cách điềm đạm, sự hiểu biết uyên thâm của vị vua ANam trẻ tuổi.

Dưới mắt người dân hải đảo Réunion thì, qua hình ảnh vua Duy Tân lịch lãm, can trường, họ đã nghĩ về nước Việt Nam như một huyền thoại đẹp mà nhà vua chính là một **SỨ THẦN TOÀN HẢO NHẤT**.

Với những hiểu biết sâu rộng, Ngài đã sáng tạo một đài vô tuyến để bắt được những làn sóng cực mạnh, từ đó, Ngài biết được những tin tức sôi động khắp nơi, nhất là về một nước Pháp đang phải tranh đấu cho tự do của chính họ. Những tin tức kháng chiến được Ngài loan tới những người thân cận để họ biến thành những làn sóng di động, âm thầm truyền tới chính phủ Pháp Tự Do. Sự tiếp tay kỳ diệu của Ngài qua không gian là những vũ khí quý giá mà sau này Ngài đã nhận được huy chương kháng chiến do

chính phủ Pháp Tự Do ban tặng.

Thời cơ đã đến khi Ngài nghe được lời kêu gọi lịch sử của tướng De Gaulle. Ngài đã nhìn thấy con đường danh dự để trở về quê hương. Đó là, chính Ngài phải tình nguyện gia nhập lực lượng kháng chiến cho một nước Pháp Tự Do để từ đó, nhân danh cựu Hoàng Đế của một xứ bị Pháp đô hộ, Ngài sẽ yêu cầu trả lại tự do cho xứ sở. Ngài tin tưởng rằng người Pháp đang cần sự hợp tác của chúng ta để tái chiếm Đông-Pháp nên họ có thể chấp nhận cho Việt Nam thành một quốc gia tự trị trong Liên-Hiệp-Pháp.

Sự suy luận bén nhạy của Ngài thật tuyệt vời! Sau nhiều giai đoạn hy sinh theo kế hoạch, Ngài đã được chính phủ Pháp thu xếp để hồi hương với sứ mạng mang thông điệp về một nước Việt Nam Tự Do, Độc Lập trong Liên-Hiệp-Pháp.

Hỡi ơi! Sứ mạng thiêng liêng danh dự đó đã đi liền với định mạng bi thảm của vị vua dũng cảm, phi thường! Chuyến bay từ Fort-Lamy đi Bangui ngày 26 tháng 12 năm 1945 đã lâm nạn và bốc cháy gần làng Bossako!

Chuyến bay đó sẽ mang vua Duy Tân ghé đảo Réunion thăm lại thân nhân, bè bạn trước khi Ngài trở về cố hương!

Chuyến bay đó đã không bao giờ tới đảo Réunion, nơi hàng ngàn dân chúng hân hoan đứng đợi người bạn Việt Nam mà họ hằng ngưỡng mộ và yêu mến!

Chuyến bay đó đã dập tắt bao hy vọng vừa bùng lên trong trái tim muôn người Việt Nam về viễn ảnh một nước Việt Nam Tự Do, Độc Lập!

Chuyến bay đó đã thay đổi giòng lịch sử của hai quốc gia Việt-Pháp khi người ta tự hỏi, số phận



Vua Duy Tân thời gian bị lưu đày trên đảo Réunion.

Mê Ngộ

thơ

Khi mê cứ ngỡ ta là...
 Ngộ rồi mới biết là TA không còn
 Khi mê cứ ngỡ mình khôn
 Ngộ rồi chợt hiểu vô ngôn là thầy
 Khi mê thấy đỏ thấy đây
 Ngộ rồi chân lý ở ngay hiện tiền
 Khi mê sáng-tối hành thiền
 Ngộ rồi tâm vốn chẳng riêng chỗ nào
 Khi mê kiến thức dồi dào
 Ngộ rồi như ánh trăng vào cửa không
 Khi mê yêu thích hoa hồng
 Ngộ rồi hoa nở bên trong thơm lừng
 Khi mê bùn chỉ là bùn
 Ngộ rồi mới biết trong bùn có sen
 Khi mê phân biệt trắng đen
 Ngộ rồi đen-trắng ảo huyền mà thôi
 Ngộ mê như mộng vừa rơi...

KIỀU MỘNG HÀ

Đông Dương sẽ thế nào nếu vua Duy Tân – vị Hoàng Đế sáng suốt, yêu nước thương dân – với sự ủng hộ của chính phủ một nước Pháp Tự Do, sẽ cầm vận mệnh quốc gia Việt Nam năm 1946?!

Nhưng vua Duy Tân đã ra đi....

Hoàng Tử Vĩnh San nhỏ bé tám tuổi lên ngôi.

Hoàng đế mười bảy tuổi, đi chân đất ra khỏi hoàng cung, làm cách mạng.

Vị vua tuổi đôi mươi bị truất phế lưu đầy.

Người bạn da vàng thân thiết của thổ dân Châu Phi.

Người chiến sỹ kiên trì tiếp tay đắc lực cho kháng chiến quân Pháp...

Đã ra đi trên cánh đồng thênh thang nắng gió!

Xin mượn lời của người dân hải đảo Réunion thương khóc Ngài trong ngày định mệnh đó, như nén nhang thắp lên trong ngày giỗ Đấng Minh Quân tôn kính:

"Ôi, Hoàng Tử Vĩnh-San tuyệt diệu! Làm sao Ngài có thể ra đi đột ngột và bi thảm như thế được? Từ nay, nếu có người Việt Nam hiểm hoi nào ghé qua đảo này, họ sẽ không còn dịp quý gồi kính cẩn trước Ngài nữa. Nhưng những người Pháp ở đây đã biết và yêu mến Ngài, sẽ nghiêng mình sùng kính mỗi khi tưởng nhớ đến Ngài. Bằng tinh thần cao thượng, Ngài đã chịu đựng một cuộc thử thách quá lớn lao. Điều đó sẽ đem đến cho hương hồn Ngài một hào quang sáng chói vĩnh cửu, sáng chói hơn cả cái vương miện mà Ngài đã đội trong thời gian ngắn ngủi" (*)

Huệ Trân

Tài liệu tham khảo: (*) "Hồ sơ vua Duy Tân" của học giả Hoàng Trọng Thước.

PHẬT PHÁP VỚI TUỔI TRẺ

NHÂN GIAN TỊNH ĐỘ

Tâm Minh – Vương Thúy Nga

Kính thưa quý vị và các Bạn,

Như chúng ta đã biết, nói đến tuổi trẻ là nói đến niềm tin và hy vọng. Tuổi trẻ của thời đại nào, quốc gia nào thì đó cũng là niềm tin và hy vọng của thời đại đó, quốc gia đó. Thế nhưng "người trẻ" thì không hoàn toàn giống nhau, do quan điểm và cái nhìn về cuộc đời của họ. Chúng tôi muốn nói đến những chàng trai anh hùng của một thời đại oai hùng nào đó là niềm tự hào của một dân tộc, một đất nước nào đó ở một giai đoạn lịch sử nào đó, về một lãnh vực nào đó, trong lịch sử nhân loại. Ví dụ như một Trần Quốc Toản, một Jeanne D'Arc, một Thành Cát Tư Hãn, v.v... hay những dũng sĩ của Mông Cổ, những thần đồng về Văn học, Toán học lừng danh thế giới, v.v... Bây giờ họ cũng chỉ là những "vết nhận lưng trời" không để lại ấn tượng gì đối với những người không biết đến sách vở... Còn chàng thanh niên Tất-đạt-đa của chúng ta? - Đó là mẫu người lý tưởng không chỉ trong thời đại của Chàng, nơi xứ sở của Chàng... mà còn vượt không gian và thời gian; ra ngoài ranh giới quốc gia, nói cho chính xác là "vượt ra ngoài cả tam giới". Con người này đã bỏ lại "hạnh phúc thế gian thường tình" của mình với cung vàng điện ngọc, quyền quý cao sang, vợ đẹp con ngoan... để dẫn thân vào một cuộc đời vô định, đi tìm hạnh phúc cho muôn loài chúng sanh. Ngài đã thấy được và sống được với chân lý "hạnh phúc của chính mình là hạnh phúc của muôn loài". Cái chân lý mà mấy ngàn năm sau có người nhận ra được đã thốt lên rằng: "Một con bướm vỗ cánh ở phương Đông thì ở phương trời Tây cũng có ảnh hưởng", nghĩa là con người và vạn vật đều liên hệ mật thiết với nhau... Thế hệ trẻ trên thế giới noi theo gương Ngài không phải là ít, đó là chư Tăng Ni của các nước Phật giáo, đó là những người không xuất gia nhưng tin Phật và mong một ngày nào đó cũng tự chiến thắng được mình như đức Phật, để cõi Ta-bà này trở thành Tịnh độ, không còn đau khổ, phiền não nữa; thành phần này bao gồm anh chị em huynh trưởng và đoàn sinh GĐPT. Chúng tôi xin kính mời quý vị và các bạn theo dõi cuộc hội thoại giữa những huynh trưởng GĐPT về vấn đề này như họ đã từng chia sẻ với đàn em của họ:

Trang nghiêm Tịnh độ

Nơi cõi Ta-bà

Đất Tâm thanh tịnh

Hiện lộ ngàn hoa.

Hay:

Đây là Tịnh độ

Tịnh độ là đây

...

Tâm không ràng buộc

Tiêu dao thắng ngày.

A: Chào các bạn! Hôm nay chúng mình nói về đề tài gì nhỉ?

B: Chúng mình muốn nói về Tịnh độ vì trước nay chúng ta thường nói về Thiên mà ít nói về Tịnh độ, trong khi đoàn sinh lại hỏi nhiều về cõi nước của đức

Phật A-di-đà, về cõi Cực Lạc, về đường đi từ đây đến Tây Phương dài bao nhiêu... đó bạn à!

C: Đúng vậy, các em thắc mắc tại sao chúng ta nói “Trang nghiêm Tịnh độ nơi cõi Ta-bà”, nhưng có người nói tu Tịnh độ là ích kỷ, chỉ biết lo cho mình về cõi Phật A-di-đà còn ai trầm luân thì kệ họ!!!

A: Rồi bạn nói sao? Không lẽ bạn cũng nghĩ như vậy?

C: Đầu có, mình nói Tịnh độ và Thiền là những pháp môn tu còn có lo cho chúng sanh hay không là do hạnh nguyện của người tu, có phải vậy không?

B: Phải đó, người thực hành Bồ-tát đạo thì luôn đi trên con đường “thường cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh” dù họ tu Thiền, tu Mật hay tu Tịnh cũng vậy; khi còn chúng sanh chưa thành Phật thì Bồ-tát đâu có an vui một mình ở cõi Cực Lạc được!

A: Đành rằng là vậy nhưng các bạn phải giới hạn câu chuyện của chúng mình trong phạm vi nào chứ, nếu nói về Bồ-tát đạo thì đến khuya cũng không rồi đó nha!

C: Phải, phải! Đề tài của chúng ta hôm nay đúng ra là tìm hiểu quá trình Tín-Nguyện-Hạnh, để từ đó tìm ra một hướng đi cho tuổi trẻ Phật giáo nói chung, cho anh chị em GDPT chúng ta nói riêng.

B: Bởi vậy, tuy nói là “tuổi trẻ” nhưng không phải chỉ hạn hẹp trong lứa tuổi đôi mươi thôi đâu nha, mà phải nới rộng ra đến những anh chị huynh trưởng cao niên của mình, có khi trên 60, 70 tuổi nữa đó.

A: Đúng vậy, “trẻ” ở đây không phải vì tuổi đời còn nhỏ, mà chúng ta dùng chữ “trẻ” để chỉ hoài bão rộng lớn, vĩ đại; tâm hồn cởi mở, trong sáng, vô tư; niềm tin vững chắc và hành động có khoa học, có trí tuệ, với một quyết tâm không gì lay chuyển nổi nên không biết mệt mỏi trên con đường tìm câu giải thoát, hoàn thành tự giác và giác tha.

C: Chính thế, đối với một cuộc hành trình trong luân hồi sinh tử, đối với thời gian vô tận và không gian vô biên, thì 100 năm còn được coi như “một thoáng chiêm bao” nói gì đến 60 hay 70 tuổi!

B: Trở lại với qui trình Tín-Nguyện-Hạnh nha! Tín là tin, niềm tin, lòng tin, đức tin... muốn dùng từ gì cũng được; chỉ cần chúng ta nhớ rằng Tín là điều kiện tiên quyết để đến với Đạo.

A: Chúng ta còn phải nói rõ là tin ai? Tin cái gì? Tại sao có đức tin và làm sao để phát triển lòng tin, v.v...

C: Tín là điểm khởi đầu của bước đường vào Đạo; vì thế trước hết phải khởi lòng tin thanh tịnh, tin vào Tam bảo, vào Phật tánh.

B: Trong *Phật Thuyết đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm bình đẳng giác kinh*, đức Phật dạy rằng, lòng tin không chỉ do mình có mà đó còn là do tha lực, do mình trông cậy lành, có duyên với Phật pháp, v.v... nên ngày nay mới phát khởi lòng tin dễ dàng.

A: Đúng vậy, nhưng có lòng Tin mà phải biết phát triển lòng Tin đó bằng ba hạnh nền tảng; đó là thân hạnh, tâm hạnh và tánh hạnh.

C: Cái này thật là mới đối với mình đó nha, các bạn có thể nói rõ hơn tu như thế nào về ba hạnh nền tảng này không?

B: Đây là ba hạnh nền tảng trong giai vị Thập tín được dạy trong kinh *Hoa nghiêm*: Về thân hạnh thì tu cúng dường, thân hành các vị thiện tri thức, v.v... Về tâm hạnh thì huấn luyện tâm nhu hòa, nhẫn nhục, kham nhẫn... Về tánh hạnh thì thực hành tử bi, tha thứ, bao dung, tận tâm tận lực phục vụ tha nhân.

C: Các bạn biết nhiều ghê! Xin lỗi làm mất thì giờ

nha, Bạn dùng chữ giai vị? Vậy có mấy giai vị trong quá trình tiến hóa tâm linh theo *Hoa nghiêm*?

A: Từ địa vị phàm phu đến khi tâm Bồ-đề khai mở hoàn toàn, hành giả phải trải qua 5 giai vị trung gian; đó là thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa.

C: Mình xin lỗi, nhưng quả thật mình muốn biết sơ ý nghĩa của 5 giai vị này trước khi đi vào hành trình Tín - Nguyện - Hạnh.

A: **Thập tín** là giai đoạn đầu tiên khi hành giả quyết tâm lập chí đi trên con đường Bồ-tát đạo, hướng về giác ngộ, cứu độ chúng sanh. **Thập trụ** là giai đoạn rèn luyện công phu thiền định chuyển hóa phiền não (phát triển trực tâm). **Thập hạnh** là giai đoạn phát triển lòng tử bi, kết duyên với chúng sanh, giáo hóa chúng sanh. **Thập hồi hướng** là giai đoạn phát triển cả 3 tâm (trực tâm, thâm tâm và đại bi tâm). **Thập địa** là địa vị cao nhất, lúc đó, tâm Bồ-đề phát triển đến vô hạn và vọng tâm không còn, hoàn toàn ở trong cảnh giới Phật.

B: Chúng ta trở lại với Tín-Nguyện-Hạnh nha: Tín-Nguyện-Hạnh là ba đức của người tu theo Tịnh độ, nghĩa là muốn đạt cứu cánh vãng sanh Cực Lạc, hành giả phải có đủ ba đức đó.

C: Mình biết rồi, Tín ở đây là sự tin tưởng nơi sức tiếp dẫn của đức Phật A-di-đà, tin vào những Kinh dạy về pháp môn Tịnh độ. Hạnh là niệm Phật, là làm tất cả các thiện pháp, tinh cần hành trì như vậy trong đời sống hằng ngày không xao lãng. Và Nguyện là lòng mong cầu mãnh liệt được vãng sanh, từ khi khởi nguyện cho đến khi trút hơi thở cuối cùng lúc nào cũng mong mọi việc ấy.

A: Thế nhưng chúng mình đã dạy các em (trong bài đức Phật A-di-đà và cõi Cực Lạc Tây phương) có khác một chút phải không?

B: Phải đó, vì chúng ta phải “thời đại hóa” những bài học Phật pháp mà với trí óc con người các em có thể hiểu và nắm bắt được.

C: Ví dụ như chúng ta dạy cho các em những đặc tính chính của Tịnh độ (Pure Land) mà giáo lý đã dạy; đó là, thứ nhất, Tịnh độ hay Cực Lạc được hình thành do lòng Từ Bi, công phu tu tập và 48 lời nguyện của đức Phật A-di-đà trong đó có một nguyện là đón tiếp và hướng dẫn những ai chuyên tâm niệm danh hiệu Ngài và cầu vãng sanh về Cực Lạc hay Tịnh độ.

A: Thứ hai, phương pháp niệm Phật là một phương pháp dễ tu, hành giả có thể đạt cả hai mục đích: tái sinh về Tây phương và cũng là một bước vững chắc đi về Giác ngộ (rebirth in the Western Pure Land as a stepping-stone toward Buddhahood), vì ở đó hành giả có một môi trường tu học rất lý tưởng với sự hiện diện của đức Phật A-di-đà, họ có



thể đạt đến sự giác ngộ hoàn toàn (there, in more favorable surroundings, in the presence of Amitabha, they will eventually attain complete enlightenment).

B: Thứ ba, phương pháp này rất “dân chủ” (democratic) vì không phân biệt nam hay nữ, cao hay thấp, xấu hay tốt, v.v... tu theo kiểu gì cũng được, nếu có lòng Tin và niệm đến danh hiệu Ngài (đức Phật A-di-đà) một cách thành tâm thành ý thì nhất định sẽ được Ngài đón về Cực Lạc quốc.

C: Nhưng quá trình Tín - Nguyên - Hạnh đâu phải riêng cho Tịnh độ, có phải không?

A: Đúng vậy! Dù là tu theo pháp môn gì cũng theo hành trình đó. Lòng tin thể hiện bằng qui y Tam bảo nghĩa là phát tâm Bồ-đề. Khi phát lời nguyện “*đệ tử và chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo*” chính là khi hạt giống Bồ-đề được gieo xuống, tâm ta rộng mở để khi làm bất cứ việc thiện lớn hay nhỏ cũng vì lợi ích chúng sanh, không nghĩ cho riêng mình.

B: Với tâm lượng rộng lớn như vậy, thì dù hành giả là một chú Sa-di 8 tuổi hay một cụ già 80 tuổi cũng đều đã là một vị Bồ-tát và con đường đang đi là Bồ-tát đạo.

C: Bồ-tát có phải là nhân cách lý tưởng của tuổi trẻ Phật giáo hay không?

A: Phải, còn Bồ-tát nguyện là nguyện rộng lớn nhất, nguyện độ chúng sanh nghĩa là mưu cầu hạnh phúc cho tất cả chúng sanh chứ không phải cho riêng mình, Bồ-tát hạnh là hành động cao cả nhất vì mục tiêu và sứ mệnh của hành động này vượt lên trên tự ngã nhỏ bé, là nguồn năng lực khơi dậy và thúc đẩy chúng sanh lên đường đi về hòn đảo an toàn của hạnh phúc chân thật.

B: Bồ-tát đạo là con đường của những người biết tu tập để mở rộng tâm thức để trực nhận được rằng những cái mà trước đây ta tưởng là “ta” hay “của ta” (ví dụ như lối sống, tri thức, tình cảm, khả năng, kinh nghiệm, tập khí, v.v...) Điều này không phải dễ làm, vì phải biết “bung” từ cái “tôi” ra thành cái “chúng ta”, từ cá nhân ra “tập thể”, từ mình ra “mọi người”, v.v...

C: Vậy con đường chúng ta đi có phải là Bồ-tát đạo không?

A: Cũng phải mà cũng có thể không phải.

C: Tại sao?

B: Tại vì tùy theo cách suy nghĩ, cách nhìn, cách làm, v.v... của bạn mà công việc của bạn, con đường bạn đi có phải là Bồ-tát đạo hay không?

A: Đúng thế! Làm việc GDPT không có lương, tốn thì giờ, tiền bạc, làm gì cũng lo cho các em trước rồi mới đến bản thân. Mùa đông cũng như mùa hè, không có kỳ nghỉ, thậm chí ngày lễ còn tham gia hội họp, trại mạc, v.v... không có thì giờ cho gia đình nhỏ của mình... nếu mình cho đó là khổ, mình than van hay kể công khó nhọc của mình, v.v... thì mình không còn là Bồ-tát nữa và con đường mình đi cũng không phải là Bồ-tát đạo.

C: Còn nếu mình âm thầm làm phận sự của mình, lo cho đàn em, cho Đơn vị, cho Đoàn của mình không thấy mệt mỏi, chán nản; trái lại còn thấy vui, coi công gai là bạn hữu, coi khó khăn là thuốc bổ, v.v... thì mình là Bồ-tát rồi phải không các bạn?

B: Hay quá! Vậy là bạn đã thông rồi đó!

A: Tóm lại chúng ta đã nói qua về hành trình Bồ-tát đạo đơn giản nhất với Tín - Nguyên - Hạnh; nếu chúng ta quyết tâm, vững chí muốn đi trên con đường đó thì có thể chuyển hóa phiền não thành an

Hạt Cát Tự Tình

thơ

*Khi vui biếng tiếng nói
Buồn rơi lạc nụ cười
Hợp - tan cảnh đổi dời
Có - không chìm muôn lối*

*Biển rộng nắng chiều rơi
Lên xuống chẳng đầy vơi
Ta: mong manh hạt cát
Chia nỗi đau cuộc đời*

*Trôi theo dòng sanh diệt
Sóng gió nuốt quên lời
Ôi! Mong manh hạt cát
Chung trái tim loài người*

*Hạt cát vùi biển khơi
Ấp ủ trái tim côi
Khai thông dòng chảy suốt
An nhiên một góc trời*

KHA NGUYỆT



lạc, trần gian thành Tịnh độ...

C: Tôi cũng hiểu rồi! Nếu Đơn vị chúng ta không có đồ kỵ gây gỗ mà chỉ có đoàn kết thương yêu thì ngay đây cũng thật đẹp, đâu có thua gì cõi Cực Lạc với tiếng chim nói Pháp, với cảnh đẹp sáng chói như có lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não phải không? Vì khi lòng ta thanh thản, vui vẻ thì cảnh nào mà không đẹp? Như đức Phật nói “Khi tâm ta thanh tịnh, ta thấy thế giới thanh tịnh” vậy đó!

B: Đúng!! Vậy là chúng ta đã giải quyết được những thắc mắc còn tồn tại trong lòng về Tịnh độ, về Cực Lạc, về Bồ-tát đạo... rồi.

A: Nhưng Bồ-tát kiểu chúng ta (huynh trưởng GDPT) là “Bồ-tát con” hay tiểu Bồ-tát chứ không phải Bồ-tát thật đâu nha! Đừng có tưởng bở!

C: Đúng vậy! Hiểu rồi! Cảm ơn! Chúng ta tạm ngưng ở đây nha! Xin hẹn gặp lại các bạn kỳ sau! Tạm biệt!

A và B: Tạm Biệt, tạm biệt!

Tâm Minh—Vương Thúy Nga

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

CHẢ GIÒ

Vật Liệu:

1. 1 bịch tàu hũ ky tươi
2. 2 miếng tàu hũ
3. 1 cup hành củ băm nhuyễn
4. 1 cup carrot bào nhỏ
5. 2 vắt bún tàu (miến)
6. 2 cups nấm mèo ngâm nước cho mềm
7. 1 hộp hamburger chay hay khoảng 2 cup thịt chay nào khác cũng được
8. 2 tsp bột nêm hay 1/3 tsp muối và 1/3 tsp đường
9. 1 Tsp dầu hào chay
10. 2 tsp bột năng
11. 3 cái trứng



Cách Làm:

Cắt tàu hũ ky tươi ra từng miếng nhỏ vừa để cuốn thành những cuộn chả giò dài hay ngắn theo ý quý vị. Ngâm nước bún tàu và nấm mèo cho mềm. Cắt bún tàu thành những sợi ngắn theo chiều dài của cuộn chả giò. Thái nấm mèo nhỏ lại. Cho tàu hũ miếng vào rổ cho ráo nước và bóp nhuyễn.

Đề những miếng tàu hũ ky sang một bên, còn tất cả các vật liệu khác thì cho vào một tô lớn và trộn đều. Quý vị có thể nếm lại cho vừa ý trước khi dùng những miếng tàu hũ ky để cuốn lại thành những cuộn chả giò. Bắt chảo lên lò và cho dầu ăn vào chảo. Khi dầu vừa nóng, cho các cuộn chả giò vào chảo chiên lên cho vàng và giòn. Khi lấy chả giò ra nên để trên vải thấm khăn giấy cho thấm bớt dầu ra. Quý vị sẽ có được một đĩa chả giò thật giòn, thơm và ngon cho cả gia đình thưởng thức.

Nếu cần hỏi thêm về cách thức nấu hay để đóng góp, chia sẻ thêm ý kiến, xin liên lạc với chị Diệu An qua điện thư dieuan@sinhthuc.org

"Trích từ trang Nấu Ăn Chay của trang nhà Trung Tâm Thiền Quán Sinh Thức tại <http://www.sinhthuc.org/>".

BÀN VỀ ĐÔI MẮT

Bs. Đỗ Châu Oanh

*Mắt em là một dòng sông
Thuyền ta bơi lặn trong dòng mắt em*
Lưu Trọng Lư

Người Tây phương thường có màu mắt rất đẹp, những đôi mắt xanh (*blue eyes*) từ xanh biếc màu đại dương (*aquamarine blue*), đến xanh màu trời trong sáng không có một áng mây (*arctic blue* hay *ice blue*), đến xanh thật nhạt mà vẫn thi hào đặt là xanh baby (*baby blue*), và còn có những màu không tả được - nhất là bằng tiếng Việt mình, dịch ra đôi khi nghe chẳng văn chương tí nào cả - chỉ biết đôi mắt của họ là vùng trời quyền rũ lòng người qua bao nhiêu thế hệ. Nào là xanh ngọc xafia (*sapphire blue*), xanh màu thủy tinh (*crystal blue*), xanh như luồng điện (? *electric blue*), xanh màu chàm (*indigo blue*), xanh màu thuốc súng (? *gunmetal blue*), và cả màu xanh hoa lưu ly nữa (*forget-me-not blue*).

Qua đến màu xanh lá (*green eyes*) cũng vậy, có thể thay đổi lợt đậm tùy màu áo họ mặc. Những tên gọi được đặt cho những đôi mắt xanh lá trong văn hoá người tây phương cũng rất trữ tình, nào là xanh ngọc bích (*emerald green*), xanh màu lục nhạt (*chartreuse green*), xanh biển cả (*sea green*), xanh rừng rú (*forest green*), và xanh mắt mèo (*cat's eye green*).

Ngoài ra có những đôi mắt màu tím hoa cà (*violet*) như đôi mắt đẹp khêu gợi của người nữ minh tinh màn bạc Elizabeth Taylor. Mắt tím cũng có nhiều màu tím khác nhau như tím thạch anh (*amethyst*), tím dạ hương (*hyacinth violet*), hay tím biển khơi (*ultramarine violet*).

Lại còn có những đôi mắt xám màu tro (*grey eyes*), nhiều khi xám nhạt cho đến nỗi như là mây

khói nên gọi là xám khói (*smoky grey*). ngoài ra còn có xám bão tố (? *tornado grey*), xám sắt thép (*steel grey*), xám bạc (*silver grey*), hay xám như băng đá học trò (*slate grey*), tùy theo độ đậm nhạt của màu xám.

Rồi có những màu mắt nâu hạt dẻ (*hazel eyes*), mắt nâu vàng mật ong (*honey brown*), và nâu màu hổ phách (*golden amber*).

Phần đông nhân loại chỉ có màu mắt nâu đậm hoặc đen láy với những từ diễn tả như đen hạt huyền (*jet black*), đen gỗ mun (*ebony black*), đen như khoáng chất (*obsidian black*), đen như than (?? *antracite black*), và đen nhung (*velvety black*)... hoặc những màu nâu như sô-cô-la (*chocolate brown*), nâu hạt dẻ (*chestnut brown*), nâu màu rượu sâm-banh (*champagne brown*), để chỉ cho những đôi mắt nâu của phần đông người A châu mình.

Văn chương nghệ thuật Việt nam cũng chẳng thiếu những cụm từ diễn tả cái đẹp, cái lóng lánh, cái ướt át mê hồn người của đôi mắt giai nhân. Mắt là cung đàn cho âm nhạc hoà điệu du dương, là cảm hứng cho thơ văn trữ tình, và là linh hồn của nghệ thuật. Mắt bồ câu, mắt nai, mắt lá rằm, mắt nhung, mắt huyền. Đôi mắt dỗi hờn, mắt liếc nhìn quyền rũ, mắt e lệ thẹn thùng... đầy dẫy trong thơ nhạc văn chương. Lại còn có những cụm từ diễn tả đôi mắt đọc ra nghe thấy dữ dằn kinh sợ như: mắt ốc lồi, mắt lươn, mắt ti hí.

Hay trong làng ca nhạc có: *Đôi Mắt Người Sơn Tây* của Phạm Đình Chương, *Đôi Mắt Huyền* của Thông Đạt, *Mắt Biếc* của Ngô Thụy Miên, *Giọt Nước Mắt Ngà* của Ngô Thụy Miên, *Còn Hai Con Mắt Khóc Người Một Con* của Trịnh Công Sơn, *Đôi Mắt Người Xưa* của Trúc Phương, *Đôi Mắt Pleiku* của Nguyễn Cường. Và tôi rất thích bài *Đôi Mắt Buồn* do Ca Sĩ Gia Huy hát. Tiếng Anh thì có bài "Don't it make my brown eyes blue" của Crystal Gayle; ngày ấy mê cho đến nỗi học thuộc lòng và hát nghe ngao, nhưng tiếng Anh lúc đấy chuẩn quá nên mấy đứa em nó cứ bảo "chị hát cái chi em chẳng hiểu gì ráo... chỉ nghe được brown eyes blue eyes thôi."

Ngày xưa còn trẻ tôi mê đọc tác phẩm *Loan Mắt Nhung* của nhà văn Nguyễn Thụy Long, đã cận thì chớ lại trốn đọc truyện trong chăn nên càng lên độ. Truyện ngắn thì có tác phẩm *Đôi mắt* của Nam Cao, tôi nhớ phải đọc và phân tích hồi năm lớp 11.

Phim bộ có *Đôi Mắt Ân Tình*, một thời 'luyện' phim bộ quên ăn quên uống đến gây người ra. Sơ sơ đó là những đôi mắt ẩn tượng của đời tôi.

Còn thơ thì tôi thích nhất bài *Đôi Mắt* của nhà thơ Bích Khê xứ Quảng ngày nào:

*Ôi! cặp mắt của người trong tơ ngọc
Sáng như gương và lấp lánh kim cương
Mỗi cái ngó là một vì sao mọc!
Mỗi liếc yêu là phảng phất mùi hương
Mắt ấy chứa hào quang sáng ngọc
Dẫn hồn ta vào thế giới thiêng liêng
Mắt ngời châu rung ánh sống nghệ thường
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc...*

Nhưng bạn có biết tại sao những cánh cửa sổ của linh hồn mang màu sắc quá khác biệt như thế này không? Tại sao người A đồng phần nhiều chỉ có mắt nâu đen đậm tròn to như hai hạt nhãn? Tại sao những người tóc đỏ hoe (*red heads*) thường có màu mắt xanh lá như hạt ngọc bích (*emerald green*) tuyệt đẹp? Tại sao phần đông giống người Bắc Âu da trắng tóc vàng hoe mắt xanh biếc? Tại sao nhiều đứa con nít Mỹ sanh ra mắt xanh, nhưng khi lớn lên mắt đổi



màu không còn xanh nữa? Và nếu bố mẹ đều có mắt xanh có bảo đảm sinh con mắt xanh không? Nhưng bố mẹ mắt nâu đậm mà xanh con mắt màu thật nhạt thì sao? Bạn có bao giờ ước ao mình có đôi mắt màu xanh không?

Khoa học cho biết màu mắt được thể hiện do cái gen mang tên OCA2 liên quan đến sự sản xuất sắc tố melanin trong thân thể. Melanin chính là yếu tố khiến cho tóc, mắt, và da của con người có màu. Những chủng tộc có nhiều melanin trong thân thể sẽ có màu da đen sậm, tóc và mắt cũng đen hay nâu đậm.

Những người mang chứng Bạch tạng là tình trạng khi người đó hoàn toàn không có một tí melanin nào hoạt động trong cơ thể họ. Theo lời Bác sĩ Hans Eiberg, Khoa Y học Tế bào và Phân tử thuộc Đại học Copenhagen, những giống dân miền Bắc Âu thường có nước da rất trắng, mắt màu rất nhạt và tóc vàng hay trắng... thường thì họ có melanin nhưng số lượng rất ít hoặc melanin của họ bị biến dạng không hoạt động mạnh mẽ trong cơ thể. Chính vì sắc tố melanin bị giảm tối đa hay biến thể trầm trọng trong đồng tử của mắt, mà những giống người này có màu mắt từ nâu nhạt như màu rượu cognac đến xanh baby blue, hay jade green hay amethyst tím hoa cà.

Nhưng thật sự chẳng phải chỉ có gen đơn OCA2 quy định màu mắt của con người. Màu mắt nâu thường được xem là gen mạnh trội hơn (*dominant gene*) màu mắt xanh (*recessive gene*). Quy luật di truyền đơn của Mendel không đủ hay không thể áp dụng để giải thích màu mắt của con cái được vì đôi khi cha mẹ đều có mắt xanh mà lại sanh con mắt nâu. Theo Journal of Human Genetics, khoa học xác nhận có ít nhất là 16 loại gen trong việc quy định màu mắt và những gen này lại hoạt động ảnh hưởng mạnh yếu khác nhau trong từng con người. Gen OCA2, LYST và HERC2 là ba loại gen có tầm quan trọng về màu mắt được nghiên cứu nhiều nhất.

Con bé cháu tôi có đôi mắt hazel green tuyệt đẹp, đôi khi ngả màu vàng nâu như amber, đôi khi xanh như rừng lá nếu cháu mặc áo xanh da trời - bố nó người VN, mẹ người gốc Hoà Lan có mắt màu xanh đại dương êm êm, nhưng đứa em trai của nó thì lại chỉ có đôi mắt nâu huyền như bao đứa trẻ con VN khác.

Là một bác sĩ mắt hằng ngày nhìn vào cả mấy mươi cặp mắt... mắt đẹp, mắt lung linh, mắt sáng ngời, mắt 20/20, mắt tròn hoay xanh biếc, cũng như mắt bệnh hoạn, mắt đỏ ngầu say rượu, mắt ti hí đỏ ghèn nhóp nhúa, mắt sần bi hoạn nạn, mắt cườm mù loà, mắt cận thị loạn thị, mắt già lão bệnh hoạn... ôi thôi đủ loại đủ cỡ đủ màu! Nhưng ngoài việc khám bệnh đo độ kính, tôi còn có cái thú định màu của mắt và đôi khi ghi xuống trong hồ sơ một con số mật mã nào đó không dính dáng gì đến bệnh tình của người đang ngồi trên ghế khám. Tên của họ đôi khi tôi không nhớ nổi, gương mặt cũng rất dễ quên vì bác sĩ với bệnh nhân gặp nhau vón vện chừng hai mươi phút trong gian phòng khám đèn lờ

mờ mờ, nhưng màu mắt đôi khi chỉ gặp một lần là ấn tượng mãi, không quên được... Thì cứ cho đó là cái méo mó nghề nghiệp vậy đi.

Công nghệ kính sát trùng hay áp trùng (*contact lenses*) của Mỹ vào thập niên 80-90, hai thập niên cuối của thế kỷ trước, có cho ra hàng loạt những loại contacts màu rất thịnh hành, bán chạy như tôm tươi, nhưng không phải ai cũng mua được, vì phải có toa bác sĩ. Thời gian đó tôi vừa mới ra trường, vừa mở phòng mạch, nợ nần chồng chất. Mấy hãng contacts tung ra thị trường lúc đầu chỉ có bốn loại contact màu Opaques, hai ba năm sau thì nhau tung ra thêm hàng loạt contacts màu mới đẹp hơn, tự nhiên hơn... thế là đủ sở hụi trong một thời gian không bao lâu (cảm ơn mấy hãng contact lenses màu lắm!). Cho đến bây giờ loại contacts màu này vẫn còn được giới trẻ nữ rất yêu chuộng, nhất là tôi đang hành nghề tại Texas nơi có dân số Mắt nâu như người Á đông mình rất là đông. Họ chuộng màu hazel, chestnut brown, amber và green nhiều nhất.

Vào năm 2007 có phong trào đưa kỹ thuật dùng tia Laser tẩy màu nâu, diệt bớt sắc chất melanin trong đồng tử để đổi màu mắt nâu đậm thành nhạt hơn, hay tạo thành màu xanh green hay amber, do Bác Sĩ Gregg Homer chủ xướng, nhưng không được thành công cho lắm vì những tế bào chế biến ra melanin gọi là melanocytes vẫn không bị huỷ diệt nên chúng tiếp tục

cho ra melanin. Sau khi tẩy một thời gian, mắt lại nâu đậm trở lại.

Ngoài ra năm 2008 Công ty New Color Iris của Panama chế ra một loại implants cấy vào trong đồng tử, vừa để thấy (có độ kính trong đó) vừa đổi màu mắt, muốn màu gì cũng có hết. Không thích nữa, họ có thể lấy ra đổi màu khác hoặc trở lại màu cũ - dĩ nhiên phải trả thêm tiền để lấy ra.

Giá phải chăng 5000 usd theo quảng cáo trên internet, nhưng không biết sao hai năm sau công ty bị phá sản rồi.

Đôi mắt của mọi loài sinh vật kể cả con người không chỉ có chức năng nhìn mà còn mang nhiều công dụng và nhiệm vụ khác nữa. Tạo hoá khéo léo sắp đặt cho đôi mắt nắm giữ một vai trò tối quan trọng trong cuộc sống. Đôi mắt là biểu tượng của yêu thương và hy vọng. Nhờ đôi mắt và thị giác, con người khám phá ra biết bao kiệt tác của tạo hoá trong một thế giới huyền bí muôn màu muôn sắc chung quanh; từ tầm nhìn của mắt, con người có thể cảm nhận được và biết thưởng thức cái đẹp mê hồn của vạn vật, từ hoa trái chim muông màu sắc rực rỡ, đến chi tiết li ti nhỏ nhắt của vi trùng vi khuẩn qua kính hiển vi, đôi mắt đều có thể nhìn thấy và cảm nhận.

Đôi mắt nhìn cảnh thương tâm đau khổ dễ lòng buồn tê tái, rớt lệ thương cảm như hoà vào được với niềm đau đó của tha nhân; đôi mắt chứng kiến hạnh phúc vui sướng an lạc thái bình, lòng cũng vui lây với niềm vui của kẻ khác.

Mắt biết buồn, biết khóc.

Mắt biết vui, biết cười, bạn có biết cách cười bằng mắt không? Thử đi, không nhoeo miệng, không mang dáng điệu của nụ cười trên gương mặt nhưng





bạn có thể cười bằng ánh mắt long lanh.

Mắt biết yêu... cứ thử nhìn người yêu từ xa xa mà xem, mắt đưa tình, lòng rộn rã lâng lâng, lúc ấy đôi mắt chứa đầy yêu thương như trái tim đang giao động hồi hộp đợi chờ...

Mắt biết nói "thank you", "I love you", và cả "I hate you" nữa.

Mắt giận hờn, giận thiệt hay giả bộ dối hờn cũng có.

Mắt nhìn trân trân làm người khác khó chịu nhột nhột bức tức.

Mắt lão liên gian xảo lường gạt điều ngoa.

Mắt khinh bỉ chê cười.

Mắt xoa dịu niềm đau, chia sẻ ngọt bùi cảm thông.

Mắt yêu thương triu mến, từ bi, dịu hiền như đôi mắt của người mẹ ban trái cho đàn con.

Trong thơ Nguyễn Sa - bài Tương Tư:

*"Tôi không biết rằng lạ hay quen
chỉ biết em mang theo nghề thường
cho nên đôi mắt mờ hư ảo
cả bốn chân trời chỉ có em."*

Đây... mắt mờ hư ảo mà vẫn thương, vẫn tương tư...

Hay thơ Du Tử Lê - Hiến Chương Tình Yêu:

*"Khi em khóc tôi biến thành.... nước mắt
chảy giùm em... cho cạn sạch nỗi niềm
để mắt em xanh, để môi em mềm
tôi là lá giữa buổi chiều... sắp tối."*

Khi yêu không gì không làm được...

Rồi còn Thơ Bùi Giáng - Mắt Buồn:

*"Bỏ trăng gió lại cho đời
Bỏ ngang ngửa sóng giữa lời hẹn hoa
Bỏ người yếu, bỏ bóng ma
Bỏ hình hài của tiên nga trên trời
Bây giờ riêng đối diện tôi
Còn hai con mắt khóc người một con"*

Dựa vào bài thơ này của Bùi Giáng, cảm xúc dạt dào rứt rứt khắc khoải bồn khoăn nào đó của thi sĩ đã khiến cố nhạc sĩ Trịnh Công Sơn phổ nhạc theo ý thơ của người bạn thâm giao:

*"Còn hai con mắt khóc người một con
còn hai con mắt một con khóc người.
Con mắt còn lại nhìn cuộc đời trôi
nhìn tôi lên cao nhìn tôi xuống thấp.
Con mắt còn lại nhìn cuộc tình phai
Tình trong hai tay một hôm biến mất.
Con mắt còn lại là con mắt ai
con mắt còn lại nhìn tôi thờ dài."*
(Con Mắt Còn Lại - TCS)

Tôi bắt đầu cận thị từ 11 tuổi. Đến năm qua Mỹ 15 tuổi mắt tôi đã 6 độ mà lại còn loạn thị nữa (*astigmatism*). Cặp kính làm ở nước nhà từ mấy năm trước lúc đấy vừa chật lại nhìn không được rõ mấy, nhưng cặp kính là gia tài quý giá nhất của tôi lúc ấy. Cũng vì nó mà xém tí tôi bị bỏ rơi lại trên đảo Phú Quốc, lạc mất gia đình lúc chạy loạn, chỉ vì bị dòng người xô đẩy chen nhau lên tàu làm vắng cặp kính xuống đất. Đang nắm tay đứa em ngay đằng sau Mẹ tôi cùng dòng người lũ lượt theo nhau đi. Tôi không buông tay em nhưng nhất định ngồi bệt xuống nền đất tay quờ quạng tìm cặp kính. May cho tôi, nó rơi ngay xuống đất, kề bên chân phải. Lượm được cặp kính đeo trở lên mặt, cái gọng giờ méo xệch nhưng không sao, một tay nắm chặt tay đứa em trai, một tay giữ lấy gọng kính trên mặt... Bóng dáng Bố Mẹ và mấy em chỉ một tích tắc đó thôi mà bấy giờ đã xa khuất không còn thấy đâu nữa. Dòng người tiếp tục đổ xô lên boong tàu, đưa hai chị em tôi cùng lớp sống người tị nạn nhốn nháo chung quanh theo lên. Cả nửa ngày sau hai chị em mới tìm được gia đình trên một góc chiếc chiến hạm định mệnh của Mỹ đưa dòng người tị nạn phiêu bạt ra khơi đến khung trời nào đó, lúc ấy không ai hay biết.

Đến trại tị nạn Fort Chaffee, những ngày chờ đợi được cơ quan từ thiện nào đó bảo lãnh gia đình, tôi được đưa đi khám mắt tại trại tị nạn và một cặp kính mới tinh do ông bác sĩ thiện nguyện viên biếu tặng; cả một bầu trời sáng sủa mở rộng tầm nhìn, mọi vật đều lạ lẫm sáng tốt, cơ hội tận hưởng những cái đẹp vĩnh hằng của tạo hoá thiên nhiên vũ trụ bao la bát ngát. Thế mới biết thương cho những kẻ đi mù bất hạnh phải chấp nhận cuộc đời không ánh sáng, hoàn toàn chìm trong bóng đen sâu thẳm phủ kín bao trùm chung quanh họ.

Sau này khi bà sponsor thân yêu như người mẹ thứ hai của tôi, vào dịp sinh nhật thứ 17 của tôi, đã hỏi tôi muốn quà sinh nhật gì. Bao nhiêu ngày trước đó, tôi đã biết thế nào bà cũng hỏi, và tôi cũng biết chắc mẩm một trăm phần trăm mình muốn gì, chỉ còn chờ cơ hội câu hỏi đưa ra thôi. Và quà sinh nhật năm ấy là cặp contact lenses thay thế cho gọng kính to ám dày cộm hơn 6 độ cận và loạn thị của tôi. Thời đó làm gì có loại kính áp tròng mềm dẻo thịnh hành như bây giờ (*soft contact lenses*) để cho người cận nặng và loạn thị như tôi đeo. Nhưng đã nhất quyết bằng bất cứ giá nào tôi phải thích nghi với contacts, nhất quyết không chịu đeo kính nữa.

Cặp contacts đầu tiên của tôi là loại PMMA, tức là loại plastic cứng. Bảo đảm rất ít người Việt mình có cái kinh nghiệm đeo loại contacts này. Nếu có ai đã có cơ hội mang gas-permeable semi-rigid contact lenses thì mới cảm thông được cái nỗi khổ của tôi lúc ấy.

Cứ thử tưởng tượng họ để hai miếng ve chai - YES ve chai - nhỏ xíu bằng cái móng tay út, mỏng hơn cái móng tay nữa nhưng cứng ngắt như cái móng tay đó vào hai con mắt đi mù của mình, và biểu mình nhìn ra ngoài... như là một phép lạ tuyệt vời, wonderful miracle... nhìn thấy tất cả, rõ mồn một... NHƯNG... chỉ một cái chớp mắt, người giật bắn lên, đau điếng còn hơn hai con mắt bị gai đâm. Lúc đấy tôi còn nhớ miệng thì la hét vào tai cô technician "take it out, take it out" (lấy nó ra, lấy nó ra), tay thì quờ quạng phui lia phui lia, mắt nhắm nghiền đau đớn không dám mở hé hé nữa là đằng khác. Cô y tá chắc cũng quá quen thuộc với cảnh này, cô nắm lấy hai tay tôi cho ông bác sĩ vạch mắt nhỏ hai giọt thuốc gì đó vào mắt (sau này làm bác sĩ rồi tôi mới



biết là proparacaine, một loại thuốc gây mê dùng cho mắt). Sau đó thì okay, mọi việc tốt đẹp, tôi thấy đường, và mắt hơi tê tê không còn đau nhiều như lúc này. Bác sĩ bắt đầu giải thích, nào là mỗi ngày chỉ được đeo nửa tiếng và tăng dần thêm nửa tiếng mỗi ngày. Cũng phải hai ba tuần mới có thể đeo luôn cả ngày... Ông dài dòng văn tự dạn dò đủ mọi chuyện, trong khi đó thuốc tê đã hết hiệu nghiệm, gai lại đâm thủng mắt nữa rồi, nhưng lần này ông nhất định không nhỏ thêm "thuốc tiên" vào mắt tôi, cho dù tôi năn nỉ muốn gậy lưởi. Họ dạy tôi cách lấy ra để vào rất nhiều lần thuần thục sau đó.

Nhưng mầu nhiệm thật, mỗi ngày thêm được nửa tiếng, ráng hết sức bình sinh với đầy kiên nhẫn, bền chí, cần cù, chịu đựng... hay cũng có thể nói là nhờ cái tính ngang bướng "ta nhất định không chịu thua ai, contact lenses ơ"... Sau hai tuần tôi trở lại văn phòng bác sĩ hiện ngang với cặp PMMA Hard Contacts trong mắt mình được tám tiếng đồng hồ. Ông bác sĩ vỗ vai tôi, gờ ngón tay cái lên ra chiều đắc ý "my best patient" (bệnh nhân ngoan giỏi nhất của tôi). Sau này trở thành đồng nghiệp, ông vẫn thường nhắc với bạn bè cái ngày đầu tiên đeo contacts của tôi.

Và cũng nhờ cặp contacts đầu tiên đó đã đưa tôi vào ngành bác sĩ mắt sau này. Chưa đầy một tháng sau khi đeo contacts, lúc ấy cũng chưa được quyền đeo hơn tám tiếng nên đi học về là lật đặt tháo ra, không phải vì bị gai đâm nữa, nhưng tại lúc đó mình ngây thơ, họ dặn dò không quá tám tiếng, đời nào tôi dám không vâng lời, lẽ họ biết mình ăn gian, họ lấy mắt cặp contacts lại là tiêu đời nhà mình. Một buổi chiều sau giờ học, tôi đang lui cui tháo contacts ra, cái bên mắt phải đã được rửa sạch sẽ nằm gọn trong hộp, cái bên trái vừa nhích mắt lấy nó ra thì bị xẩy khỏi tay văng đâu mất. Hoàng hôn, tàn đời rồi, chết mất thôi, ăn nói làm sao với ông bác sĩ, với cô y tá, với bà sponsor, với bố mẹ? Đeo cặp kính đầy cui vô nhìn dáo dác khắp vòng quanh cái bồn rửa mặt, trời ơi... cái miếng ve chai nhỏ xíu màu

xanh nhạt của tôi biến mất tiêu không thấy đâu hết... Nước mắt đã chảy dài, vừa sợ, vừa tiếc, vừa lo... tôi cố động thẳng em trai vào phụ tìm, nó cũng mù không kém gì tôi nhưng nó chưa đủ tuổi đeo contact lenses.

Bạn có biết không cái miếng ve chai cắc cớ mà quý giá đó, nó rơi tọt xuống ống tháo nước và đang nằm chênh vênh trên cái ống dẫn nước nóng bên dưới. Chỉ cần đụng nhẹ thôi là nó sẽ lăn cù xuống biến mất vào trong cái drain pipe. Hai chị em thấy được nó rồi, bắt đầu một công cuộc "cứu độ" cái miếng ve chai quan trọng và là động cơ chính cho cuộc đời và sự nghiệp bác sĩ của tôi từ đó.

Đôi đứa ăn cơm nhà Việt Nam nào chẳng có, lúc này quý còn hơn vàng; con cái dòng giống tiền rỗng Việt Nam cũng không kém phần thông minh. Hai chị em chấp hai đôi đứa với nhau xuyên qua lỗ tháo nước trong bồn rửa mặt, cột giấy thun cho chắc, để giữ cái miếng ve chai ở vị trí an toàn dưới đó... cả một công trình kiên cố vững chắc, phải chi thời đó có camera phone để chụp cái hình làm kỷ niệm. Rồi cứ vài phút tôi phải nhỏ một giọt saline (nước rửa contacts) để cho miếng ve chai của tôi đừng có khô teo lại mất thì uống công. Như thế cho đến 6 giờ chiều bố tôi về tháo tung cái ống dẫn nước bên dưới bồn rửa mặt để cứu miếng ve chai của tôi. Ôi, thương bố biết chừng nào!

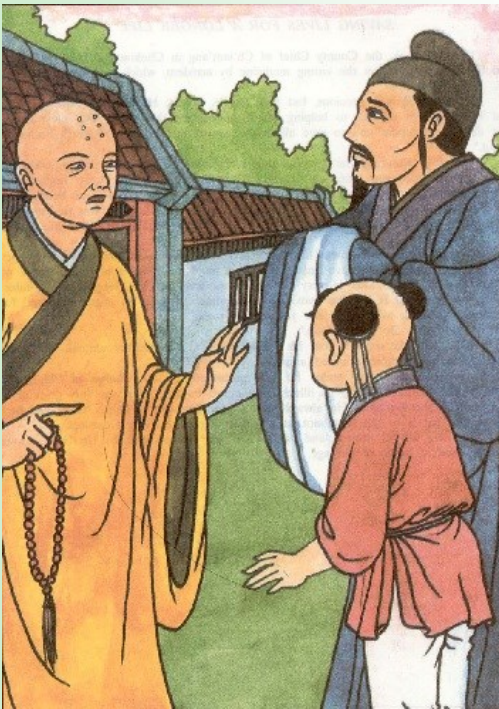
Tối hôm ấy ngay tại bữa cơm gia đình đầy đủ bố mẹ anh chị em, tôi đồng dục tuyên bố: "Thưa bố, thưa mẹ, con quyết định mai này học làm bác sĩ mắt." Mẹ tôi sụt sùi cảm động: nhà bầy cặp kính cận rồi, còn hai đứa em út lúc ấy còn bé quá chưa đeo kính, nhưng sau này cũng cận tuốt, nên từ bố mẹ, xuống đến bảy đứa con, rồi dâu rể, sau này thêm thế hệ thứ ba đám con đám cháu, sơ sơ hai mươi mấy cặp mắt đui mù cần kính hay contact lenses nội trong gia đình thôi. Mẹ tôi nhìn xa thấy cái lợi lạc trong nhà có bác sĩ mắt là vậy.

Thời đã đông dài, không khéo lạc đề. Nhưng loạt bài viết về mắt sẽ còn tiếp tục cống hiến đến quý vị vì tuy chỉ có hai con mắt thôi mà lắm thứ để nói để bàn lắm cơ.

Nói thêm một chút chuyện mắt: bạn có biết... loại nhện tarantula của Nam Mỹ có đến tám con mắt; loài giáp xác tôm bọ ngựa (mantis shrimp) có cặp mắt phức tạp nhưng hữu hiệu nhất trong thế giới loài vật; mấy chú cú vọ sống mỗi ban đêm giỏi nhất vì mắt chúng nhìn trong bóng đêm cả trăm lần hơn mắt người; một loại mực khổng lồ (colossal squid) có mắt đường kính 30cms, to hơn cả cái đĩa ăn cơm; con chuồn chuồn (dragonfly) có mắt to nhất so với tỷ lệ thân thể nó, và nó có thể nhìn 360 độ chung quanh cùng một lúc; và thú vật cũng bị cận thị như loài người. Con chó nhà hàng xóm cứ hay tông vào bụi cây, một hôm tôi đem đồ nghề và thuốc cycloplegia ra thử nghiệm, anh chàng cận đến gần 4 độ, nhưng tôi nói ông hàng xóm chừng nào ông dạy nó lái xe được tôi mới cho nó đeo kính.

BS Đỗ Châu Oanh





Fate Can Be Changed

Yuan Liuchuang was an expert fortune-teller. He could tell a person's fate from the lines on his palm or the shape of her nose. Once a very powerful government official brought his son to Yuan to have his fortune told. Yuan knew immediately that a few years later, the little boy would die. He told the official.

Of course the official was heart-broken. On his way home, he ran into a monk, who asked, "Why do you look so sad?" The official explained that he had just had bad news from a fortune teller.

The monk examined the little boy and looked into his fate. He told the boy's father, "The only way to save your little boy is through hidden virtue, but there not always chances to do good. If you wish to build hidden virtue, the most convenient way is through releasing animals. That way you can build hidden virtue, which will protect your son."

Right away, the official made up his mind never to kill again and to release trapped animals. He worked hard for several years, but when he saw the monk again, the monk said, "Not enough! You have not created enough good karma, so you still can't save your son."

The father worked even harder to save animals. Whenever there was an opportunity to do something for others, man or beast, he was the first to donate time and money. In this way, he saved innumerable lives, and when his son reached the year in which he was fated to die, he lived and grew into a fine young man.

Yuan Liuchuang heard about this. From then on, whenever he saw that someone's fortune as bad, he told that person to do good and to save lives. In this way, many people who should have died miserably lived long lives, and many people who should have been poor became rich instead.

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

LÒNG THƯƠNG YÊU SỰ SỐNG

Người dịch: **HT. THÍCH TRÍ CHƠN**

Nguyên tác: THE LOVE of LIFE by **G. B. TALOVICH**

Vận Mạng Có Thể Thay Đổi

Viên Lưu Trang là một nhà tướng số danh tiếng. Nhìn chỉ tay hay cái mũi của một người nam hoặc nữ, ông có thể đoán biết trước vận mạng tương lai của họ. Một hôm có một vị đại thần dắt con đến nhờ ông xem tướng. Viên Trang coi tướng xong biết đứa bé này vài năm sau sẽ chết. Ông liền bảo cho vị quan kia hay.

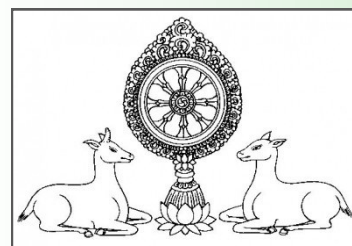
Nghe nói vậy, vị quan ấy rất đau khổ. Trên đường về nhà ông đến gặp một vị sư. Vị tăng hỏi: "Có việc gì xảy ra mà trông ngài sầu não như thế?" Vị quan đáp rằng ông vừa mới nghe nhà tướng số báo cho biết một tin chẳng lành.

Hòa Thượng liền xem tướng đứa nhỏ để tìm hiểu vận mạng của nó. Ngài nói với cha em bé: "Chỉ có phước đức mới cứu được mạng sống của cháu. Nhưng cơ duyên làm phước không phải dễ. Nếu ngài muốn có phước đức thì cách tốt nhất là nên phóng sinh. Tạo phước đức bằng hành động thiện không giết hại sinh vật mới có thể bảo vệ mạng sống cho con ông."

Nghe lời Hòa Thượng, vị quan kia liền phát nguyện không bao giờ sát sanh mà lại còn phóng sanh. Ông tinh tấn làm lành như vậy được ít năm; sau đó gặp lại cha con ông, Hòa Thượng bảo: "Chưa đủ! Ông cố gắng tạo thêm nhiều thiện nghiệp nữa mới có thể cứu được mạng sống của con ông".

Viên quan lại nỗ lực cứu thoát nhiều sinh vật nữa. Khi gặp dịp làm phước giúp đỡ ai, người cũng như thú vật; ông luôn luôn sẵn sàng đóng góp thời giờ lẫn tiền bạc. Nhờ vậy, viên quan đã cứu độ vô số sinh linh, và người con đến năm bị chết yểu nó vẫn sống và biến đổi trở thành một thanh niên khỏe mạnh.

Nhà tướng số Viên Lưu Trang biết sự việc này. Từ đó về sau, mỗi khi coi thấy người nào có vận mạng xấu, ông liền khuyên bảo họ nên cố gắng làm việc phước đức và đừng bao giờ sát sanh. Nhờ tu nhân tích đức mà nhiều người đáng lý sẽ phải chết sớm khổ đau, họ lại sống trường thọ; nhiều kẻ nghèo khó trở nên giàu sang.



PHẬT PHÁP VÀ TUỔI TRẺ

DHARMA FOR CHILDREN
PHẬT PHÁP CHO TRẺ EM

Authors (Tác giả): Jing Yin, Ken Hudson & W.Y. Ho

Illustrations (Minh họa): Yanfeng Liu

Biên soạn và chuyển ngữ: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

5
BUDDHIST STORIES
CHUYỆN PHẬT GIÁOKisa Gautami
SUFFERING

Kisa Gautami was a young woman from a rich family who was married to a wealthy merchant. When her only son was about a year old, he suddenly fell ill and died. Overcome with grief, Kisa Gautami took the dead child in her arms and went from house to house asking people if they knew of a medicine that could restore her child's life. Of course no one was able to help her. Finally, she met a follower of the Buddha, who advised her to see the Buddha.

When she carried the dead child to the Buddha and told him her sad story, he listened with patience and compassion. He said to her, "There is only one way to solve your problem. Go and get me five mustard seeds from any family in which there has never been a death."

Kisa Gautami set off to look for such a household but without success. Every family she visited had experienced the death of one person or another. At last, she understood what the Buddha had wanted her to find out for herself — that death comes to all.

Accepting the fact that death is inevitable, she no longer grieved. She took the child's body away and later returned to the Buddha to become one of his followers.

The Buddha taught us to recognise that suffering is a fact of life and that no one can avoid it.

Kisa Gautami
KHỔ ĐAU

Kisa Gautami là một phụ nữ trẻ trong một gia đình giàu có, cô kết hôn với một nhà buôn giàu có. Khi con trai duy nhất của cô được một tuổi, đứa trẻ bỗng nhiên bị bệnh và chết. Vì quá khổ đau, Kisa Gautami ôm xác con mình trên tay và đi từ nhà này sang nhà khác để hỏi người ta liệu có phương thuốc nào có thể làm cho con cô ta sống lại. Tất nhiên không một ai có thể giúp đỡ được cô ta. Cuối cùng, cô gặp một Phật tử, người này khuyên cô nên đến gặp Đức Phật.

Khi cô bế đứa con bị chết đến gặp Đức Phật và thưa với ngài về câu chuyện đau khổ của cô, ngài không ngần ngại lắng nghe và thương xót. Ngài nói với cô ta: "Chỉ còn một cách để giải quyết vấn đề của cô.

Hãy đi tìm và đem về cho ta năm hạt mù tạt từ một gia đình nào chưa bao giờ có người bị chết."

Kisa Gautami đi từ nhà này sang nhà khác để tìm nhưng không thành công. Mỗi nhà cô ấy đến thăm đều có một người này hoặc người kia bị chết. Sau cùng, cô hiểu ra rằng Đức Phật muốn cô tự nhận biết rằng cái chết đến với tất cả mọi người.

Chấp nhận sự thật là cái chết không thể tránh khỏi, cô không đau buồn nữa. Cô mang xác của đứa con đi và sau đó trở lại với Đức Phật để trở thành một trong những đệ tử của ngài.

Đức Phật dạy cho chúng ta nhận biết rằng khổ đau là một yếu tố của đời sống và không một ai có thể tránh khỏi cái đó.

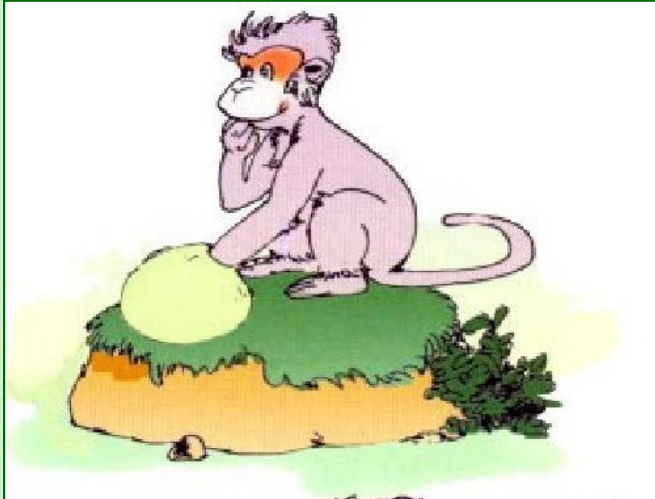
The Monkey Trap
THE CAUSE OF SUFFER

In China, monkeys are caught in a very special way. The trapper first takes a coconut. He then makes a hole on its side just big enough for a hand to go through when it is not clenched into a fist. He then places some peanuts in the coconut and puts it in a spot where monkeys usually visit. Before leaving the coconut behind, he would scatter some peanuts around the coconut.

Sooner or later, a curious monkey would come along. It would first eat the peanuts on the ground. Then, it would find the coconut and see that it is full of peanuts. When it puts its hand into the hole to help itself to the peanuts, it would be unable to withdraw its hand, which is now a fist full of peanuts. No matter how hard it struggles and pulls, it would not get free. It would cry out loud and become very anxious.

All the monkey has to do is to let go of the peanuts to get free, but it would not want to do that. In this situation, the monkey is easily caught by the trapper.

We are like the monkey. We want to be free from suffering, but we are not willing to let go of our desires, which so often get us into trouble.



**Cái bẫy khi
NGUYÊN NHÂN CỦA KHỔ ĐAU**

Ở Trung quốc, những con khi bị bắt một cách rất đặc biệt.

Thoạt tiên người đánh bẫy lấy một quả dừa. Rồi ông ta đục một cái lỗ bên hông vừa đủ cho tay thò vào khi tay không nắm lại. Rồi ông bỏ ít đậu phộng vào trong trái dừa và đặt trái dừa vào một nơi mà khi thường hay tới. Trước khi bỏ trái dừa lại, ông rắc một ít đậu phộng ở chung quanh trái dừa.

Sớm muộn gì một chú khi tò mò sẽ mò tới. Thoạt tiên nó sẽ ăn những hạt đậu phộng trên mặt đất. Rồi nó sẽ tìm thấy quả dừa và thấy dừa chứa đầy đậu phộng. Khi khi thò tay vào lỗ để lấy những hạt đậu, nó sẽ không thể rút tay ra vì tay nó bây giờ đang nắm giữ đầy các hạt đậu. Dù cố gắng để xoay xở và rút tay ra nhưng nó không thể thoát được. Nó sẽ kêu gào lớn tiếng và trở nên rất lo lắng.

Điều các con khi phải làm là hãy buông bỏ các

hạt đậu để được tự do, nhưng nó sẽ không muốn làm điều đó. Trong tình trạng như vậy, khi bị người đánh bẫy tóm bắt dễ dàng.

Chúng ta giống như con khi. Chúng ta muốn thoát khỏi khổ đau, nhưng chúng ta lại không muốn buông bỏ những ham muốn của chúng ta, những ham muốn đó thường gây cho chúng ta nhiều rắc rối.

(to be continued...)

DHAMMAPADA



Verse 273: Of paths, the Path of Eight Constituents is the noblest; of truths, the Four Noble Truths are the noblest; of the dhammas, the absence of craving (i.e., Nibbana) is the noblest; of the two-legged beings, the All-Seeing Buddha is the noblest.

Verse 274: This is the only Path, and there is none other for the purity of vision. Follow this Path; it will bewilder Mara.

Verse 275: Following this Path, you will make an end of dukkha. Having myself known the Path which can lead to the removal of the thorns of moral defilements, I have shown you the Path.

Verse 276: You yourselves should make the effort; the Tathagatas (Buddhas) only can show the way. Those who practise the Tranquillity and Insight Meditation are freed from the bond of Mara.

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

CHÍ TÂM PHÁT NGUYỆN, CẢM ỨNG MƯỜI PHƯƠNG
TỊCH TỊNH TRANG NGHIÊM, THÀNH TỰU THÁNH ĐẠO*Tịnh Minh* soạn dịch theo *Pháp Thoại Pháp Cú*

Truyện kể rằng tại Vương-xá có một tín đồ Bà-la-môn, húy Đại Trác (Mahāsena), cha của Trưởng lão Xá-lợi-phất. Một hôm, trên đường khát thực, Trưởng lão chợt nghĩ đến cảnh cơ hàn của cha mình mà bùi ngùi thương cảm, hai tay ôm bát theo nhịp bước thiền hành thẳng đến trước nhà lúc nào không hay. Thoáng nhìn thấy con, Đại Trác bối rối, thầm nghĩ: “Thương quá!... Lấy gì bố thí cúng dường. Con ơi, chỉ có trời mới hiểu được cảnh khốn khó của cha.” Ông đảo mắt nhìn căn nhà trống trơn rồi lách mình ra vườn sau dấu mặt.

Mấy hôm sau, nhân khóa lễ cầu kinh Bà-la-môn, ông nhận được một tô cháo trắng với một khúc vải thô; thế là ông liền nghĩ đến nếp sinh hoạt phạm hạnh thanh bần của người con. Và kỳ diệu thay, chính lúc đó Trưởng lão đang nhập định nhưng cũng bất gặp ngay thiện niệm của phụ thân. Sau khi xá thiền, Xá-lợi-phất khoác y, ôm bát, trực chỉ đến trước cửa nhà của thí chủ. Vừa thấy Trưởng lão, Đại Trác lòng vui phơi phới, vội chạy ra đưa Trưởng lão vào nhà ngồi nghỉ, đoạn ông đích thân bưng tô cháo đến trước Trưởng lão, nói rằng:

“Mong Trưởng lão nhận nơi đây lòng quý trọng và thương yêu vô hạn.”

“Thiện tai! Thiện tai!” Xá-lợi-phất chỉ nhận nửa phần cháo, rồi đưa tay che bát ra hiệu nhường phần còn lại cho phụ thân.

“Xin Trưởng lão độ hết, và cầu nguyện cho ta kiếp sau được an lành hạnh phúc.”

Đại Trác sốt hết cháo vào bình bát. Trưởng lão im lặng, chú nguyện và thọ thực ngay tại chỗ.

Sau đó thí chủ hai tay nâng khúc vải lên, phát nguyện:

“Trưởng lão, ước gì mai kia ta cũng ngộ đạt chân lý như Trưởng lão.”

“Hẳn là như vậy, này thí chủ Bà-la-môn.”

Trưởng lão đứng lên, ngỏ lời hồi hướng công đức và trở về Kỳ Viên.

Đại Trác tiễn Trưởng lão ra sân mà đầu óc cứ lâng lâng như đi trên mây gió. Đúng là:

Thấy con đạo nghiệp vương tròn,

Đời cha dù có héo hon cũng đành.

Ít lâu sau, Đại Trác qua đời, thác sanh vào gia đình của một cặp vợ chồng Phật tử thuần thành, hết lòng cung kính và hỗ trợ Trưởng lão Xá-lợi-phất đang an trú tại Xá-vệ. Từ lúc cần thai, người vợ đã phát tâm rằng, đến thời khai hoa nở nhụy, nàng sẽ cung thỉnh Trưởng lão và năm trăm Sa-môn đến nhà thọ lễ trai tăng và đặt tên cho cháu. Biết rõ thiện nguyện của vợ, người chồng rất mực hân hoan, chăm sóc từng miếng ăn giấc ngủ cho mẹ con thai nhi để được ngày ngày an vui, tăng trưởng.

Và rồi, sau chín tháng cưu mang, ôm ấp hoài vọng, nàng đã hạ sanh được một bé trai bụ bẫm vào một sớm mai trời thanh gió mát.

Để ước nguyện được thành tựu viên mãn, sau tuần sanh nở, hai vợ chồng thiết lễ trai tăng nhằm ngày trăng tròn. Và, cũng nhân dịp này, Trưởng lão được thí chủ cung thỉnh đặt tên cho em bé. Nhưng kỳ lạ thay, Trưởng lão vừa khởi tâm chú nguyện thì hài nhi liền đưa hai tay lên khỏi tấm chăn bông, ọ ẹ vài tiếng rồi cất lời trịnh trọng:

“Đây là đạo sư trước kia của ta. Nhờ Ngài mà ta có được cảnh huy hoàng rực rỡ hôm nay. Xin dành lễ và cúng dường Ngài.”

Năm trăm Sa-môn và mọi người nhìn nhau ngơ ngác, nhất là cha mẹ của em bé. Một hiện tượng hy hữu, chưa từng thấy trong đời.

“Bạch Trưởng lão, người mẹ đứng lom khom, run run hai tay nói, xin Trưởng lão thương vợ chồng con đặt cho cháu cái tên. Trời ơi!... Sao con của con mới được một tuần tuổi mà đã biết nói, lại nói Trưởng lão vốn là Thầy của nó. Lạy Phật, con sợ quá!... Hay là... xin Trưởng lão đặt tên

cháu theo húy danh của Trưởng lão, cho cháu được ăn mày chút công đức.”

“Bình tĩnh!” Trưởng lão mỉm cười nói, “cái gì trên đời cũng có nhân duyên với nhau cả. Được rồi, cháu tên là Ti-xa (Tissa), gọi đầy đủ là U-pa-ti-xa (Upatissa).”

Và U-pa-ti-xa chính là tục danh của Trưởng lão Xá-lợi-phất.

Cậu bé mỗi ngày một khôn lớn và trông tú lệ hẳn ra. Khi lên bảy tuổi, một hôm, nhân cả nhà viếng chùa, lễ Phật, rồi sang thăm Trưởng lão Xá-lợi-phất. Trong lúc sư đệ đang hàn huyên tâm sự thì cậu bé nói với mẹ:

“Mẹ ơi, con muốn ở chùa. Con muốn theo Sư ông.”

“Không được!” Người mẹ nói nhỏ vào tai con, “Con còn nhỏ. Ở chùa ai chăm sóc cho con, nhất là cái tội... con biết tội gì hôn?... Tội làm ướt giường ướt chiếu ban đêm đó!”

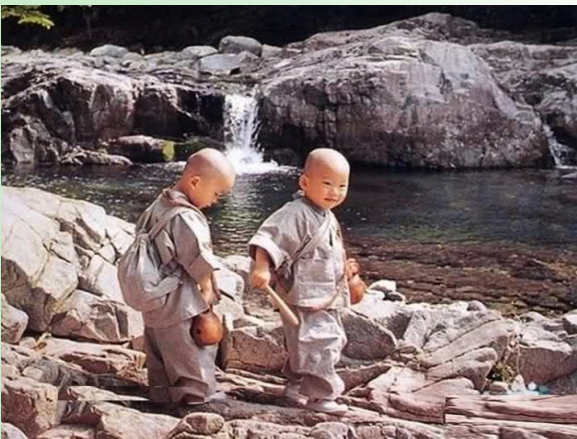
“Nhưng con ở chùa thì tự nhiên nó hết.”

“Hay nhỉ!” Người mẹ ngạc nhiên trước câu trả lời dứt khoát của con, bèn liếc nhìn chồng, và thưa với ngài Xá-lợi-phất:

“Bạch Trưởng lão, bỗng dưng cháu nói muốn theo Trưởng lão. Cháu muốn xuất gia.”

“Thật sao!... Ở chùa khổ lắm con ơi. Trưởng lão kéo Ti-xa đến trước mặt nói. “Giữa cảnh thiền môn, khi con muốn êm đềm hạnh phúc thì chỉ thấy buồn giá cơ hàn, còn khi con muốn buồn giá cơ hàn thì chỉ thấy êm đềm hạnh phúc. Ngược xuôi đảo lộn, tình cảnh dị thường. Vì sao? Vì người đời thì thuận dòng xuôi bến, còn tu sĩ thì bạt thủy nghịch lưu. Nếp sống tu hành thường đơn cô tịch thách thức như bóng dáng lẻ loi của những tay leo núi, trơ vờ sừng sững trên vách đá gồ ghề: phải gian nan vất vả, bền chí kiên cường mới đến đích, còn lệch chân sẩy tay là toi ngay thân mạng. Con thì thuộc dạng cành vàng lá ngọc, làm sao đương đầu với bão tố phong ba, cô thân chích bóng!”

Trưởng lão nói với em bé như tâm sự với một người trí thức



trưởng thành.

“Dạ... con sẽ chu toàn bốn phận theo lời chỉ giáo của Sư ông.”

“Thiện tai! Thiện tai! Vậy thì kể từ giờ phút này con là thành viên của thiền môn.”

Cậu bé liền được quy y thọ giới, mang pháp danh Thiện Nguyên, và được Thế Tôn trao cho một chủ đề thiền quán về ngũ uẩn, gồm hình sắc, cảm thọ, tri giác, tâm hành và nhận thức; đặc biệt là chiêm nghiệm về sự bất tịnh của sắc thân.

Sau đó cha mẹ của Thiện Nguyên đành lễ Tam bảo rồi ra về, còn chú Sa-di bé nhỏ kia hãnh diện khoác lên mình tấm pháp y màu nghệ, trông đường bệ và dễ thương như một chú sư tử con đang ung dung tự tại giữa cánh rừng thân thương quen thuộc.

Trong khi Thiện Nguyên tu tập tại Kỳ Viên, anh em huynh đệ cùng trang lứa thường lui tới nô đùa và trò chuyện với chú. Thấy nếp sinh hoạt thiền môn có phần trở ngại, Thiện Nguyên đến đánh lễ Đức Thế Tôn, trình bày quyết tâm viễn ly tịch tịnh, và được Thế Tôn hoan hỷ, nhắc lại yếu chỉ thiền quán về ngũ uẩn cho hành giả hạ thủ công phu. Thiện Nguyên sang đánh lễ Trưởng lão y chỉ sư, tác bạch thiện chí, rồi một mình thẳng đến rừng Khổ hạnh.

Một sớm mai nọ, Thiện Nguyên vào làng khất thực. Thấy tướng mạo đoan trang, dung nghi đỉnh đặc của một chú tiểu khác lạ, dân chúng cảm mến, đưa nhau cúng dường rất nhiều lễ vật cho chú. Để đáp lại công đức của bá tánh thập phương, Thiện Nguyên ngỏ lời hồi hướng:

Nguyện cầu thí chủ an khương,

Thoát ly khổ lụy, tuyệt đường tử sinh.

Và chỉ sau ba tháng an cư, Thiện Nguyên chứng quả A-la-hán,

với thần thông quảng đại, pháp lực siêu quần.

Bấy giờ, cũng sau ba tháng an cư, Trưởng lão Xá-lợi-phất đến vãn an Đức Thế Tôn, đánh lễ Ngài và ngỏ ý muốn viếng thăm Thiện Nguyên. Thế Tôn hoan hỷ. Trưởng lão sang chào pháp lữ Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, và thế là ba Trưởng lão cùng với năm trăm Sa-môn lên đường, hướng thẳng đến Khổ hạnh lâm.

Được Phật tử báo tin Tăng đoàn sắp đến, Thiện Nguyên rất vui mừng, ra tận lễ rừng nghinh tiếp tôn Sư.

Thấy những nếp y vàng lấp lánh dưới ánh trời chiều, dân chúng hân hoan rủ nhau kéo đến rất đông, mục đích là chiêm ngưỡng Tăng đoàn và được nghe pháp thoại.

Lúc đó màn đêm dần dần buông xuống, cảnh vật vắng vẻ hoang sơ, Trưởng lão Xá-lợi-phất khuyến Phật tử và dân chúng ra về, nhưng họ khăng khăng muốn nghe pháp thoại. Không nỡ phụ lòng thâm tín Tam bảo của Phật tử, Trưởng lão cho đốt đèn đuốc lên, và bảo Thiện Nguyên thuyết pháp. Nhưng hầu hết Phật tử đều lên tiếng:

“Kính bạch Trưởng lão, tiểu Tăng của chúng con không biết thuyết pháp, chỉ biết chú nguyện hai câu đơn giản như sau:

Nguyện cầu thí chủ an khương,

Thoát ly khổ lụy, tuyệt đường tử sinh.”

“Nhưng làm thế nào để được an khương, để được thoát ly khổ lụy, để được tuyệt đường tử sinh.” Ngài Xá-lợi-phất nói. “Phải có lý thuyết và thực hành chứ! Nào, Thiện Nguyên! Hãy thuyết giảng và lý giải tường tận cho thính chúng.”

Theo lời Trưởng lão, Thiện Nguyên lên ngồi trên một pháp tòa bằng cỏ, được đan kết giản dị giữa một khoảng đất trống, rồi cất lời trầm hùng thanh thoát với chủ đề thiền quán về ngũ uẩn mà chú đã ăn cần tiếp nhận từ Đức Thế Tôn:

“Này thiện nam tín nữ, này chư Phật tử có duyên với Tăng lữ thiền môn, hân quý vị đều biết rằng trong chúng ta ai ai cũng có thân bệnh và tâm bệnh. Thân bệnh phần lớn là do ảnh hưởng của thời tiết và cung cách sinh hoạt thái quá của mỗi người; còn tâm bệnh thì bắt nguồn từ sự bất an của các trạng thái tâm lý. Thân bệnh thuộc về sắc; tâm bệnh thuộc về thọ, tưởng, hành và thức. Chúng ta

thường bị khổ não về tâm bệnh nhiều hơn là về thân bệnh. Vì sao? Vì lúc nào ta cũng mang nặng ý niệm về ta và của ta. Nhưng ta và của ta là những khái niệm giả danh, không thật, không có tự tánh, không nắm bắt được, không thiết lập được. Những nhận thức sai lầm này nếu phát sanh trong tâm ta thì chúng sẽ kết thành những triền sử. Và triền sử là những sợi dây vi tế, bền chắc, trói buộc và dẫn dắt ta đi theo những lộ trình đầy dẫy chông gai, hiểm nguy và đọa lạc. Nói chung, nhận thức sai lầm càng sâu, đau thương khổ lụy càng dày. Nhưng qua sáu đối tượng (sắc, thọ, tưởng, hành, thức và thể giới) mà ai không thấy cái ta và cái của ta thì người ấy sẽ không bị vướng mắc vào những ràng buộc của cuộc đời. Vì không vướng mắc cho nên không hoảng sợ, và không hoảng sợ thì được thông dong tự tại, tịch tĩnh niết bàn. Vị ấy biết chính xác rằng mình đã lập được cống rãnh, vượt qua mương hào, phá vỡ thành lũy, mở tung xiềng xích và hội nhập thánh trí. Vị ấy không còn luân hồi sanh tử. Vị ấy đã ngộ đạt chân lý thực tại.”

Thính chúng hân hoan vỗ tay vang cả cánh rừng, tán thán:

“Sa-di Thiện Nguyên tính tình điềm đạm, ít nói, nay bỗng đứng lợi khẩu hùng hồn. Thế mới biết sức mạnh của tập thể Tăng đoàn!”

Trưởng lão Xá-lợi-phất cùng đại chúng rất vui mừng về trí tuệ bùng sáng và đạo nghiệp viên thành của sư Thiện Nguyên.

Sáng hôm sau, dân làng thiết lễ trai phạn, cúng dường Tăng đoàn, rồi lưu luyến tiễn họ lên đường trở về Kỳ Viên thăm Đức Thế Tôn.

Sau ba tháng an cư xa cách, thầy trò nay lại đoàn tụ trong bầu không khí thăm tình thiền môn, đạo vị.

Rồi một buổi mai, Thế Tôn hướng dẫn Tăng đoàn và Thiện Nguyên thiền hành lên trên một đỉnh núi cao, bốn bề bát ngát với đại dương bao la. Thế Tôn hỏi:

“Thiện Nguyên, đứng trên đỉnh núi cao này, con nhìn thấy những gì nào?”

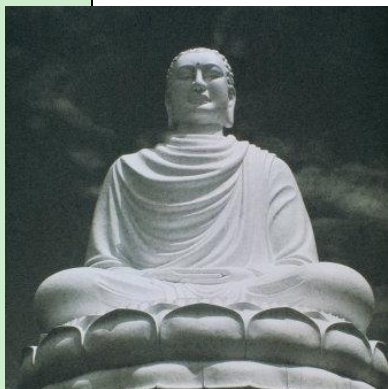
“Bạch Thế Tôn, con chỉ thấy biển cả mênh mông và trời cao lồng lộng.”

“Khi nhìn biển cả, đầu óc con có nảy sanh ý niệm gì không?”

“Có ạ! Bạch Thế Tôn. Tự đứng con cảm thấy nước mắt của con, trải qua vô số kiếp sanh tử luân hồi, đã trào ra còn nhiều hơn nước của bốn biển đại dương.”

Nhớ Phật khi đang làm việc

thơ



*Ngài an nhiên bất động
Mà lồng lộng muôn phương
Bao la như đại dương
Thương chúng sanh trầm mịch*

*Vô ngại, vô quái ngại
Nhà lửa đàn con đại
Chỉ đường ly khổ ải
Nhất thừa pháp không hai*

*Từ thâm sâu tịch tịnh
Xuất đại định độ đời
Gương đức hạnh sáng ngời
Trí tuệ thâm như hải*

*Thiên - non qui kính Ngài
Thiện thế, Thế gian giải
Đông, tây, kim, cổ bái
Về nương tựa Như Lai.*

ĐỒNG THIÊN

Forest Park, Nov. 2012

"Đúng thế! Đúng thế! Thiện Nguyên. Theo dòng duyên nghiệp quay cuồng trong tam đồ lục đạo, nước mắt của con đã tuôn chảy nhiều hơn là nước của đại hải trùng dương."

Và để dễ nhớ, Thế Tôn tóm lược nội dung theo thể loại niêm vận:

"Giọt lệ nhân gian giăng bốn phương

Nổi theo năm tháng kết miên trường

Nhiều hơn nước biển vờn lai láng

Vọng niệm lên mầm nghiệp vẫn vương."

Thế Tôn lại hỏi:

"Thiện Nguyên, hiện nay con trú ngụ nơi nào?"

"Trong một hang đá tại rặng núi này, bạch Thế Tôn."

"Con có thấy gì không?"

"Dạ... con đã thấy thân mạng con trải qua vô lượng vô biên kiếp sống chết, vùi dập trên dải đất này."

"Thiện tai! Thiện tai! Thiện Nguyên, đúng là như thế. Theo chúng ta biết thì không một chúng sanh nào sau khi mạng vong mà không bị đặt nằm trên trái đất này. Nghe có vẻ phủ phàng thế thâm nhưng sự thật là như vậy."

Ngài cũng tóm tắt nội dung thực tại theo thể kệ thất ngôn:

Mười bốn ngàn dân táng nơi đây

Thân tan cốt rụi lấp vơi đây

Tử sanh luân lạc dòng vô tận

Thánh giả điều tâm thoát lưới vây.

Thế Tôn hỏi tiếp:

"Thiện Nguyên, khi nghe tiếng cạp beo và những loài dã thú khác

gầm rú trong cánh rừng này con có sợ không?"

"Không những không sợ mà còn yêu quý cánh rừng vô hạn, bạch Thế Tôn."

Sau đó Thiện Nguyên ứng khẩu đọc sáu mươi bài kệ ca ngợi cánh rừng. Thế Tôn và đại chúng nức lòng hoan hỷ về tâm trí rục rờ của chú Sa-di tuổi vị thành niên.

Đoạn Thế Tôn nói:

"Thiện Nguyên!"

"A Di Đà Phật, Thế Tôn gọi con."

"Thầy sắp đi đây. Con muốn theo Thầy hay trở về hang động?"

"Dạ... Thế Tôn cho con theo thì con đi, Thế Tôn bảo con về thì con về."

Trưởng lão Xá-lợi-phất đọc được ý niệm của Thiện Nguyên, bèn nói:

"Thiện Nguyên, nếu con muốn về thì hãy về đi!"

Thiện Nguyên đành lễ Thế Tôn và Tăng đoàn rồi ra về, còn Thế Tôn và Tăng thân thì trở lại Kỳ Viên.

Tối hôm đó, đại chúng họp nhau trong chánh điện, luận bàn về khẩu khí xảo diệu của chú đệ tử khác thường:

"Các thầy nghĩ xem, Thiện Nguyên quả thật vĩ đại và hiếm có trên đời!" Một Trưởng lão cao niên nói. "Có ai bảy tuổi xuất gia làm đệ tử, bảy ngày tu tập tại chùa, rồi một mình một bóng thẳng đến rừng Khổ hạnh, tu tập chỉ trong một thời gian ngắn đã thành tựu đạo nghiệp: thuyết giảng lưu loát, kinh điển am tường, phong thái đường đường, trí tuệ rục rờ; nhất là đi đến đâu cũng được quần chúng và Phật tử cung kính, cúng

dường sung túc. Hy hữu quá! Hy hữu quá! Và xét cho cùng thì chắc là do túc duyên thiện nghiệp của gia đình Thiện Nguyên đã nhiều đời nhiều kiếp thâm tín chư Phật, hộ trì Tam bảo."

Nghe các sư nhận xét trong chánh điện, Thế Tôn bước vào, ngồi đứng vị trí của mình, tươi cười hỏi:

"Có vấn đề gì mà các thầy luận bàn vui thế!" Rồi không đợi trả lời, Thế Tôn nói tiếp:

"Này các thầy Tỳ-kheo, nghiệm lại mà xem, trước mặt chúng ta có hai con đường. Một đường dẫn đến thế gian: mưu cầu tư lợi; một đường dẫn đến Niết bàn: tịch tịnh an vui. Bốn cánh cửa sanh - lão - bệnh - tử lúc nào cũng mở toang cho những ai thân ở trong rừng mà tâm ngoài phố thị. Bao lâu còn mưu cầu lợi dưỡng, lượn theo lòng người, là bấy lâu còn thay hình đổi dạng, chìm nổi lênh xuống. Còn những ai đi trên lộ trình dẫn đến thánh đạo: viễn ly danh lợi, vô ngại ung dung, vững chãi đoạn trang, cắt bước siêu việt, thì nhứt định sẽ tự tại giải thoát, chứng quả vô sanh."

Ngài đọc kệ:

*"Đường này đến thế gian,
Đường kia đến niết bàn,
Tỳ-kheo đệ tử Phật,
Phải ý thức rõ ràng,
Đừng đắm say thế lợi,
Hãy tu hạnh ly tham."*
(PC. 75)

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

THÚ HOANG

Vĩnh Hảo



Đó không phải là căn nhà hoang. Chỉ vì cái vẻ u tịch thanh vắng của nó mà người ta cảm thấy vậy thôi.

Chung quanh, năm dặm vuông, không một bóng người. Thỉnh thoảng có xe qua lại thì đó là xe của những người ở xa đến cắm trại nơi một công viên tọa lạc cuối con đường chạy ngang trước nhà anh.

Nói “nhà anh” thì nghe kêu quá, vì anh đâu có nhà cửa gì. Anh chỉ là kẻ giữ nhà cho người ta mà thôi. Chủ nhà là chỗ quen biết, tin cậy anh nên mới giao cho căn nhà và thửa vườn rộng thênh thang này. Căn nhà mới mua lại của một gia đình người Mỹ. Chủ mới thì bận công việc ở phố—kinh doanh hay gì đó anh nào biết—lâu lâu mới về ăn một miếng, đánh một giấc, nói chuyện gẫu với anh một chút rồi phóng xe đi. Dĩ nhiên anh khỏi phải trả tiền nhà mà chủ nhà cũng khỏi phải trả tiền thuê cho cái công giữ nhà của anh. Đôi lúc anh cũng thắc mắc rằng ông ta mua căn nhà này làm gì mà không ở. Có lẽ mua để cho thuê, hoặc mua để chờ giá nhà lên thì bán lại kiếm lời. Mua để cho thuê thì chắc là không đúng vì nơi này xa xôi hẻo lánh quá ai mà chịu đến ở. Để bán thì có lý hơn. Nhưng thôi, chuyện người ta anh chẳng muốn xía vào làm gì. Thuê hay bán cũng chẳng ăn nhập gì đến anh cả. Giao kèo bằng miệng giữa anh với chủ nhà là anh sẽ ở đây một năm miễn phí và trách nhiệm của anh là thỉnh thoảng lau chùi trong nhà, tưới sơ ba chậu kiểng ngoài vườn, và có ai gọi điện thoại tới hỏi ông chủ nhà thì nhớ lấy message, tức là nhớ hoặc ghi lại những gì người gọi muốn nhắn lại với ông ấy. Thế thôi, còn chuyện ông mua nhà làm gì thì mặc ông.

Tuy nhiên, không muốn nghĩ tới cũng phải nghĩ. Một người tị nạn mới từ đảo qua còn ăn trợ cấp, chưa vào đại học, rảnh rỗi suy nghĩ đủ chuyện. Mà chuyện trước mắt là chuyện cái căn nhà

mà anh đang sống đây. Chẳng biết chừng căn nhà này có cái gì bất thường—như ma quỷ hay yêu tinh chẳng hạn—khiến chủ cũ bán vội mà đi và chủ mới mua rồi, thấy hổ, chẳng dám ở. Nghĩ vậy, anh cũng thấy ớn ớn. Một mình trong căn nhà sáu phòng ngủ và một phòng khách rộng rinh, anh phải chia cho mỗi phòng được tiếp anh một đêm. Tính luôn một đêm ngủ trên sofa phòng khách thì cũng vừa khít một tuần chạy quanh. Như vậy, mỗi tuần, anh chỉ ngủ trong phòng (mà chủ nhà đã chỉ định như là phòng của anh) một đêm. Chủ nhà chẳng bảo anh ngủ vòng quanh các phòng như thế. Chỉ là ý anh thôi. Có lẽ anh làm vậy để căn nhà, với các phòng, sẽ có vẻ như quen thuộc, xóa đi cái cảm giác nó bị bỏ hoang ít nhất là một thời gian nào đó trước đây. Phòng nào cũng sẽ có hơi người và vết tích của sự sống—dù là sống trong giấc ngủ—phảng phất trong đó. Ngủ lòng vòng các phòng như thế đã gần một tháng mà anh chẳng thấy yêu ma gì. Nhà cửa ở Mỹ mà, tìm con muỗi, con gián cũng khó, nói chi con ma. Mà thôi, đừng nhắc tới chữ MA nữa, thấy ớn quá, anh tự nói với mình như vậy. (lược bớt...)

Dẫu sao, sống một mình giữa một cảnh đẹp và thanh vắng như thế này, anh cũng hài lòng lắm. Có thể nói, hơn mười năm nay, anh mới có được những ngày yên bình như trong thời gian này.

Hôm ấy là một đêm trăng mờ mờ. Anh khoác áo lạnh dạo chơi trong vườn. Trăng lặn trong mây và những cành cây khô vươn lên giữa sương mù như hàng ngàn cánh tay gầy đang cố với bắt nó. Tuyết rơi mấy ngày trước vẫn còn đọng trắng xóa quanh vườn khiến cho bầu trời đêm như được thắp lên bằng thứ ánh sáng huyền ảo của một thiên giới xa lạ nào. Bất chợt, anh cảm thấy quanh mình, những hàng cây khô khẽ lay mình trong đêm lạnh như những tiên nữ khỏa thân tắm trăng, không thoảng e thẹn vì không hay sự hiện diện của một chàng trai hạ giới đang đi những bước chậm và

nhẹ trên mặt tuyết xốp. Anh đứng lặng một lúc lâu trong trạng thái mơ màng kỳ diệu đó, cơ hồ muốn lắng nghe cả tiếng cười đùa của các tiên nữ, và như thể anh e rằng chỉ động bước sẽ làm cho các tiên nữ giật mình biến mất. Nhưng trạng thái đó không kéo dài được bao lâu, anh lại trở về với thực tế rằng anh đang đứng đây, giữa những thân cây trụi lá của một cánh rừng tịch mịch; và dưới bóng trăng mờ, bước chân anh vẫn còn ghi lại những vết tích lắng đọng trên làn tuyết mỏng. Anh thở dài và có thể nghe được nỗi tiếc nuối bằng quơ vương theo tiếng thở đó. Đúng ra, anh nghĩ, tiên nữ mà trần trụi thì chắc là không đẹp. Cũng như người vậy thôi, lỏa thể thì thô quá—không còn để lại một chút gì cho óc tưởng tượng như là người Mỹ thường nói. Chẳng nên chứng kiến một cảnh tượng như vậy. Thế thì anh tiếc cái gì? Có lẽ không phải là tiếc cái gì đó trong phút chốc, bỗng dưng thấy mình như một khách lạ, có mặt trên cõi đời này để tìm lại một cái gì đó bị đánh mất, nhưng chẳng nhớ nổi mình đã đánh mất cái gì. Bận bè, người yêu, gia đình thân thuộc và con người, cả nhân loại này, cũng chẳng có nghĩa gì: chỉ như hàng cây khô hay tiên nữ đùa giỡn dưới trăng mà thôi.

Bỏ nước ra đi, như nhiều người khác, anh tìm tự do, hay đúng hơn, tìm một cuộc sống ổn định cho cả xác lẫn hồn, vì ở quê nhà, mọi thứ đều bấp bênh—bấp bênh từ nơi ăn chốn ở cho đến cả lời nói và ý nghĩ nữa. Anh đã không có những bữa cơm ngon ngồi quây quần với gia đình; không có những đêm ngủ an giấc ngay chính trong ngôi nhà của mình; không có những cuộc nói chuyện cho thật thoải mái với bạn bè thân; không có đủ thời gian để nằm đọc một cuốn sách và cũng không còn sách hay để đọc kể từ khi người ta muốn tắm cho cả nước bằng một màu đỏ loét. Hơn mười năm xác bác xang bang vì miếng cơm manh áo và để được ngủ cho qua giấc từ nhà này sang nhà kia, anh thực chẳng khác gì một kẻ du thủ du thực, hay tệ hơn nữa, một con chó ghẻ lang thang. Anh cho rằng xã hội ruộng bỏ anh. Phải, một xã hội đỏ loét thì không cách chi khứng nhận một tâm hồn xanh lơ. Cái xã hội đó như ngọn lửa hung bạo đốt cháy cả rừng xanh mà anh như một con thú hiền lành phải kinh hãi lẫn tránh. Con thú vùng chạy

bất kể phương hướng, miễn sao tìm được chỗ an toàn mới thôi. Đến khi thực sự thoát khỏi hiểm nguy, con thú mới hoàn hồn và rồi ngơ ngác nhìn cảnh vật chung quanh. Đất an toàn cho một con thú lánh nạn thường khi không phải là cánh rừng cũ từng nuôi lớn bao kỷ niệm. Nơi đó, nó lại bắt đầu cuộc sống mới với những bất toàn khác. Bây giờ, trước mắt con thú, cũng những lùm cây, bụi cỏ, ghềnh đá ẩm rêu, suối chảy róc rách, nhưng mới lạ quá, nào biết đằng sau chúng tàng ẩn những bất trắc gì. Để lánh nạn, con thú đã bỏ lại bầy đàn và hang ổ của nó, hay ngược lại? – Không.

Anh bước vào nhà, khép cửa lại, vừa buông một tiếng “không” thật khô, cùng lúc với tiếng khóa cửa lách cách. “Không phải con thú cố tình bỏ quên bầy đàn của nó, cũng chẳng phải bầy đàn đã bỏ nó. Chỉ vì lửa mà thôi.” Anh nằm dài trên sofa, nói chuyện với mình mà như nói với một người bạn vậy. Giữa đám đông mà nói làm nhảm một mình e rằng người ta cho mình điên. Nhưng ở đây chỉ có anh, tha hồ nói lảm bầm, lảm nhảm và thực là quá cần thiết để nói làm nhảm khi anh đang sống lẻ loi như bây giờ. Anh nằm đó, đốt một điếu thuốc, nhìn khói bay, thấy hồn mình lơ lửng, trống rỗng, và cô đơn khủng khiếp... Nỗi cô đơn này thật khó hiểu vì nó không thúc bách anh đi tìm đối tượng để chia xẻ hay đồng hóa. Nó lấp lửng và cơ hồ muốn đẩy anh vào nỗi khao khát được tan biến đi như làn khói thuốc. Nó là cơn buồn chán đến tận gốc rễ sự hiện hữu của chính mình. Cầm mãi điếu thuốc trên tay mà quên hút, anh lặng yên, lắng nghe một cách thắm thía sự tan loãng của lòng mình vào cõi không. Nhưng bên khung kiếng cửa sổ, anh bỗng nhác thấy một bóng đen động đậy. Cảm giác buồn chán vùng vằng một lúc rồi tan biến, nhường lại cho nỗi sợ và thoáng rung lạnh liềm nhẹ trên da anh. “Gì đây? Té ra cuối cùng rồi cũng gặp ma hay sao?” Anh không vội nhìn ra cửa sổ, dụi nhẹ điếu thuốc trên gạt tàn, cố trấn tĩnh một lúc trước khi nhìn thẳng vào cái gì rờn rợn bên ngoài cửa sổ mà anh có cảm giác đang chăm bằm ngó mình. Trong khi chuẩn bị tinh thần, anh nghe rõ tiếng gõ nhẹ vào cửa kiếng. Tiếng gõ thưa, nhẹ và lịch sự của một con ma hiền không có ý quấy phá hay ác ý gì. Có lẽ nó xin ăn tuyết, vì tuyết đang rơi nhẹ từ khi anh trở vào

nhà. Anh nghe lạnh buốt cả xương sống, lạnh hơn khi lao vào cơn băng giá ngoài trời nữa. Rồi anh quay phắt lại, nhìn thẳng vào bóng đen đó: một con mèo.

Anh đứng dậy, như một quả đấm, xua đuổi nó:

“Tổ cha mày! Làm tao hết hồn.”

Từ bệ cửa sổ, con mèo phóng đi mất dạng. Anh thở phào, ngồi xuống lại, hơi thắc mắc về con mèo. Nó muốn gì đây? Kiểm ăn? Trốn lạnh? Nhà nó ở đâu? Chủ nó đâu? Chắc là mèo hoang. Thôi mặc, lâu nay nó sống được thì bây giờ cũng sống được. Không thể thương nổi một con mèo đã làm mình hoảng vía. Đâu phải anh không biết thương loài vật. Bầy nai, thỏ, sóc thường đùa giỡn trong vườn mỗi sáng không phải đã làm anh thích thú và yêu mến vô cùng đó sao! Nhưng con mèo này thì chẳng thương nổi, nó đã làm anh sợ. Nó to lớn như mèo rừng, đen mun một cách man rợ. Nó mang cái vẻ hiểm ác, tàn bạo, đầy thú tính—hùm, cái thú tính của một con vật đủ bản lãnh để tự sống trong rừng—mà người ta có thể yên tâm không cần phải lo lắng cho nó.

Anh về phòng lấy gối chăn, vào phòng khách ngủ. Cầm sách đọc mà anh chẳng hiểu gì. Xếp sách, nằm trần trọc mãi đến khuya. Tuyết bay phất phơ ngoài cửa kiếng khiến anh chợt hiểu rằng anh không thể yên ngủ khi bỏ một con mèo đói lạnh ngoài trời. Anh vùng dậy, xách đèn bin,

mở cửa ra ngoài. Anh gọi con mèo bằng những tiếng “meo, meo” thân thuộc và tình cảm y như trước đây anh gọi con mèo nuôi trong nhà anh ở Việt Nam vậy. Chẳng mấy chốc, con mèo nghe được tiếng anh, chạy vụt đến. Không sợ hãi, nó quẩn quít bên anh, cạ mình nó vào chân anh tìm hơi ấm. Anh cúi xuống vuốt ve nó một lúc rồi đưa nó vào nhà. Mở tủ lạnh, nhìn trên nhìn dưới, anh chẳng thấy thứ gì cho nó ăn được. Chỉ toàn rau cải, bơ, phó mát và sữa tươi. Anh múc cơm vào một cái đĩa giấy, xít chút nước tương cho nó ăn. Nó chê. Anh rót sữa tươi, nó cũng chê nốt. Anh hâm nóng sữa nó mới chịu liếm sạch. Chắc tại nó lạnh. Sau đó, ôm nó vuốt ve một hồi anh mới dọn chỗ cho nó ngủ cạnh lò sưởi.

Sáng hôm sau, chủ nhà về. Thấy con mèo, ông la inh ỏi:

“Í, cho nó vào đây làm gì! Quen rồi nó ở luôn đó. Thứ quý này dơ lắm, ia đây nhà cho mà xem.”

Anh lật đặt xua con mèo đi. Nó chẳng chịu ra ngoài, cứ chạy lòng vòng trong nhà. Ông chủ xách cây đuổi nó, anh mở sập cửa cho nó ra rồi đóng sập lại. Chủ nhà tiếp tục cảm râm:

“Nuôi đồ quý đó mất công dọn dẹp. Nó phá lắm.”

Lúc đó anh mới giật mình nhớ lại rằng mèo mà phóng uế thì phải biết, thôi đến long óc đi được. May mà đêm qua nó chẳng làm gì bậy bạ. Tuy vậy, anh cũng thấy tội nghiệp cho nó. Chủ nhà



đi rồi, anh lại ra ngoài tìm con mèo, kêu mãi chẳng thấy đâu. Anh vào ga-ra dọn một góc đầy đủ chăn êm nệm ấm cho nó.

Đến chiều, con mèo trở lại. Anh không cho nó vào nhà mà tiếp nó ngoài trời, vuốt ve, nói chuyện với nó. Xong, anh đưa nó đến ga-ra chỉ cho nó biết nơi ăn chốn ở của nó. Anh lại lấy một đĩa cơm trộn chút bơ, chan chút nước tương cho nó. Lần này, nó cũng chẳng chịu ăn. Anh chẳng biết làm gì hơn. Anh ăn sao thì cho nó ăn vậy nhưng con mèo này đòi hỏi quá. Có lẽ nó ăn thịt thà quen rồi. Mèo chó của Mỹ thường có thức ăn riêng của chúng, đóng hộp, vô bao bì, cho nên nó chê đồ ăn của anh là phải. Anh cứ đặt đĩa cơm cạnh chỗ nó nằm rồi đi vào nhà. Con mèo ngoan ngoãn không đi theo anh, có lẽ nó đã biết ý chủ nhà và biết rõ hơn là anh chẳng có thẩm quyền đem nó vào trong.

Sáng hôm sau ra thăm nó, thấy cái đĩa không, anh khoái quá. Và cứ thế, anh cho nó ăn cơm và uống sữa tươi mỗi ngày. Nhìn nó ăn ngon, anh gõ gõ trên đầu nó, nói:

“Vây cũng là sang lắm rồi nghe mày. Mày mà ở Việt Nam thì chỉ được ăn khoai mì thôi, mà cũng chưa chắc là có đều đặn mỗi ngày nữa. Ở Việt Nam tao không được ăn cơm trắng như vậy đâu, mày có biết không!”

Con mèo ngó anh, ra vẻ thông cảm lắm. Ăn xong, nó liếm láp rồi dúi đầu vào lòng anh. Họ đã là đôi bạn thân suốt tuần lễ đó.

Nhưng tuần sau, chủ nhà lại về. Chạy xe vào ga-ra, thấy một đồng hồ nào quăn áo cũ, nào thảm lót dơ và chình ỉnh trên đó một con mèo đen, ông hét:

“Trời, lại con mèo này nữa!”

Ông chưa kịp tìm cây gậy, con mèo đã phóng chạy. Nó thật nhạy cảm, biết ngay là ai chẳng ưa mình. Ông chủ nhà đuổi theo nó đến tận hàng rào sau vườn. Ông chịu khó làm vậy để con mèo mang ấn tượng kinh khiếp là sẽ bị đánh đập hoặc có thể bị giết để nó không còn dám bén mảng trong sân nhà ông nữa. Anh chẳng biết nói sao, đành chịu lỗi với chủ nhà thôi.

Đến trưa, đang ngồi trò chuyện với chủ nhà ở mé hiện, anh thấy con mèo quay lại. Ông chủ nhà cũng nhìn thấy nó. Hai cục mỡ gần mép tai ông giật giật lên như thể muốn báo động là ông sắp sửa tấn công con mèo nào. Trong lúc đó, con mèo thông thả



bước vào ga-ra. Nó chẳng biết là chiếc giường êm ấm của nó do anh bày biện cũng đã bị chính anh dọn sạch đi rồi. Để ông chủ yên tâm là anh sẽ không chấp chứa con mèo khi vắng ông nữa, anh đứng dậy đuổi nó đi. Anh thầm nghĩ trong bụng: “Tao phải đuổi mày. Vì nếu tao không đuổi mày thì có người đuổi tao, mày có biết không?” Con mèo ngơ ngác ngó anh, không chạy mà còn có vẻ như muốn đến gần anh, quẩn quít bên anh như mọi hôm. Anh tiếp tục quơ tay xua đuổi nó. Nó đứng yên, nhìn anh, không chạy. Có lẽ nó không tưởng tượng nổi một người bạn thân như anh lại có thể xua đuổi nó. Anh phải vờ tháo giầy ném nó mới chịu lững thững chạy. Nó không chạy hết hoàng bất vía như khi bị ông chủ nhà rượt mà chỉ chạy một cách lững khờ như đang còn tiếc rẻ nơi ăn ở của nó, hay đang còn thắc mắc về thái độ bạc bẽo của anh. Chốc chốc nó quay lại nhìn, đôi mắt buồn thẳm. Anh đứng dõi theo bóng nó mất hút sau lùm cây mà cảm nghe như chính mình đã xua đuổi mình vậy.

Ông chủ đi rồi, anh lại tìm nó, gọi nó, chẳng thấy đâu. Anh thương đôi mắt nó quá. Một con thú hoang mà cũng biết ứa lệ sao! Chút tiền trong túi, anh lái xe ra phố mua cho con mèo vài hộp thịt. Rồi anh lại tìm nó, kêu nó, không thấy nó trở lại. Một ngày, hai ngày, ba ngày, rồi một tuần, rồi một tháng, con mèo đi biến

biệt. Cánh rừng trở nên hoang dã hơn khi vắng bóng một con mèo.

Đêm ấy, ngoài trời, lại một đêm trăng mờ và cũng một vườn tuyết trắng xóa. Anh có thể nhìn những hàng cây khô như bao ước vọng đâm chồi từ vực đáy lòng mình, vươn lên giữa khoảng trời nặng trĩu hơi sương. Và anh thêm được ngắm những tiên nữ trần trụi tắm trăng, thêm được ma quỷ quấy phá, thêm được một con mèo quẩn quít nơi chân.

Xa quê hương, ăn ngủ nhờ, không bạn bè, không người yêu, không người thân thuộc, đứng một mình hiu hắt giữa rừng đêm, anh chẳng phải là một kẻ đi hoang, lạc bầy đó sao! Bất giác, anh buông một tiếng hú dài, lạnh lạnh, vang cả góc rừng.

Tiếng hú không nhằm kêu gọi ai, chỉ như hình gọi bóng, như mình gọi mình, đầy thú tính, man rợ. Tiếng kêu của một con thú đủ bản lãnh để tự sống giữa rừng hoang.

(trích từ *Biển Đời Muôn Thuở* của **Vinh Hào**, tác phẩm đã hết, không tái bản)

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

ÔNG GIÀ NOËL

Chiêu Hoàng

*"Hãy thương yêu,
tất sẽ được yêu thương"*

Năm Chương lên sáu, cha bỏ mẹ con Chương chạy theo dì Quỳnh. Một người ca sĩ trẻ đẹp nhưng chưa nổi tiếng. Mặc cho mẹ khóc, cha vẫn bỏ tất cả những hạnh phúc gia đình, những gì mình có để chạy theo cái bóng chấp chờn trước mắt đang làm cha đảo điên.

Giáng sinh năm ấy thật buồn. Đó là giáng sinh đầu tiên vắng cha. Không khí thật ảm đạm, thê lương. Mẹ cũng đặt trong phòng khách, bên cạnh lò sưởi một cây thông. Không quà, không bánh. Mẹ ngồi thừ người, thỉnh thoảng Chương thấy trên khuôn mặt mẹ những vết hằn của khổ đau và nước mắt. Thương mẹ quá. Chương đã ngồi cầm bút viết cho Ông già Noël một bức thư thật dài đầm nước mắt. Không giống như những năm trước, Chương chẳng xin bất cứ điều gì ngoài việc xin ông hãy mang cha về với mẹ con Chương, sống lại những ngày đầm ấm như xưa. Chương trân trọng đặt bức thư của mình cùng với một ly sữa và một đĩa bánh nhỏ bên cạnh cây thông gần lò sưởi. Chương ngồi bó gối đợi ông đến. Mười giờ..., mười một giờ..., rồi mười hai giờ... Mẹ giục giã bảo Chương đi ngủ, nhưng Chương vẫn cứ chờ. Chờ để nói với ông rằng, Chương nhớ Cha và muốn Cha chính là món quà giáng sinh ông ban trong năm ấy...

Mãi đến gần hai giờ sáng Chương mới thiếp đi bên cạnh lò sưởi. Sáng ra, bóng mẹ vẫn ngồi gục mặt bên lò sưởi như một pho tượng. Bánh, sữa còn nguyên. Lá thư vẫn nằm thản nhiên bên cạnh. Hiên nhiên, ông già Noël đã chưa từng ghé trong đêm qua.

Không có một chút mực nào kể cho hết được nỗi thất vọng của một cậu bé sáu tuổi lúc ấy. Sự thất vọng tột cùng làm dậy lên một nỗi bi ai, thống thiết. Nó có cảm tưởng ông già Noël đã bỏ rơi mẹ con nó - như Cha đã làm - bỏ rơi những người khốn khổ cần giúp đỡ, những người đã đặt trọn vẹn lòng tin về một người...

Những giáng sinh năm sau, Chương không còn viết thư xin xỏ gì ở ông già Noël cả. Mà mĩa mai thay, nó biết ra một sự thật rất tàn nhẫn. Ông già Noël không hiện hữu, chỉ là một hình ảnh không thực có. Nỗi cảm tưởng mình bị lừa dối và đâm ra chán ghét, nó không tin tưởng gì ở tình thương, tình nhân ái. Tâm hồn càng ngày càng cần cỗi, khô khan.

Hai năm sau, mẹ bước thêm bước nữa. Dượng Nhân là người đàn ông nhỏ hơn mẹ hai tuổi. Tính tình tốt nhưng nóng nảy, nhất là trong lúc say, dượng hay chửi mắng, đánh đập mẹ con Chương. Một năm sau, em Nhè ra đời. Mẹ càng ngày càng bận hơn vì cơm áo, vì chồng, con, Chương gần như bị đẩy ra bên lề của cuộc sống. Nếu không có nhiệm vụ giúp mẹ trông em, rửa bát, giặt giũ và làm những việc lặt vặt trong nhà, chắc có lẽ Chương hoàn toàn bị lãng quên trong căn nhà đầy ồn ào tiếng động ấy.

Từ khi có em Nhè, tất cả mọi tình thương của Mẹ và dượng đều dồn cho em. Dượng không thích nghe em khóc, nên cứ mỗi lần Chương trông em mà để em phải khóc là dượng đánh Chương rất đau, lấy cổ ràng, không để ý đến em, không trông em để em phải khóc. Còn mẹ thì quá bận bịu với công việc buồn bán, mẹ đi suốt ngày, tối về chỉ



kip làm cơm ăn qua loa, chơi với em Nhè một lúc rồi đi ngủ. Những lúc có mẹ ở nhà, khi em Nhè giành đồ chơi với Chương hoặc không bằng lòng điều gì, nó khóc toáng lên, dầm chân bánh bạch rồi lăn ra ăn vạ. Cả trăm lần như một, Mẹ lại bảo (câu nói mà Chương đã nghe thuộc lòng) "Em còn bé, con nhường em đi con!" Lúc đó, Chương lại phải nuốt cái cục uất ức xuống bụng để nhường em, ngay cả những chuyện rất vô lý và oan ức, đôi khi còn phải cố em, dỗ dành cho em khỏi khóc. Cả Mẹ lẫn Dượng đều ưu đãi em Nhè, chẳng ai để ý đến những cảm xúc và hiểu được nỗi cô đơn, buồn khổ của Chương, của một đứa trẻ mười một tuổi, vẫn đang rất cần nhiều sự chăm sóc và yêu thương.

Chương không có tuổi thơ. Ở lứa tuổi rất nhỏ nó đã nhận thức được rằng mình phải học cho giỏi, phải thành công để ngăn mặt với đời, để thoát cảnh đánh đập vô cớ của một người dượng trẻ mà người mẹ vì đời sống sinh nhai của gia đình đã không còn cớ thì giờ để mắt đến Chương nữa. Ở lứa tuổi rất sớm, nó đã mong muốn một sự thoát ly. Tâm hồn nó càng ngày càng cần cỗi, nứt nẻ vì thiếu giọt nước thương yêu tưới tắm. Từ bao giờ chẳng biết, nó đã không còn có thể khóc nữa...

*

Nhiều năm sau, Chương trở thành một thương gia giàu có, thành công trên mọi mặt, nhưng tâm thức vẫn khô cằn, phở thành một nhân dáng ít nói và lạnh lùng. Chàng chán ghét những cảnh họp mặt đông đảo, tránh nghe những lời nói yêu thương mà chàng cho rằng giả dối. Chàng đắm nghi ngờ tất cả, không còn tin trên đời này lại có tình nhân ái, lòng yêu thương. Đó chỉ là những "sản phẩm" được tạo dựng bởi những con buôn, nhân cơ hội để làm giàu như hình ảnh ông già Noël ở tuổi thơ chàng. Tâm hồn chàng ngày càng cần cỗi, nứt nẻ, nên không bao giờ có cơ hội nếm được vị ngọt của tình yêu và được yêu. Chàng chưa từng yêu ai, chưa từng mở rộng lòng mình để đón nhận những tình cảm màu nhiệm ấy.

Vài năm sau, chàng cưới vợ. Một cô người mẫu xinh đẹp và nổi tiếng. Họ lấy nhau như một dịch vụ cần thiết. Chàng coi nàng như một món đồ đắt giá, cưới nàng vì



có một cảm giác tự kiêu là mình đã chiếm hữu được một đóa hoa đẹp nhất. Điều kiện của chàng là nàng chỉ cần xuất hiện trong những bữa tiệc thương mại cần thiết. Nàng phải học ăn, học nói, học cách đi đứng của giới thượng lưu. Nàng phải mặc những gì chàng cho là lịch lãm, phải xức loại nước hoa nào chàng thích. Ngược lại nàng bằng lòng lấy chàng chỉ vì chàng có tiền, chàng có thể đem lại cho nàng một đời sống vật chất vương giả nàng cần. Ngoài ra, nàng còn đòi hỏi chàng phải nhường lại một số cổ phần công thêm một số tiền cấp dưỡng hàng tháng. Đối với nàng, nghe ra "dịch vụ" hôn nhân này quả là rất hời, vì những điều kiện chàng đưa ra thật là dễ dàng, đơn giản. Nhưng dần dần, nàng cảm thấy càng ngày mình càng bị tù túng, ngột ngạt, tựa như một người phải khoác lên mình một cái mặt nạ, một "con người khác" không phải là mình. Nàng không làm được những gì mình thích, không ăn những món ăn nàng muốn, không mặc những kiểu mẫu mà chàng cho là "nhà quê, rẻ tiền". Nàng có cảm tưởng mình dần dần đánh mất chính mình. Điều đau khổ hơn cả là tâm hồn nàng bị tổn thương đến tận cùng khi thấy chàng đối xử với nàng chẳng hơn gì một món đồ chỉ để trưng bày cho đẹp mắt... Không thể sống lâu được với những cảm xúc khổ đau ấy, vài năm sau, cả chàng và nàng đều cảm thấy tế

nhạt. Chàng không còn thấy thích với món "đồ chơi" của mình nữa, cho dù có đắt giá đến đâu chàng cũng cảm thấy nhàm chán. Còn nàng thì không thể chịu đựng được cách đối xử của chàng làm tâm hồn nàng bị tổn thương tới tận cùng. Họ ly dị. Nàng được chia một phần gia sản đủ để làm cho lòng tham của mình được thỏa mãn. Chàng trở lại đời sống khô khan như xưa...

Giáng sinh năm ấy. Trong một chuyến làm ăn xa. Người thương gia lang thang đi những bước chân vô định về một miền quê hẻo lánh. Ông không biết mình sinh ra đời để làm gì. Nhìn lại suốt quãng đời từ tuổi thơ tới giờ, ông hoàn toàn không có được một niềm vui nhỏ bé nào. Tâm hồn thê lương, tan tác, thêm vào cảnh buồn bã của buổi chiều tàn làm ông ngơ ngác. Nhìn bầu trời với những đám mây đen kịt sẵn sàng đổ xuống một cơn mưa, ông cũng chưa muốn trở về khách sạn. Thay vì đi ngược trở về, ông lại bước những bước tản ngàn về hướng trước mắt. Ông nghe những giọt mưa đã bắt đầu nhỏ xuống, nhanh dần, rồi sầm sập như có người rượt đuổi sau lưng.

Xa xa, nhìn thấy một ngôi chùa nhỏ. Ông xòai chân ghé tạm trú mưa bên hiên chùa. Tiếng mưa sầm sập đổ, ồn ào vẫn không át được tiếng tụng kinh trầm trầm trong chánh điện.

Ông nghiêng tâm lắng nghe. La lùeng chưa. Chẳng hiểu vị sư nào tụng bằng một ngôn ngữ gì mà ông hoàn toàn không hiểu. Có lẽ, đó là một bài chú nào đó. Âm thanh khi trầm, khi bổng, đánh mạnh vào tâm hồn cần cỗi ông những giọt nước Từ Bi. Ông bàng hoàng, cảm động tới độ bật khóc. Tựa như người vừa tỉnh dậy từ một cơn mơ dài, ông có cảm tưởng tâm hồn mình chưa từng bao giờ khép kín, chưa từng bao giờ cần cội thiếu bóng tình thương. Nó vẫn muốn đời mở rộng mà ông không biết. Duy chỉ một điều là ông đã chưa từng đưa tay nắm bắt những bàn tay khác đã từng đưa ra muốn nắm bắt với ông. Ông chưa từng biết mỉm cười, từ những nụ cười đã từng thoáng qua trong đời mà ông đã để vuột mất. Nay, âm thanh câu như những giọt nước cam lồ tưới tắm làm cho trái tim ông mềm mại, thốn thức. Ông khóc say sưa, nước mắt hòa với nước mưa làm cho ông thấy môi mình mặn mặn. Càng khóc, ông càng cảm thấy nhẹ nhõm và một niềm vui vô bờ nhô lên như những cánh hoa nhỏ.

Cơn mưa dứt từ lâu. Ông cũng ngừng khóc lúc nào không biết. Tiếng tụng kinh cũng đã chấm dứt. Nhưng ông thấy mình vẫn đứng co ro bên mái hiên chùa. Giọng nói trầm trầm của vị sư già từ trong chánh điện vọng ra:

- Sao không vào lễ Phật mà vẫn còn đứng mãi ở đây?

Như một mệnh lệnh bắt buộc phải tuân thủ. Ông lật đặt khe khẽ đẩy cánh cửa bước vào. Vị sư già đang ngồi quay lưng về phía cửa chính, đối diện là một bức tranh Phật bằng vải đã ngả màu. Ông phủ phục xuống chận vị sư già và lại bắt đầu khóc. Ông khóc vì cảm động, chẳng hiểu sự cảm động ấy từ đâu ra mà như nước vỡ bờ làm ông không thể cưỡng nổi.

Bàn tay vị sư ấm áp đầy yêu thương, đặt lên mái tóc đã điểm sương, ướt sũng:

- Ta đã đợi con từ bao lâu nay sao mãi bây giờ mới đến?

Ngẩng lên, nhìn khuôn mặt vị sư khắc khổ, nhưng lại thấp thoáng có nhiều nét thân quen với đôi mắt đầy từ bi. Ông ấp úng:

- Thầy... thầy... nói gì con không hiểu?

Vị sư mỉm cười:

- Có những việc mà ta không cần phải hiểu. Chỉ cảm nhận là đủ rồi.

Với giọng cảm động đầy nước

mắt, ông sụp xuống:

- Xin thầy quy y cho con.

Lễ quy y xảy ra rất đơn giản, yên lặng. Nhưng trong ông cả một sự thay đổi lớn. Ông bàng hoàng ngạc nhiên nhận ra một điều rất hiển nhiên. Ông chưa từng bao giờ bị bỏ rơi, cô đơn và thiếu thốn tình yêu, tâm hồn ông luôn hồn nhiên rộng mở, chỉ có điều ông không nhận ra được thế nào là Hạnh Phúc mà thôi.

*

Giáng sinh năm ấy, nhà tỷ phú phát tâm phát chẩn cho những trẻ em nghèo khó, thiếu thốn và cô đơn. Ông xúng xính trong bộ đồ cải trang thành một ông già Noël với chòm râu trắng phau như tuyết. Ông ngồi trên một chiếc ghế màu đỏ thắm, với khuôn mặt rạng rỡ của một người sẵn sàng cho đi tất cả. Ông mở rộng vòng tay đón chào tất cả các trẻ em đến với ông. Có những đứa bé quần áo lam lũ, lệch thếch, nhưng chúng đến bằng những tấm lòng chân thật, trẻ thơ. Chúng quàng lấy cổ ông, hôn ông và còn thậm chí với ông những ước mơ và những điều bí mật nhất của chúng. Ông cảm thấy ngạc nhiên và vui mừng hết sức. Tại sao Hạnh Phúc đến thật dễ dàng mà cả đời ông cứ phải loay hoay tìm kiếm? Tại sao ông chỉ cần đưa tay là ông được sự nắm bắt? Tại sao ông cho với một lòng nhiệt thành thì ông được trả lại bằng niềm vui bất tận? Ôi. Ông đã phung phí biết bao nhiêu thời gian để chỉ nhận ra được một giá trị duy nhất trong đời: "Hãy thương yêu, tất sẽ được yêu thương."

Tối hôm ấy. Trên con đường về nhà với đôi chân tê cứng, đau nhức vì không biết bao nhiêu trẻ con đã ngồi trên ấy. Nhưng niềm vui đã làm ông không còn cảm thấy mệt mỏi và đau nhức nữa. Ông yên lặng, nghe lòng mình dâng trào lên một niềm an lạc vô bờ. Ông nhẹ nhàng khép đôi mắt, nghe tiếng nhạc giáng sinh rộn rã như tiếng vỗ của thủy tinh, rơi rớt trên thính không phủ xuống trần thế như một đám bụi vàng...

Chiêu Hoàng



THIỆN VIỆN CHÂN KHÔNG

Nalanda Buddhist Study Center

Trung Tâm Tu Học Nalanda

20372 Devonshire Street, Chatsworth, CA 91311. Tel. (818) 416-7646 / (818) 477-0221 Email: thichdongtri@gmail.com

Chatsworth, ngày 12 tháng 11 năm 2012

THƯ MỜI THAM DỰ CHUYẾN THAM QUAN HÀNH HƯƠNG BẮC CALI

(6:30am Fri. Dec.28 9:00pm Dec. 30, 2012)

Tháp tùng trong chuyến hành hương

Kết tình bạn Đạo, bốn phương một nhà

Nói truyền Chánh Pháp Thích Ca

"Đồng tình tương ứng" tuy xa nhưng gần.

Trong cuộc sống bận rộn của người Phật tử tại Hoa Kỳ, chúng ta cần có những ngày nghỉ ngơi thư giãn, phục hồi năng lượng, hưởng những niềm vui. Thật là có ý nghĩa nếu như chúng ta có thể tận dụng được những ngày nghỉ cuối năm 2012 để cùng thực hiện chuyến hành hương, thăm viếng các tự viện, danh lễ chư Tôn Đức Tăng Ni, chia sẻ sinh hoạt cùng với các Phật tử khác, tham quan thắng cảnh, di tích, sống hòa với nhau trong tình huynh đệ, Pháp Lữ, bạn đồng hành và hòa hợp với thiên nhiên,...

Trong ý nghĩa đó Ban Điều Hành Thiên Viện Chân Không tổ chức chuyến hành hương cuối năm 2012 theo Chương Trình như sau :

Thời gian : bao gồm 3 ngày 2 đêm :Từ 6:30am sáng thứ Sáu ngày 28/12 cho đến 9:00pm đêm Chủ Nhật 30/12/2012. (6:30am Fri. Dec.28 9:00pm Dec. 30, 2012)

Địa điểm : khởi hành lúc 6:30am sáng thứ Sáu ngày 28/12/2012 tại Thiên Viện Chân Không, địa chỉ : 20372 Devonshire St , Chatsworth CA 91311

Hành trình : xuyên qua các chùa và thắng cảnh, di tích vùng San Jose, San Francisco, trong đó bao gồm Tu Viện Kim Sơn, Chùa Vạn Phật Khánh Thành, Chùa Đức Viên, Chùa Hồng Danh, Chùa An Lạc, Tịnh Xá Ngọc Hòa, Niệm Phật Đền Fremont, Chùa Nhật, Hoa, Khmer...

Chi phí : 200 USD bao gồm chi chuyển và ăn ở trong hành trình 3 ngày 2 đêm.

Cách ghi danh : Phone đến : 818 477 0221 or 818 416 7646 or 818 489 5973 ... hoặc Email : thichdongtri@gmail.com để đặt chỗ trong chuyến xe hành hương, nên ghi danh sớm để sắp xếp.

Kính chúc Quý Vị cùng thân quyến có nhiều thuận duyên, cát tường như ý, hưởng thượng thắng hoa trong ánh hào quang của mười phương chư Phật.

Kính thư,

TM. Ban Điều Hành Thiên Viện Chân Không

Chứng Minh : **H.T. Thích Bửu Lợi**

Viện Chủ : **H.T. Thích Thông Hải**

Trị Sự : **T.T. Thích Minh Tuệ**



CHÙA THIÊN TRÚC

1083 S 7th Street • San Jose, CA 95112 • Tel: 408 217 9602
E mail: chusthientruong@gmail.com • Website: www.thientruong.org

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

TÂM THƯ KHẨN THIẾT

*Kính bạch chư tôn đức,
Kính thưa quý đồng hương, Phật tử,*

Chùa Thiên Trúc, San Jose, đã 3 năm trôi qua luôn ấp ủ thực hiện ước mơ của toàn thể quý đồng hương. Phật tử là xây dựng một Ngôi Tam Bảo có đủ chỗ đậu xe và làm nơi sinh hoạt thuận tiện cho việc tu tập cũng như những lớp học Tiếng Việt cho con em Việt Nam chúng ta. Nay nhân duyên đó đã đến, có một mảnh đất rộng 7 acres, trong đó gồm 2 ngôi nhà, được bán với giá 750,000 USD, chỉ cách chợ Lion, Tully 10 phút lái xe. Tuy nhiên, số tiền mà chùa hiện nay đang có thì rất khiêm tốn, trong khi đó nhà băng họ yêu cầu phải có 300,000 USD trong tài khoản của chùa họ mới cho mượn cái “loan” 417,000 USD, mà thời hạn thì rất ngắn ngủi. Chẳng biết làm cách nào để xoay sở ra số tiền lớn này trong khoảng thời gian quá gấp gáp như vậy! Chúng tôi chỉ biết cầu nguyện chư Phật gia hộ, chư tôn đức mười phương trợ lực cũng như khẩn thiết kêu gọi quý đồng hương, Phật tử hoặc vận động con em của quý vị hãy phát tâm hoan hỷ cho chùa Thiên Trúc mượn một người chỉ 1,000 USD (một ngàn Mỹ kim,) sau 3 đến 5 năm chùa hứa chắc chắn sẽ hoàn trả lại số tiền mà quý vị đã cho chùa mượn. Đây là một việc làm mang nhiều ý nghĩa và phước đức vô lượng không chỉ cho tiền đồ đạo pháp, mà còn mang lại lợi lạc đến mọi loài chúng sanh. Một lần nữa, chúng tôi tha thiết, khẩn thiết kêu gọi tấm lòng bao dung độ lượng của quý đồng hương, Phật tử hãy cho chùa Thiên Trúc mượn một người chỉ 1,000 USD (một ngàn Mỹ kim) để chùa kịp mượn cái “loan” mua mảnh đất này nhằm xây dựng Ngôi Tam Bảo trên quê hương tự do thân yêu này.

Từ trong sâu thẳm trái tim của quý thầy cũng như Phật tử chùa Thiên Trúc, xin được nói lời cảm ơn chân thành đến chư tôn đức cùng toàn thể quý đồng hương, Phật tử gần xa đã luôn ủng hộ, đang ủng hộ và sẽ ủng hộ trong việc xây dựng Ngôi Tam Bảo đến ngày thành tựu viên mãn.

Thành kính đánh lễ và kính chúc chư tôn đức tuệ nghiệp quang khai, viên thành đại nguyện. Kính chúc quý đồng hương, Phật tử vô lượng an lành trong đạo từ bi của chư Phật.

*Chùa Thiên Trúc, San Jose 10/2012
Trú trì,*

- Mọi chi tiết xin liên lạc:
Chùa Thiên Trúc: 1083 South 7th st. San Jose, Ca 95112
Tel: 408 217 9602
Hoặc Nhật An: 408 217 3154
Nguyễn Dũng: 408 838 6995

*Chi phiếu xin để: Chùa Thiên Trúc
Memo: Cúng dường hoặc cho mượn*

Thích Thiện Long



Chùa thương

thơ

Quang Minh đó chùa thương nhiều kỷ niệm
 Dệt vần thơ ghi lại khúc thiền ca
 Ai đã có những ngày thơ nương náu
 Bên thầy hiền huynh đệ đượm tình thân
 Sốt chia nhau mảnh áo miếng quà thường
 Khi gió lạnh đông về trên vạt nẻo
 Rồi một thoáng ra đi người mỗi ngã
 Bước tha phương rũ bỏ lại bên thềm
 Sầu lữ thứ buổi chiều nơi xứ lạnh
 Chạnh cội lòng giọt lệ nhẹ long lanh
 Chùa thiêng ơi hẹn một ngày trở lại
 Ôm vào lòng tất cả vạt thân thương
 Xin gửi cả tấm lòng cho gió chở
 Theo mây về thăm lại chốn hương xưa.

GIỚI ĐỊNH

**ĐỌC, CỔ ĐỘNG VÀ ỦNG HỘ
 BÁO CHÁNH PHÁP
 LÀ GIÁN TIẾP GÓP PHẦN
 HOÀNG TRUYỀN PHẬT ĐẠO,
 LỢI ÍCH CHÚNG SANH,
 BẢO TỒN VĂN HÓA DÂN TỘC.**

KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ II do GHPGVNTN Hoa Kỳ Tổ Chức tại Miền Bắc California

(tiếp theo trang 12)

Hàng năm hiệu triệu đường tu thiện
 Kiết Hạ an cư mở cửa thiền
 Hội chúng đồng quy về chánh niệm
 Trau dồi giới đức định thanh cao
 Để tâm bạo động lòng cầu thẳng
 Giảm xuống ăn năn biết lỗi lầm
 Để cho hoa lá xanh mặt đất
 Ảnh đạo reo vui nếp thái hòa
 Ánh sáng bình minh hắt tỏa chiếu
 Địa cầu hăm nóng bớt điều linh
 Cúi mong chư Phật thương gia hộ
 Bồ tát oai linh luôn độ trì
 Mong cho đạo pháp hoằng luân chuyển
 Nối khổ u hoài khắp chướng duyên
 Mong cho nhân thế luôn hòa hợp
 Thủ hận oan khiên hóa giải liền
 Mong cho thế sự hăng bình ổn
 Quê mẹ Việt Nam mãi vẫn là
 Non nước rạng ngời Đông Nam Á
 Đem nguồn tịnh lạc đến muôn nơi
 Việt Nam cùng Phật tử thế giới
 Chung gặp nhau nguồn suối yêu thương
 Lại cùng gặp nhau nơi biển tuệ
 Dóng tiếng chuông ngân thức tỉnh đời
 Cúi đầu lễ Thế Tôn Tam Bảo
 Con tâm thành ngưỡng vọng ân triêm.”
Thích Nữ Thanh Diệu Thiện

5. Vài cảm nghĩ học viên trong khóa tu học

“Nếu hằng năm, khóa tu hoặc an cư mười ngày mà biết trước, thế nào con cũng mua vé máy bay sớm cho các đệ tử xuất gia, tại gia, cùng theo để tu học dưới sự hướng dẫn của quý Ông, quý tôn đức trong quý Giáo Hội. Dự khóa tu chỉ năm ngày thôi mà sự tăng trưởng hiểu biết về giáo lý, về trải nghiệm làm Phật sự tại Mỹ bằng cả năm năm tự lần mò kinh điển, tầm chương trích cú. Ngoài quý tôn đức đạo hạnh ra, tu tập mà có đồng môn, có bạn đạo nâng đỡ và tương trợ lẫn nhau, thật là quý báu. Đúng như lời người xưa nói:

“Học thầy học bạn càng mau
 Tâm khai hoa nở nhiệm màu pháp môn
 Nghe diệu pháp nhẹ tâm hồn
 Như thuyền thuận gió hoàng hôn trắng đầy.”
 Ni Sư Trú Trì Chùa Ni Viện Pháp Lạc, Denver

“Đến khóa tu của chư tăng ni trẻ và của các giới Phật tử tại Santa Clara, thành phố San Jose, do Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ tổ chức kỳ hai, tôi có ý là để đứng ngoài quan sát, nhưng khi nhập cuộc mới thấy phương pháp tổ chức và giảng dạy tu học của quý bậc trưởng thượng tôn đức rất có kinh nghiệm và nghệ thuật trao truyền sinh mạch Phật pháp đến các thế hệ Tăng, Ni và Phật tử trẻ, các giới thân hữu tín tâm Tam Bảo tại Hoa Kỳ và hải

ngoại. Tôi chỉ là thành viên dự thính, song thấy được những lợi lạc của khóa tu rất lớn đối với các học viên xuất gia và Phật tử tại gia. Mỗi người đều có hạnh phúc, tràn ngập trên khuôn mặt tươi vui, rạng rỡ và hết lòng thành kính, tôn trọng giờ giấc, quy củ tu học. Tôi nhìn hình ảnh đông vui của chư Tôn đức Tăng Ni và mọi giới Phật tử trong buổi lễ khai mạc, lòng tôi đã thầm phục kính ngưỡng sự nhẫn nại, hạ mình và chịu khó trải lòng phục vụ của Hòa thượng Thích Thái Siêu, trưởng ban tu học khóa tu và toàn ban điều động, trợ tá trực tiếp khóa tu cho trên 500 Tăng Ni và các giới Phật tử học viên.”

*"Kính lễ Phật Pháp Tăng Tam Bảo
Con hân hoan tán thán khóa tu
Dù con đứng ngoài lễ quan sát
Nên khách quan nhận xét không thiên.
Khóa tu tràn giới hương lồng ngọc
Tuệ trí mở bày tâm học viên
Niềm vui hạnh phúc tràn mưa pháp
Xoa dịu trần gian kiếp đọa đầy.
Nguyện chư tôn đức quý giáo hội
Thân an tâm lạc đạo chuyển luân
Đồng lương thạch trụ đời cộng hưởng
Đem đến niềm vui khắp mọi nhà.
Khóa tu năm tới con xin nguyện
Chính thức tham gia khích lệ mình
Trang trải chút tình tới huynh đệ
Tha hương âm lại một buổi tìm
Khóa tu sưởi ấm lòng chung thủy
Một mãng trắng đầy giữa thiên không.
Không hẹn mà gặp trên sông lặng
Từng giọt châu sa xuống biển đời
Đá sỏi nghìn lau hoa nở nhụy
Em thơ cười nhòe sống hồn nhiên
Thế giới ưu phiền thôi nhộn nhịp
Vội từng nhịp thở đón mùa sang
Mùa tu năm tới chắc đông lắm
Những trái tim son đỏ Bụt về
Giáo giới tăng đoàn bên Giáo Hội
Đằm lầy sen nở rộ trời Tây."*

Thích Đức Thông

Viện Chủ Tu Viện A Nan, Gainesville, Florida

"Bạch chư tôn đức và các bạn học viên đồng tu, con và nhà con vốn là một gia đình rất bận rộn, dù đời sống áo cơm âm áp và no đủ. Nhưng nếp tinh thần, đời sống tâm linh rất nghèo và gần như khô cạn sau trên 30 năm hôn nhân, tìm cầu tự do và cái hào nhoáng vật chất bởi cuộc sống tranh đua, hận thù, bạo động, biến thiên, và chạy trốn của con người trong nỗi sợ lo và thất vọng. Con là bác sĩ y



khoa chuyên về tim mạch và các chứng nan y. Vợ của con là bác sĩ phụ sản khoa và chăm sóc nhi đồng. Thế mà hai chúng con không thể chăm sóc mái ấm gia đình và hai cháu một cách hoàn hảo. Sau gần 22 năm xây dựng hạnh phúc hôn nhân và nền tảng cuộc sống gia đình, chúng con đã thất bại kế hoạch gây dựng gia nghiệp, truyền thống nối dõi dòng tộc tổ tiên. Vợ con đã quyết định ly thân với con sau nhiều năm sống chung hay bất bình và xô xát, cãi vã với con. Và cũng vì không chịu được khí tánh tự hào, ương ngạnh, lý luận sắc bén và có vẻ tấn áp bằng sự nóng giận và luật lệ bảo vệ nữ quyền của xã hội dành cho giới nữ tại Hoa Kỳ, tại các quốc gia tân tiến Tây phương, nên con đành chấp nhận số phận của người đàn ông có địa vị, có bằng cấp, có danh vọng và tiền tài, nhưng phải chùn chân vô ngựa. Sau khi ly dị vợ và phải chia sẻ tài chánh để nuôi hai cháu trai còn vị thành niên, tâm thần con mỗi ngày mỗi sa sút và nhiều lần đã vào bệnh viện tâm thần. Nay con may mắn, nhờ bác sĩ lớp đàn anh của con là bác sĩ Phạm Chí Hiếu đang hành nghề ở New York đã giới thiệu cho con vài thiền viện Phật giáo Việt Mỹ để có cơ duyên đến tu tập đạo thiền. Và, hôm nay là lần đầu tiên con dự khóa tu năm ngày do quý thầy trong quý giáo hội tổ chức tại thành phố San Jose bắc California Hoa Kỳ. Khi nhìn thấy gần 200 chư Tăng, Ni về đây ghi danh tu học cùng với trên 300 bạn đạo cư sĩ, con vô cùng phấn khởi và hạnh phúc khi được hội nhập với khóa tu, với tăng thân, đồng hương, đồng nghiệp và các thân hữu cùng đức tin truyền thống. Chỉ vài hôm nghe pháp, ngồi thiền, niệm kinh và theo dõi hơi thở, con đã nhìn thấy bản thân và tâm ý thiếu thanh thản, sáng suốt từ trước đến nay của con. Chính vì sự thiếu hiểu biết giáo pháp, không có pháp môn tu tập nền gia đình của con tan như xác pháo, tinh thần của con rách nát như chiếc áo dơ bẩn nhiều năm. Nghĩ đến nỗi xót trái nghiêm trọng mà con ngậm ngùi và ước mong người vợ yêu quý của con cũng có dịp được đi dự khóa tu như con và các bạn đạo.

Sau khóa tu hai ngày, con nghe lời dạy của thầy giáo thọ Thích Minh Đạt, viên chủ chùa Quang Nghiêm ở Stockton, con đã gọi điện thoại thăm người vợ cũ của con. Con đã tự giới thiệu con đang là một học viên của khóa tu rất dễ thương ở miền bắc California, do quý thiền sư Việt Nam hướng dẫn về phép nuôi dưỡng hạnh phúc gia đình và hôn nhân. Và, con nói với vợ cũ con là, "Nhờ khóa tu thực tế và thân cận với quý Tôn đức Tăng, Ni bạn đạo mà anh hiểu được khuyết điểm lớn của anh hồi chúng ta còn chung sống bên nhau. Hai đứa, ai cũng có ít nhiều sai lầm, nhưng vì bản ngã, vì thiếu sự hiểu biết sâu sắc về tâm lý và thiếu vị thầy tâm linh sáng suốt dìu dắt, soi dẫn cho chúng ta nên chúng ta đã làm đổ vỡ, tan nát hạnh phúc gia đình mà trải qua nhiều năm chúng ta đã vất vả, khổ công gây dựng. Anh thật sự muốn nói lời sám hối, xin lỗi với em, dù anh biết đã muộn trễ, quá muộn trễ." Thưa đại chúng, vừa nói đến đó, con nghe người tình năm kia của con yên lặng, càng im lặng rồi òa khóc nức nở đầu đường dây điện thoại. Thì ra, vợ con đang thương con, đang chờ đợi và mong ngày cả hai được đoàn tụ sau những năm dài nhung nhớ, xa cách mà cả hai không ai dám bày tỏ, can đảm tự hạ mình nói một câu từ tế, xin lỗi nhau...

Ồi! nét đẹp của khóa tu, cái cao thượng hào phóng, đang sáng tạo và tuyệt vời của khóa tu mà con và nhiều người đã nhận được thông điệp của Phật, thông điệp của Từ bi, của cái vô ngã, của sự

phá chấp màu nhiệm, vô cùng màu nhiệm nơi vi diệu pháp, nơi tôn phong truyền dạy, khai tâm của quý tôn đức và quý thầy giáo thọ...”
(**Bác sĩ Lê Thanh Điền** *tiểu bang New Mexico*)

Hạnh Phúc Trong Tâm Đôi Tay

Đến đây con mới biết trời quang rạng
Trăng kia chưa hề khuyết đêm ba mươi
Mặt đất xoay chuyển sáng tối bồi đắp
Tâm trong an lạc nhiệm màu chưa hề
Chưa hề một mây may đeo mặt nạ.
Thực tường diện mục còn vẫn tinh khôi
Pháp màu vi diệu cho con hiểu rõ
Giúp con thấu suốt lý nhiệm chơn thường.
Khóa tu mở bày cho con thánh trí
Thánh pháp thành đức rực rỡ nhiệm màu
Hạnh phúc trong tâm tay, con quên lãng
Nên con mãi tìm vợ vẫn ngoài hiên
Thực tại không gì hơn là hơi thở
Và nụ cười thanh thản bước chân quen.
Tìm đến khóa tu trở về nguồn cội
Trở về phép lạ đang có trong con
Hạnh phúc trong tay đầu có xa lắm
Con đã biết rồi về đẹp thần tiên
Mai về cố quận con hằng ghi nhớ
Mãi trong tâm vẫn những nụ cười
Vẫn một niềm tin sâu nơi Tam Bảo
Có Phật có tăng có pháp màu
Con nguyện ngày mai con sẽ gặp lại
Những tôn đức giáo thọ những bạn hiền
Dù thuyền Bát Nhã hướng về tịnh độ
Lễ Di Đà tạc dạ nhuần ƠN TRIỆM
Xin Tam Bảo gia ân thường hộ trì
Đất xanh màu nở hoa khắp vạn nẻo
Hội ngộ bóng cờ ngũ sắc năm màu
Tĩnh vẫn đẹp mùa xuân không biên giới...
Đệ tử Tâm Giải Hạnh

Tạm Kết

Đức Phật dạy trong kinh Thừa Tự Pháp: “Nầy quý thầy và chư tăng ni giáo đoàn của Như Lai, ở đời có hai loại tài sản mà người ta tìm cầu, đó là tài sản vật chất và tài sản thánh trí. Tài sản vật chất thì người ta có thể tìm cầu nơi thương nghiệp, trong sự mua quan bán chức. Nhưng, tài sản thuộc về thánh trí thì người ta chỉ có thể tìm cầu ở nơi các bậc thánh có trí tuệ, có lòng từ bi và đạo hạnh. Giới đức thanh tịnh, định lực vững chắc và trí kiến giải thoát; nghĩa là tìm cầu thánh trí nơi người đã vượt qua được các cam bẫy sắc dục, tham ái, sân hận và tà chấp. Quý Thầy, quý Sư Cô trong giáo đoàn Như Lai, nên tinh cần an cư nhập Hạ, kiết giới và đến với những tăng đoàn có phẩm hạnh và thanh tu, tinh lọc tư tưởng, lời nói qua giới đức, định lực và trí kiến vượt thoát, thì quý vị có thể tìm thấy được năng lượng thánh trí và thẳng nghĩa pháp cũng gọi là thánh tài nơi những bậc thầy ấy. Nầy quý thầy trưởng lão và các tỳ kheo học khất sĩ, giữa thế gian ô trọc có đầy cam bẫy dục lạc, ma lực và tà kiến; nhưng, giữa thế gian ô trọc không phải không có các bậc thánh đức, thánh trí và thánh tài. Quý vị hãy nên tự thanh tịnh thân, miệng và ý, tự nên lùi về an ẩn nơi các vùng núi, rừng, biển cả, ngoại thành không ồn náo hay trong những đạo tràng tu học, có các vị giáo thọ chuyên trì mật hạnh, nội quán sâu lắng, tinh minh giới luật và 12 thiền định để tìm cầu thánh trí, thánh tài, và vi diệu pháp khai tâm.” Nói đến đây, đức Phật tóm yếu thì kệ:



“Trong thế gian ô trọc
Luôn có các thánh tài
Người đời cầu tài vật
Trong thương trường quan vương
Xuất sĩ cầu giải thoát
Nương thánh trí thanh bần
Thường an trú hang cốc
Trên núi đồi ngoại thành
Hay đôi vắng ven biển
Hoặc trong các tranh am
Ai đủ duyên mới gặp
Ai tha thiết tâm thành
Mới tri ngộ đại thánh
Như trong bunnbun đơ
Hoa sen thơm rộ nở
Hương bay ngược gió chiều
Tự trau tâm thanh tịnh
Thánh tài như sở cầu
Như đại bàng tung cánh
Vạn dặm giữa trời không
Reo vui lối an lạc
Không hạn chế tự do
Đến đâu cũng hạnh phúc
Sống đâu cũng an toàn.”

Qua đó, chúng ta thấy rõ rằng, trong hoàn cảnh nào, trong khó khăn nào, trong môi trường nào, chúng ta cũng có thể tìm thấy ánh đạo vàng trong cuộc sống, trong mọi biến tướng của xã hội và thời đại.

Ngày nay, ở đâu cũng có bạo động, chiến tranh, hận thù và đau khổ. Trong đời sống cá nhân, trong gia đình và trong cộng đồng xã hội, không có ai, không nơi nào mà có sự bình thản, an ninh và hạnh phúc chân thực. Thế gian đang là một lò lửa nung đốt, đang là một đại hỏa diệm sơn, đang là một cơn bão tố của tham lam, sân hận và si mê u tối. Vì vậy, con đường trở về nội quán, tu tâm dưỡng tánh, thực tập chánh niệm, thiền định, truy tâm, định tâm và không phóng tâm là chúng ta có thể chuyển hóa cõi ta bà thành Tịnh độ, chuyển hóa khổ đau thành an lạc Niết Bàn.

“Khổ đau từ đâu tới, Em có biết hay chăng?
Mây đen từ đâu tới, Em có biết hay chăng?”

Tham, sân, mù quáng là cội nguồn. Từ bi, trí tuệ là chiến lược, chiến hào, chiến tuyến và dũng sĩ dũng cảm, hóa giải tất cả nguồn gốc khổ đau.

Cư sĩ Nguyễn Hồng Đức
(Pd. Nguyễn Quang ghi thuật)



TÂM THƯ XÂY DỰNG CHÙA BÁT NHÃ

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính Thưa quý Đồng Hương Phật Tử,

Chùa Bát Nhã được hình thành và gắn liền với Cộng Đồng Ty Nạn hơn hai mươi năm. Trải qua những năm tháng thăng trầm, Chùa Bát Nhã đã vươn vai gánh vác rất nhiều công tác Phật sự của Giáo Hội Phật Giáo và tham gia các chương trình bảo trợ do cộng đồng ty nạn đảm trách nơi quê hương thứ hai này. Ngoài là nơi giúp thanh thiếu niên trau dồi tiếng Việt, tôi luyện võ thuật, nâng cao kiến thức Giáo Lý Phật Đà, Chùa Bát Nhã còn là nơi tổ chức cũng như diễn ra nhiều hoạt động và sự kiện ý nghĩa khác.

Để đáp ứng nhu cầu cần thiết và nguyện vọng của quý Đồng Hương Phật Tử đã tin tưởng chọn chùa Bát Nhã làm nơi quy ngưỡng đời sống tâm linh của mình, Chùa Bát Nhã sẽ khởi công xây dựng Ngôi Đại Hùng Bảo Điện vào hạ tuần tháng 6 năm 2012.

Đây là một công trình vĩ đại xứng đáng được hậu thế tự hào và bảo tồn, tuy nhiên kinh tế của chùa vẫn còn eo hẹp. Do đó Phật tử gần xa nên vì tương lai Phật pháp và thế hệ mai sau mà hoan hỷ đóng góp một bàn tay để công trình xây dựng sớm được thành tựu viên mãn.

Sau khi chùa Bát Nhã hoàn thành chúng tôi quyết tâm thực hiện những hoài bão:

- 1 - Tôn thờ 10.000pho tượng Phật và Bồ Tát
- 2- Di sản văn hóa của dân tộc Việt Nam tại hải ngoại
- 3 - Trụ sở của Giáo Hội Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ và Liên Châu
- 4- Là nơi quy tụ Chư Tôn Đức Tăng ni – An Cư Kiết Hạ và các khóa tu học thường xuyên cho tín đồ Phật tử.
- 5- Đào tạo thanh thiếu niên “Biết nói tiếng nước tôi “, cũng như thể dục, đức dục, và trí dục.
- 6- Giúp đỡ hậu sự những gia đình khó khăn khi có người thân qua đời
- 7- Trung tâm dưỡng lão cho Chư Tôn Đức Tăng Ni khi tuổi già sức yếu.
- 8 - Tôn thờ hình ảnh và hài cốt chư hương linh quá cố
- 9- Đền thờ Quốc tổ chư Anh Linh.Anh hùng chiến sĩ vì quốc vong thân và Đồng bào tử nạn.

Kính mong Chư Tôn Thiền Đức Tăng Ni và Đồng hương Phật tử hoan hỷ liễu tri.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ tát Ma Ha Tát.

Viện chủ chùa Bát nhã

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

(ấn ký)

Mọi chi tiết xin liên lạc địa chỉ:

803 S Sullivan St., Santa Ana, CA 92704

Điện thoại: **714-571-0473** - Fax : 714-568-1009 - Email :Batnhacali@yahoo.com